

15 THÁNG 4 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

TRẦN LƯƠNG NGỌC *trận giặc vàng* * VIỆT PHƯƠNG
bão đã nổi lên ở Đông-Âu * VÕ PHIẾN *chửi* *
TRẦN THÁI ĐÌNH *quan niệm cơ-cấu trong các khoa-*
học nhân-văn * LÊ VĂN SIÊU *trả lời ông Lý-Phật-*
Sơn về truyện - kịch quốc sư Vạn-Hạnh * ĐOÀN
THÊM *những ngày chưa quên : tham nhùng và Ô.*
Diệm * MỘNG TRUNG *nhạc Việt xứ người : những*
chuyến đi * VÕ HỒNG *gió cuốn* * NGUYỄN VĂN
XUÂN *trong nhà hộ sinh* * NGUYỄN NGỌC
LAN *Martin Luther King người con da đen của*
thánh Gandhi * TỪ TRÌ *thế giới trong những*
tuần qua * NGÊ BÁ LÍ *thấy và nghe em hát*
SINH HOẠT *giải thưởng phê*
bình của hội Bút-Việt * *Thời-sự*
khoa học * *Thời sự văn-ngệ* *

271



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 76

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê — SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh — SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 271 ngày 15 - 4 - 1968

TRẦN LƯƠNG NGỌC <i>trận giặc vàng</i>	3
VIỆT PHƯƠNG <i>bão đã nổi lên ở Đông-Âu</i>	11
VÕ PHIẾN <i>chửi</i>	18
TRẦN THÁI ĐỈNH <i>quan-niệm cơ-cấu trong các khoa - học nhân-văn : những bình-diện của ngôn-ngữ</i>	25
LÊ VĂN SIÊU <i>trả lời ông Lý - Phật - Sơn về truyện-kịch Quốc - sư Vạn-Hạnh.</i>	29
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : Tham-nhông và Ông Diệm.</i>	36
MỘNG TRUNG <i>những chuyến đi : (nhạc Việt xứ người).</i>	44
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	49
NGÊ BÁ LÍ <i>thấy và nghe em hát (thơ)</i>	56
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>trong nhà hộ-sinh (truyện ngắn)</i>	57
NGUYỄN NGỌC LAN (L.M.) <i>Martin Luther King, người con da đen của Thánh Gandhi.</i>	65
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	73
SINH - HOẠT	
MỘT NGƯỜI CẦM BÚT <i>giải thưởng phê-bình và kỷ-niệm 10 năm của Bút - Việt.</i>	77
NGỌC <i>thời sự khoa-học</i>	77
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Khói lửa kinh - thành** nguyên tác « Moment in Peking » của Lâm-ngữ-Đường, bản dịch của Vi-Huyền-Đắc, do Gió Bốn Phương xuất bản và dịch-giả gửi tặng. Trọn bộ gồm 2 tập dày 760 trang, một kiệt tác của Lâm-Ngữ-Đường, đã được kịch-tác-gia Vi-Huyền-Đắc dịch và đăng tải trên Bách-Khoa từ năm 1957. Mỗi tập giá 120 đ.

— **Nhà Chúa** số 1, tập san thần học tu đức do Hiệp-hội tu-sĩ Việt-Nam chủ trương, số Xuân Giáo-hội, ra ngày 15-1-1968, xuất bản 2 tháng một kỳ. Chủ nhiệm : L.M. Đỗ-Xuân-Quế. Báo quán : 43 Nguyễn Thông Saigon. Mỗi số dày 144 trang, giá 50 đ.

— **Góc trời quê hương** tập thơ của Nguyễn Song Anh, do Chinh-Nguyên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 40 trang gồm 26 bài thơ. Phụ-bản của Nguyễn-Khai và My-Sơn. Giá 65 đ.

— **Sám hối** tiểu thuyết của Minh-Đức Hoài-Trình do Triều-Dương xuất bản và tác-giả gửi tặng. Truyện dài thứ 5 của Minh-Đức Hoài-Trình dày 230 trang. Giá 120 đ.

— **Ngựa tía** truyện dài đầu tay của Y-Uyên, do Giao-Điền xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 170 trang, bìa do Nguyễn-Trung, Bản đặc biệt. Giá bán thường 90 đ.

— **Người về đầu non** truyện của Võ-Hồng, do tập san văn xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 134 trang, bìa do Nguyễn-Trung, Bản đặc biệt.

— **Cơn mộng du hoang đường**, tập thơ của Mặc-Dzyêu, do Tím Sóng xuất bản và nhóm văn-nghệ Tím Sóng gửi tặng. Sách in ronéo, gồm 15 bài thơ.

— **Nửa đường đi xuống** truyện của Thế-Phong, Tủ sách Đại-Nam Văn-

hiển, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 518 trang, bìa của Nguyễn-Cao-Đàm. Giá 200 đ.

— **Việt-Nam, the sky under fire and flames**, nguyên tác Việt-ngữ của Thế-Phong, bản dịch Anh ngữ của X.H., Đại-Nam văn-hiến xuất bản, in ronéo lần thứ 2, gồm 5 bài thơ, dịch ra Anh-ngữ. Sách dày trên 40 trang, khổ 20 x 27. Giá 200 đ.

— **Poems** bản dịch Anh-ngữ của X.H. 13 bài thơ của : Trần-thị Tuệ-Mai, Hoàng khoi-Phong, Phan-Lạc Giang-Đông, Du-Tử-Lê, Văn - nguyên - Dương, Thế-Phong. Đại-Nam văn-hiến xuất-bản, in ronéo, dày 32 trang, khổ 20 x 27. Giá 200 đ.

— **Ả Q chính truyện** của Lỗ Tấn, Giản-Chi chủ dịch, Cảo-Thơm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 194 trang, có chân dung và bút tích tác-giả, mạn họa của họa-sư Phong-Tử-Khải, ngoài ra còn bài tựa bản dịch « Ả Q chính truyện » ra tiếng Nga. Giá 150 đ.

— **Câu chuyện hội họa** của Thái-Tuấn do Cảo-Thơm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 180 trang gồm 18 bài về hội-họa. Giá 90 đ.

— **Hành chánh học** của Nghiêm-Đăng và Vũ-Uyên-Văn, Giáo-sư Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, do Hội Nghiên-cứu Hành-chánh xuất bản và gửi tặng. Sách dày hơn 500 trang, gồm 4 thiên và 17 chương, từ « Khái niệm đại cương... » đến « vấn đề lãnh đạo », biên soạn công phu.

— **Việt-nam thi-nhân tiền chiến** (quyển thượng và quyển trung) do Nguyễn-tấn-Long và Nguyễn-hữu-Trọng biên soạn, Sóng Mới xuất bản và soạn-giả gửi tặng. Quyển thượng dày 456 trang, gồm 17 nhà thơ, Giá 180 đ. Quyển trung, dày 644 trang, gồm 20 nhà thơ, giá 250 đ. Mỗi nhà thơ đều có phần tiểu-sử, phần nhận định tác phẩm và phần trích dẫn các bài thơ. Quyển hạ sẽ được xuất bản kế tiếp quyển trung nói trên đây.

Trận giặc vàng

Trong tháng ba vừa qua, nền tài-chánh quốc-tế, vừa mới tạm ổn-định sau vụ phá giá đồng Anh-kim, lại đột nhiên lung lay vì trận giặc vàng âm-âm kéo tới. Vào lúc nguy kịch nhất, trận giặc vàng này đe dọa sẽ biến thành một cơn khủng-hoảng trầm trọng không kém gì cơn khủng-hoảng kinh-tế hồi 1929. Trên thị-trường Âu-châu, và nhất là ở thị-trường vàng Luân-đôn, thiên hạ đổ xô đi mua vàng về tích trữ. Trong một ngày mà tại thị-trường Luân-đôn đã bán ra 150 tấn, một số vàng lớn gấp 20 lần mức thường. Ngay cả khi đồng Anh-kim phá giá, số vàng bán ra cũng chỉ có 100 tấn một ngày. Giá vàng trên thị-trường tự-do cũng lên vùn vụt từ giá ấn-định là 35 đô-la một ounce (31 gram 103) lên tới 40, rồi 43 đô-la. Có bao nhiêu đô-la, thiên hạ bỏ ra mua vàng hết. Chỉ trong vòng hai tuần, số vàng do Mỹ bán ra đã đáng giá một tỷ đô-la. Từ số dự trữ vàng đáng giá 23 tỷ đô-la hồi năm 1957, Mỹ chỉ còn có hơn 11 tỷ trong kho. Số dự trữ vừa đủ để bảo đảm cho 25% tổng-số đô-la do Mỹ phát-hành. Cứ cái đà đó mà tiến, chỉ trong vòng hai tuần là Mỹ có thể vỡ nợ vì không có đủ vàng để đổi lấy đô-la của các người ngoại-quốc.

Tình hình trở nên nghiêm-trọng, các con buôn đầu-cơ vàng hân-hoan vì sắp được món lời lớn. Báo-chí và đài phát-thanh các nước Cộng-sản tiên đoán nền tài-chánh Tây-phương đến lúc sụp đổ.

Nhận định tiên-tri của Lenin: « Phá-hoại hệ-thống tiền-tệ là phương-pháp hữu-hiệu nhất để đánh bại chế-độ tư-bản » lại gần như được chứng minh. Trong khi đó các nhà tài-chánh và chủ ngân-hàng của các quốc-gia Tây-phương nhóm họp ngày đêm để lo chặn đứng cơn sốt vàng đang làm tiêu-hao sức khỏe của nền tài-chánh kinh-tế Tây-phương và thế-giới.

Sau hai ngày bàn luận các thống-đốc ngân-hàng của các quốc-gia Tây-phương quyết định không mua và bán vàng trên thị-trường nữa. Số vàng dự-trữ còn lại chỉ dùng để trang trải công nợ giữa các quốc-gia với giá 35 đô-la một ounce, còn đối với các con buôn, bọn đầu cơ vàng và các cơ xưởng kỹ-nghệ cần dùng đến vàng, giá vàng sẽ được định theo luật cung cầu. Nghĩa là nhiều người mua ít người bán thì giá vàng cao và ngược lại. Vàng đã trở nên một loại hàng hóa thông thường như các loại hàng hóa khác và không có một vai trò quan trọng trong hệ thống tiền tệ nữa.

Sau khi biện pháp hai giá vàng được áp dụng đồng thời với việc đóng cửa thị-trường vàng tại Luân-đôn và Zurich trong nửa tháng, từ 15 tháng Ba đến 1 tháng Tư, để ổn-định thị-trường, giá vàng trên thế giới lại tụt xuống từ giá kỷ lục là 44,36 đô-la xuống còn có 36 đô-la một ounce và hiện giờ chập chờn ở mức 38 đô-la. Cơn sốt đôi đô-la lấy

vàng được chặn đứng. Các nhà kinh-tài xoa tay thở phào nhẹ nhõm, trong khi bọn con buôn đầu cơ vàng nhần nhó vì đã thua một keo lớn.

Chiến trường vàng

Nhưng cả người được lẫn kẻ thua đều biết chắc rằng đây chưa phải là keo ăn thua cuối cùng. Tình hình tiền-tệ thế-giới còn đầy rẫy những khúc mắc, những cạm bẫy, chỉ sai một ly là cũng có thể chuyển bại thành thắng trong khoảng khắc. Để tìm ra những cạm bẫy đó, ta sẽ bước vào mê hồn trận bí hiểm về tiền-tệ, trong đó các con buôn các nước thù nghịch về chính-trị và các nhà hữu-trách về mức quân-bình và thịnh-vượng thế-giới đang rình rập để tặng nhau những đòn chí tử.

Chiến-trường hiện nay là vàng. Trước kia, vàng đã được dùng làm đơn-vị trao đổi đồ vật. Muốn mua hoặc bán gì người ta đều dùng vàng làm đơn-vị định giá. Sau đó người ta dùng tiền và lấy vàng làm căn bản. Các quốc-gia phát hành tiền theo số vàng sở hữu và tất cả số tiền đó đều có thể được đổi ra vàng. Mới đầu, tiền giấy phát-hành được bảo đảm 100 % số lượng tương đương bằng vàng. Đó là hệ-thống kim-bản-vị. Về sau, vào khoảng năm 1920, người ta nhận thấy có thể rút số vàng bảo đảm mà không nguy hại đến giá trị tiền-tệ. Do đó các quốc-gia chỉ dùng vàng để bảo đảm một phần cho số tiền lưu hành: Phần xuất dự-trữ thông thường là 25 %, nghĩa là nếu có 25 đô-la vàng thì có thể in ra 100 đô-la giấy. Đó là hệ thống kim-bản-vị biến-thể.

Cho tới nay vàng, đô-la Mỹ và Anh kim là ba loại trữ-kim được coi là có giá trị và được dùng làm đơn-vị giao-hoán quốc-tế. Ba loại tiền này là ba cái chân vạc để giữ cho nền mậu-dịch quốc-tế được vững chãi. Nếu chỉ một chân bị

gãy thì hai chân kia cũng lung lay. Mà nếu cả hai chân bị gãy thì chân thứ ba tự khắc phải sụp xuống. Cho tới tháng 11 năm 1967, sau mấy năm chịu đựng và gắng gượng, chân thứ nhất là đồng Anh kim đã bị gãy. Để cứu vãn nạn khiếm khuyết trầm trọng về cân cân chi phó (nhập cảng nhiều hơn xuất cảng), chính phủ Anh đã hạ giá đồng Anh kim 14,3 %, từ một Anh kim ăn 2,80 đô-la xuống còn có 2,40 đô-la.

Tấn công đồng đô-la

Sau khi đã thanh toán xong đồng Anh-kim, bọn đầu cơ quốc-tế lao vào tấn công đồng đô-la. Thực ra, đồng đô-la còn khoẻ hơn đồng Anh-kim rất nhiều. Nước Mỹ hiện nay vốn là nước giàu có nhất thế giới và tuy Mỹ cũng bị khiếm hụt cân chi phó hàng năm vào khoảng 5 tỷ đô-la, số khiếm hụt chỉ là một phần không đáng kể (0,004 %) của sản-lượng quốc-gia. Nhưng Mỹ lại có nhược điểm là đã chót hứa với tất cả thế-giới hễ ai không muốn giữ đô-la nữa thì cứ đem đến ngân-hàng đổi lấy vàng với giá là 35 đô-la ăn một ounce. Cho tới nay vì chi phí quân-sự, viện-trợ, đầu-tư và du-lịch ở ngoại-quốc, Mỹ đã đặt vào tay các quốc-gia và tư-nhân ngoại-quốc một số tiền là 36 tỷ đô-la, trong khi đó Mỹ chỉ có 11 tỷ đô-la vàng dự trữ. Nếu tất cả mọi người đều nhất tề đem đô-la đổi lấy vàng thì nền kinh-tế Mỹ sẽ phá-sản trong khoảnh khắc. Nhìn thấy đô-la Mỹ ở vào thế hờ như vậy, bọn đầu-cơ và các quốc-gia thù nghịch của Mỹ bèn tấn công vào đồng đô-la bằng cách làm tan hoang thị-trường vàng. Bọn đầu-cơ thì lo làm giàu bằng cách mua vàng với giá 35 đô-la, đợi khi nào vàng tăng giá sẽ bán ra. Các nước thù nghịch với Mỹ, trong đó có Pháp, thì muốn đồng đô-la

mất ưu-thể hiện tại trên thương-trường quốc-tế, có bao nhiêu đô-la bỏ ra mua vàng hết, để mang về cất kín một chỗ cho bỏ ghét.

Lối thoát

Trước sức tấn công ồ-ạt như vậy, Mỹ có thể phản-ứng bằng nhiều phương-sách. Phương-sách thứ nhất là phương-sách «chạy làng». Mỹ có thể tuyên-bố là không bằng lòng đổi vàng lấy đô-la nữa. Ai có đô-la muốn mua hàng và dịch-vụ của Mỹ thì mua chứ không mua được vàng của Mỹ. Đó là phương-sách dễ nhất, nhưng cũng là khó nhất. Vì như vậy đã mắc tội bội-tín. Hơn nữa, đồng Mỹ-kim sẽ mất uy-tín vì chỉ có các quốc gia muốn buôn bán với Mỹ mới giữ Mỹ-kim còn các quốc-gia khác đều không muốn giữ. Thực ra hiện nay có một số quốc-gia đã lấy Mỹ-kim làm ngoại-tệ dự trữ, trong số đó có cả Việt-Nam, nhưng bắt cả thế-giới phải dùng đô-la làm đơn-vị tiền - tệ thì cũng khó nghe như bắt cả thế-giới phải nói tiếng Mỹ, có lẽ còn khó hơn. Phương-sách thứ hai, tương tự như phương-sách thứ nhất nhưng đứng đắn hơn một chút, là Mỹ sẽ bán hết cả số vàng dự trữ ra. Sau đó tuyên-bố là sẽ không mua bán vàng nữa và đồng đô-la sẽ được bảo-đảm bằng số hàng-hóa và dịch-vụ của Mỹ. Phương-sách này, vì đứng đắn hơn, có thể dễ được chấp nhận hơn nhưng cũng vẫn còn khó vì những lý-do vừa nói. Phương-sách thứ ba là Mỹ tăng giá vàng lên thí dụ là 70 đô-la một ounce. Như vậy số vàng của Mỹ hiện có sẽ đủ để đổi lấy hết số đô-la do người ngoại-quốc còn giữ. Nhưng làm như vậy là Mỹ đã thua đậm vì bọn đầu-cơ tự nhiên được lời, vì đã mua được vàng lúc giá hạ rồi. Hơn thế nữa, làm thế là Mỹ hại các nước

bạn vì đương nhiên số đô-la mà các nước này dự trữ chỉ có giá-trị bằng một nửa lúc trước. Và như vậy, đồng đô-la đã hạ giá đi một nửa. Điều mà Mỹ và các quốc-gia khác đều muốn tránh vì nó sẽ lôi kéo theo nhiều ảnh-hưởng tai hại cho nền mậu-dịch và sự ổn-định kinh-tế quốc-tế. Người ta còn nhớ sau khi Tổng-thống Roosevelt định lại giá vàng từ 20,67 đô-la một ounce lên 35 đô-la một ounce vào năm 1934, mậu-dịch thế-giới đã giảm 59% trong khoảng 1929-1936.

Sau khi đã cân nhắc cả ba phương-sách mà không chọn được phương-sách nào, Mỹ bèn cầu cứu với các nước bạn. Năm 1966 trong một hành-động tương-thân tương-trợ, bảy quốc-gia Tây-phương, là Anh, Tây-Đức, Thụy-si, Ý, Bỉ, Hòa-lan và Pháp đã chung lưng với Mỹ lập một tổ-hợp vàng với số vàng dự trữ là 26 tỷ đô-la (trong đó Mỹ góp một nửa) dàn thành thế liên-hoàn để ngăn chặn trận giặc vàng. Về sau vì xích-mịch và cũng vì muốn thọc gậy bánh xe, Pháp bỏ hàng ngũ tổ-hợp vàng, trút gánh nặng là 9% của tổng-số đóng góp cho Mỹ chịu. Tổ-hợp vàng nguyên sẽ tranh đấu đến thời vàng cuối cùng để giữ cho đồng đô-la khỏi bị sụp-đổ. Nhưng chỉ trong vòng ba tháng, từ tháng 12-1967 đến tháng ba 1968, trước sức tấn công tàn bạo của bọn đầu cơ, số dự-trữ vàng của tổ-hợp đã mất 10%. Hàng ngũ tổ-hợp đã bắt đầu nao núng. Ý và Bỉ đã lăm le theo chân Pháp, còn Anh thì như người vừa ốm dậy sau vụ hạ giá nên cũng ngất ngư.

Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế.

Tình thế khẩn trương. Mỹ bèn cầu cứu đến một lực lượng mạnh hơn: Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế, một tổ-chức quốc tế gồm 107 quốc-gia hội-viên, trong đó

có Việt-nam, mới thành lập từ năm 1944. Tuy mới thành lập được hơn hai chục năm nhưng Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế đã là cứu-tinh cho nhiều quốc-gia trong cơn hoạn nạn. Việt-nam cũng đứng trong số các quốc-gia thọ ơn khi, năm 1966, với sự cố vấn và bảo trợ của Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế, đồng bạc Việt-nam đã được hạ giá trong một cố gắng quyết liệt chặn đứng nạn lạm-phát. Sau Việt-nam đến Anh và bây giờ là Mỹ. Mỹ đã yêu cầu Quỹ Tiền-tệ cho phép ngưng bán vàng cho thị trường Luân-đôn và chỉ dùng vàng để trang-trải công nợ giữa các quốc gia. Giải pháp này tương tự như phương sách chạy làng nói trên, nhưng khác ở chỗ tương quan giữa đô-la và vàng hãy còn được giữ, trong khi nạn đầu cơ vàng bị chặn đứng vì không còn ai mua vào bán ra vãng nữa.

Biện pháp đó tuy có hậu quả nhất thời nhưng hãy còn có những khuyết điểm và chưa đi tới nguồn gốc của căn bệnh. Nó giống như liều thuốc an thần để cho bớt đau nhưng không tẩy được ung nhọt đang hành hạ con bệnh. Đằng sau cơn sốt vàng còn có những nguyên nhân sâu xa hơn nữa cần những liều thuốc mạnh hơn nữa.

Kim khí mọi rợ

Nguyên nhân quan trọng hơn cả là sự phát triển quá mức của nền kinh tế Mỹ. Trong những năm vừa qua, do cuộc chạy đua vũ trang, chiến tranh Việt-nam, và do chính sách «tay súng, tay cây» của Tổng thống Johnson, vừa cải tạo xã hội vừa tham-gia chiến tranh, Mỹ đã phải chi ra nhiều hơn là thu vào, gây ra một áp lực lạm-phát đáng kể cho nền kinh-tế. Với sự phồn-thịnh do chiến tranh gây ra, dân Mỹ cũng ăn tiêu nhiều

hơn, dùng đồ nhập cảng, du lịch ngoại-quốc nhiều hơn, khiến cho đồng đô-la đội nón ra đi. Bởi vậy song song với biện pháp ngưng mua bán vàng, Mỹ đã thi-hành một chính sách khắc khổ nhằm mang lại thể quân-bình kinh-tế. Mỹ dự định tăng thu bằng cách nâng thuế lợi-tức lên 10 0/0 và giảm chi bằng cách cắt công phí đi 9 tỷ trong tài-khoá 1969. Lãi suất trong nước cũng được nâng cao để một phần ngăn chặn sự bành trướng quá mức của kỹ-nghệ và một phần khuyến khích các tư-bản Mỹ giữ tiền sinh lợi ở trong nước. Đồng thời, Mỹ cũng tăng thuế du-lịch, hạn chế số hàng mang về được miễn thuế để dân Mỹ bớt tiêu tiền ở ngoài. Các biện-pháp đó đều là những liều thuốc đắng mà Tổng thống Johnson sẽ bắt dân Mỹ uống, và có thể cũng vì thế mà dân Mỹ sẽ nổi nóng mà cho ông Tổng-thống đi nghỉ dài hạn.

Nguyên-nhân sâu xa nữa nằm chính trong việc dùng vàng làm đơn-vị bảo đảm tiền-tệ. Tất cả các nhà kinh-tài quốc-tế, ngoại trừ một vài nhà kinh-tế Pháp, đều cho việc dùng vàng làm căn-bản tiền-tệ là một tập-tục lỗi thời và vô lý. John Maynard Keynes, cha đẻ của nền kinh-tế-học hiện-đại, cho vàng là một loại «kim khí mọi rợ» (a barbarous metal). Lenin, chăm biếm hơn nữa, coi vàng là một loại kim-khí chỉ đáng dùng để lót nhà vệ-sinh công-cộng. Thật vậy, một trong những hành-động vô nghĩa và ngu-xuẩn nhất của nhân-loại là xả thân đi xuống mỏ sâu hàng bốn năm cây số lấy được một ít vàng lên để rồi lại dấu kỹ nó vào những hầm dưới đất. Đã thế vàng lại mỗi ngày một hiếm, số sản xuất chỉ có hạn. Trong năm 1967, số vàng mới khai chỉ có 1,4 tỷ đô-la (phần lớn do Nam-Pai sản xuất) trong khi đó chỉ có nhu cầu kỹ-nghệ cũng đã xài tới 1,7 tỷ đô-la.

Phí tồn khai thác lại ngày một cao, khó lòng có thể giữ mãi vàng ở giá 35 đô-la một ounce. Sớm muộn thế nào cũng phải tăng giá. Và nếu tăng giá thì lại xảy ra nạn đầu cơ, phá giá mà thế-giới đang cố gắng tránh.

Vàng giấy

Bởi vậy giải-pháp hiệu-nghiệm và vĩnh cửu nhất là thay thế vàng bằng một căn-bản giao-hoán khác, không bị chi phối bởi luật cung cầu để có thể linh động giữ vai trò làm trơn tru guồng máy mậu-dịch quốc-tế. Giải pháp này đã được nói tới trong nhiều năm qua và đã được bắt đầu xúc tiến tại hội-ngập Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế trong tháng chín vừa qua tại Rio de Janeiro. Giải pháp này, khi được thí-hành vào năm 1971, sẽ biến vàng thành một loại kim thường và rẻ như bạc hiện tại. Một loại «vàng giấy» sẽ thay thế vàng làm căn bản mậu dịch. Loại vàng giấy này, tiếng chuyên môn gọi là «Quyền vay đặc biệt» (Special Drawing Rights) là một quỹ đặc biệt do Quỹ Tiền-tệ giữ với sự đóng góp của các nước hội-viên. Trước kia, Quỹ Tiền-tệ đã có những quỹ tương tự nhưng các quốc-gia hội-viên chỉ được vay theo tỷ-số cổ phần đóng góp chứ không theo nhu cầu cấp bách. Bởi vậy có khi nước giàu mạnh thì lại được vay nhiều còn nước nghèo yếu thì lại được vay ít. Trong quỹ đặc-biệt mới, các hội viên có quyền vay đặc biệt số tiền theo với nhu cầu ngoại tệ. Số tiền này chỉ được dùng để trang trải công nợ chứ không được dùng để mua hàng. Nhờ có quỹ này, một quốc gia bị khủng hoảng ngoại-tệ có thể đến vay tiền của Quỹ để lấp chỗ thiếu hụt, không còn cần phải dùng đến vàng hay một ngoại-tệ nào khác. Hiện nay các quốc gia hội-viên

còn đang hội ý để thanh thỏa một vài chi-tiết chuyên môn. Sau khi hoàn tất «quyền vay đặc biệt» sẽ là một biện pháp cách mạng lớn lao nhất trong lịch sử tiền-tệ quốc-tế.

Đổ dầu vào lửa.

Ngay cả Pháp, quốc gia duy nhất còn thích trở về kim-bản-vị, cũng hưởng ứng giải-pháp đó. Tuy nhiên lúc đầu và ngay cả lúc này Pháp vẫn làm khó dễ. (1) Trong cuộc hoạn nạn của Anh, Mỹ vừa qua, trong khi các quốc-gia khác đóng vai lính chữa lửa thì Pháp đã đóng vai kẻ đổ dầu vào lửa, (vẫn tiếp tục mở cửa thị-trường vàng Ba-lê trong khi Mỹ yêu cầu đóng cửa. Pháp là quốc-gia mua nhiều vàng nhất từ ba năm qua và 90% ngoại-tệ dự trữ của Pháp là vàng). Không phải là Pháp đã không nghĩ tới những hậu quả tai hại mà Pháp cũng sẽ hứng chịu nếu đồng đô-la sụp đổ. Nhưng vì tình thần quốc-gia cực-đoan và bài Mỹ, Tổng-thống De Gaulle nhất định đưa nền kinh-tế Pháp và Âu-châu ra khỏi sự khống-chế của đồng đô-la. Tổng-thống De Gaulle coi sự lệ-thuộc của mậu-dịch quốc-tế vào đồng đô-la là một «chế-độ bất công» và «không thể xài được». Đứng về phương diện chính-trị, chính-sách của De Gaulle có thể hiểu được. Nhưng đứng về phương-diện kinh-tế, chính-sách đó đã được coi là một thái-độ thiên-cận và vô-trách-nhiệm. Nếu đồng đô-la bị phá giá guồng máy mậu-dịch thế-giới sẽ tan rã. Những vụ phá giá liên tiếp mà các quốc-gia khác phải thí-hành để tự-vệ sẽ tạo ra một tình-trạng hỗn-độn bất ổn. Xa hơn nữa, nếu trở về kim-bản-vị thuần-túy, tức là chỉ dùng vàng làm đơn-vị mậu-dịch trung-gian, thì với số vàng giới hạn hiện nay, thế-giới sẽ không có đủ tiền-tệ lưu-thông cho đủ với số hàng

(1) Xin xem chú-thích ở dưới bài.

hóa muốn trao đổi. Kết quả là hàng-hóa sẽ ối động, tài-nguyên trên thế-giới không được phân-phối đều hòa, không ai buôn bán, không ai sản-xuất, nạn thất nghiệp sẽ lan tràn và thế-giới sẽ lâm vào tình trạng kinh-tế bế tắc. Đó là nguy tận thế của nền kinh-tài tư-bản mà các nhà tiên-tri cộng-sinh vẫn hằng nói tới.

Nhưng viễn tượng đó hiện nay chưa thể xảy ra được vì tiềm lực kinh-tế của Mỹ hãy còn dồi dào và vì còn có nhiều quốc gia khác, vì quyền lợi của chính mình và quyền lợi chung, sẽ tiếp tục đứng sau lưng Mỹ để bảo vệ cho đồng đô-la: Pháp cũng biết như vậy nên tuy làm ra bộ quyết tâm lật đổ cách thống trị của đô-la mà thực trong thâm tâm chỉ nhằm quấy rối đồng đô-la để gây ảnh hưởng chính trị tại Âu-châu. Pháp muốn các nước Âu-châu nhìn thấy cái lúng túng của Mỹ và đồng thời muốn chứng tỏ là nếu các nước Âu-châu đoàn kết thành một khối, dĩ nhiên dưới sự lãnh đạo của Pháp, thì có thể khuynh đảo ảnh hưởng kinh tế của Mỹ và dành lại quyền bá-chủ ở bên này bờ Đại-Tây-dương. Với quan điểm đó những phản-ứng của Pháp trong trận giặc vàng vừa qua không còn là những hành động vô trách nhiệm và thiển cận như người ta tưởng.

Việt nam và trận giặc vàng

Thăm thú chiến trường vàng trên khắp các mặt trận trên quốc-tế rồi, bây giờ đến lúc thị sát mặt trận quốc nội. Vì một sự trùng hợp ngẫu nhiên trận giặc vàng đã lan tràn đến Việt nam ngay sau trận giặc đỏ của biển cả Mậu-thảo. Do đó hậu quả của hai trận giặc đã nhất loạt gây ra những xáo trộn cho nền kinh tế vốn đã bị xáo trộn. Phản ứng đầu tiên của dân chúng, như mọi lần khác, là đổ xô đi mua vàng. Giá vàng trong tháng Ba vọt lên tới 10.000đ. một

lượng, so với khoảng hơn 9.000đ. một lượng trong mấy tháng trước. Tuy nhiên hãy còn kém xa giá 13.600đ. một lượng xảy ra ngay sau vụ xuống giá đồng bạc vào tháng 6 năm 1966. Nhưng những xáo trộn đó chỉ có tính cách tâm lý và lo xa nhiều hơn là ảnh hưởng trực tiếp của trận giặc vàng.

Với chính-sách hiện tại bán vàng tự-do cho các tiệm kim-hoàn, và với số dự trữ vàng và ngoại-tệ tương đối khá dồi dào, giá vàng có thể được giữ vững ở giá hiện tại mà không bị thị-trường Luân-đôn chi phối. Sự lên giá vừa qua chỉ là do hoàn cảnh bất trắc của tình hình quân-sự và chính-trị gây nên. Nhưng, như đã nói ở trên, giá vàng thế-giới hiện nay quá hạ so với tồn phí khai thác. Đã có người ước lượng là giá chính thức phải được đặt ở 50 đô-la một ounce mới đúng. Như vậy, tình-trạng hiện tại không thể duy trì mãi mãi được. Sau này, thế nào giá vàng cũng lên. Mau hay chậm còn tùy thuộc vào những hậu quả của các biện pháp mà Mỹ và các quốc gia Tây-phương vừa áp-dụng trong vụ khủng hoảng vừa qua.

Còn một thắc mắc lớn nữa mà ta cần phải bàn tới. Liệu đồng đô-la có phá-giá không? Nếu có thì ảnh hưởng của nó đối với nền kinh-tế Việt-nam sẽ ra sao? Cho đến nay, đa số các kinh-tế-gia và cả các giới hữu trách về tiền-tệ đều nhận định rằng biện-pháp hai giá vàng và chính-sách khắc khổ của

Mỹ đủ để tăng cường đồng đô-la trong tình trạng hiện tại. Nhưng khi nào đồng đô-la còn bị lệ-thuộc vào vàng thì khi đó sự phá giá đồng đô-la vẫn còn có thể xảy ra. Bởi vậy, cho đến khi hệ-thống «vàng giấy», tức «Quyền vay đặc biệt», được áp-dụng thì cái nguy cơ phá giá vẫn tồn tại. Các xáo trộn quốc-tế đã được đề cập tới ở phần trên. Riêng đối với Việt-Nam — một nền kinh-tế mà hiện nay xuất-cảng chỉ bằng 5% tổng số nhập-cảng, cán cân ngoại-thương hàng năm thiếu hụt khoảng 350 đến 400 triệu đô-la, đồng bạc Việt-Nam lại nằm trong khu vực ảnh-hưởng của đồng đô-la — sự phá giá đồng đô-la sẽ làm cho đồng bạc Việt-Nam đương nhiên sụt giá. Hậu quả rõ rệt nhất như ta đã thấy, là giá cả sẽ tăng như đã xảy ra năm 1966. Lẽ ra,

nếu khả-năng xuất-cảng của ta khả-quan hơn, ta sẽ có thể xuất-cảng nhiều hơn để bù lại. Nhưng với tình hình hiện tại điều đó chưa thể có được. Do đó, biện-pháp đối-ứng thích-nghi nhất là ta sẽ phải áp-dụng một chính-sách kinh-tế khắc khổ như tăng thuế, giảm công-phí, kiểm-soát gắt gao vật giá, cấm tăng lương và hạn chế nhập-cảng. Những biện pháp này đã được áp-dụng vào năm 1966, nhưng sẽ còn phải mạnh hơn và khắt khe hơn nữa nếu đồng đô-la phá giá. Viễn-tượng đen tối này, may thay, chỉ mới có tính cách giả-định. Trong tình trạng hiện tại, mặc dầu những tin đồn đại, phá giá đồng đô-la là điều chưa thể có được.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Chú thích. — Vào đầu tháng tư, mười nước đàn anh trong Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế lại họp ở Stockholm, Thụy-điền, đề xướng-tiến công việc áp-dụng «vàng giấy» trong việc giao-hoán quốc-tế. Một lần nữa, Pháp lại cương quyết theo đuổi chính-sách thọc gậy bánh xe, mặc dầu không có sự ủng hộ của các nước bực Áu-châu. Trong cuộc họp, Pháp lại yêu cầu bàn tới vấn-đề tăng giá vàng và vấn-đề cần phải kiểm-điểm và điều-chỉnh lại tất cả hệ-thống tiền-tệ trước khi bàn đến vấn-đề «Quyền vay đặc biệt». Tuy nhiên, lời yêu cầu của Pháp không được chấp-thuận. Sau một tuần bàn luận. Pháp đã không chịu ký vào bản thông-diệp của hội-nghị, lấy lý do là hệ-thống «Quyền vay đặc biệt» đã làm lợi cho Mỹ nhiều hơn là cho các nước khác. Như vậy là Pháp đã đương nhiên rút ra khỏi hệ-thống tiền-tệ mới. Tuy nhiên người ta hy vọng là một ngày nào đó, khi chính-sách của Pháp thay đổi, Pháp sẽ lại trở về cùng với đại gia-đình kinh-tài thế-giới.

Đã phát hành :

NỬA ĐƯỜNG ĐI XUỐNG

truyện **THẾ-PHONG**

ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN xuất bản
sách dày hơn 500 trang. Bìa là ảnh
của Nguyễn-Cao Đàm Giá 200 đ

Tìm đọc cuối tháng tư :

VĂN NGHỆ XÁM

tuyển văn mười hai tác-giả

tủ sách Văn-nghệ-xám

THÁI ĐỘ xuất bản

THẾ-UYÊN chủ biên

Giá 80 đ

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Bão đã nổi lên ở Đông-Âu

Nói tới các nước Đông-Âu, ta phải hình dung tới một dải các nước nằm ngang lục địa Âu-châu từ bờ biển Bắc-Hải đến bờ biển Địa-Trung-Hải, khoảng do hơn 100 triệu dân, làm trái độn giữa Nga-sô và các nước Tây-Phương. Trước thế-chiến II các nước này đều là những tiểu quốc có một nền kinh-tế yếu kém so với Tây-Âu. Người ta gọi các nước đó là Âu-châu-của-ngựa-kéo chứ không phải Âu-châu-của-máy-móc. Nhưng về phương-diện chính-trị, các nước đó đều là những nước có một nền quân-chủ lập-hiến hay dân-chủ đại-ngị. Đến khi Đức-Quốc-xã, đem quân vào xâm chiếm thì những nước đó cũng thiết-lập những chế độ phát-xít theo đuôi Hitler. Các nước Đông-Âu, dưới gót sắt của Hitler, đều phải đóng góp quân để giúp Đức đánh Nga. Bắt đầu từ 1943 ngọn gió bắt đầu thổi lại, Hồng quân Liên-xô tiến như vũ như bão, dần dần giải phóng tất cả các nước Đông-Âu khỏi tay Phát-xít Đức, trừ có Nam-tư là tự mình giải phóng lấy mình.

Các đảng Cộng-sản Đông-Âu phần đông là đi theo gót Hồng-quân Liên-xô về nắm giữ chính quyền, nên họ đã không gặp phải mấy khó khăn trong việc thanh toán các phần-tử quốc-gia bị tố cáo là phản quốc, phản dân, hợp tác với quân thù. Từ Ba-lan qua Tiệp-Khắc đến Hung. Lô. Bô, đại-lược đều

là như thế cả. Những người Cộng-sản các nước này không phải như Tito hay Mao-trạch-Đông, là những người dành lại nước và dựng nước, nên không có uy tín đặc biệt của các nhân vật này.

Phần lớn họ dựa vào thế-lực của ngoại-bang để thanh toán những phần tử vừa là thiểu số ở trong nước vừa không còn ngoại-bang nào nâng đỡ nữa. Dân chúng cần-lao tín-nhiệm họ vì tưởng họ có thể đem lại tự-do, no ấm, tiến-bộ xã-hội cho tất cả mọi người. Người Đông-Âu, tuy thâm tâm không ưa gì người Nga, nhưng phần lớn tin-tưởng ở khả-năng giải-phóng con người của chế-độ Sô-viết nên đã chấp nhận vai trò lãnh-đạo của các đảng Cộng-sản Đông-Âu. Nhưng không phải vì thế mà họ chịu hy-sinh tất cả.

Mười hai năm sau, khi quân-đội Sô-viết đặt chân lên đất nước Đông-Âu, nhiều cuộc rối loạn đã xảy ra ở Đông-Đức, Ba-Lan và nhất là ở Hung-gia-Lợi.

Ở Hung-gia-Lợi, vị lãnh-tụ quốc-gia Imre Nagy đã lãnh-đạo một cuộc khởi-nghĩa lớn chống lại chế-độ. Nhờ có sự can thiệp mãnh liệt của hồng-quân Liên-xô mà cuộc khởi-nghĩa thất bại, các lãnh-tụ bị bắt bị hành quyết và một số lớn người phải lưu vong ra ngoại-quốc. Vụ Hung-gia-Lợi 1956 đã gây một chấn-động mạnh trong dư-luận thế-giới làm cho cả đến những người cộng-sản (nhất là những

người cộng-sản Tây-Âu) cũng phải hoang mang. Thế-giới đều coi đó như là một vết nhơ không gì xóa nổi của chế - độ cộng-sản. Janos Kadar được coi không hơn không kém là một tay sai trung thành của Sô-viết, nhất là từ năm 1956 tới nay, dưới quyền lãnh-đạo của y, Hung đã ngoan ngoãn đi theo đường lối của Nga - sô, khác hẳn các ông bạn láng giềng như Lỗ, Nam-Tư, Ba-Lan v.v ..

Tại Ba-Lan, năm 1956, cũng xảy ra rối loạn nhưng kém trầm trọng hơn vì sự khôn khéo của các nhà cầm-quyền trong đảng. Ta còn nhớ, ngày 20-10-56, khi ông Gomulka lên cầm quyền, nhân vụ chống đối của thợ-thuyền ở Poznan, ông đã không ngần ngại nhào nhận những lỗi lầm của chính-phủ. Chính ông đã nói: Cái mà họ phản đối (« họ » đây là thợ-thuyền khởi loạn ở Poznan) không phải là chế-độ xã-hội chủ-nghĩa, họ chỉ phản đối những tệ-hại lan tràn trong hệ-thống xã-hội của chúng ta và đụng chạm đến quyền-lợi của họ. Ông được lên cầm quyền vì ông đã hứa hẹn một chế độ cởi mở hơn, tự-do hơn và có tính cách quốc gia dân-tộc hơn. Người ta đã gọi chế-độ của ông là một chế-độ cộng-sản quốc gia. Các lãnh-tụ Nga-sô đối với ông có vẻ kính - nể hơn. Các nước cộng - sản Đông-Âu khác cũng hướng về Ba-Lan, coi sự thành công ở Ba-Lan như một tấm gương cho họ noi theo.

Mười hai năm trôi qua. Cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Nga-Hoa khởi sự từ 1956 và mỗi ngày một trở nên sâu rộng và gay gắt đã dần dần làm tan rã khối cộng-sản không rạn nứt của thời Staline. Trừ nước Albanie nhỏ bé nhưng cứng đầu đã triệt để theo Trung - Cộng ngay từ đầu, các nước Đông-Âu khác có thái độ nghiêng hẳn theo Liên-xô như Đông-Đức, Tiệp-

khắc, hoặc giữ một thái độ lưng chừng như Lỗ, Ba-Lan. Nhưng nói chung, tất cả các nước Đông-Âu đều không muốn hoàn toàn phụ thuộc vào Nga - sô và muốn, ít ra về phương - diện kinh - tế, được tự-do giao-dịch với các nước Tây-phương. Họ không còn sợ làm phật lòng ông anh cả như xưa nữa vì chính ông anh cả không đủ cung - ứng cho nhu-cầu phát-triển kinh-tế của họ. Họ không thể chịu hy-sinh mãi để mua đất các nguyên liệu và hóa-phẩm của nước đàn anh trong khi các nước tư-bản phương Tây hứa hẹn cung-cấp vật-liệu máy móc cho họ với một giá rẻ hơn.

Từ chỗ giao - dịch kinh-tế với Tây-phương đến chỗ tiếm nhiệm những tư tưởng tự - do, phóng - khoáng ở Tây-phương không có bao xa.

Trong những năm gần đây, mức sống ở các nước Đông-Âu đã được nâng cao. Những sinh-hoạt theo kiểu Tây-phương phát triển mạnh như là phụ-nữ ăn mặc theo thời trang luôn luôn thay đổi. Những phong trào thanh-niên ở Ba-Lê, Luân-Đôn, Vienne, Rome... cũng ảnh-hưởng tới thanh - niên các nước Đông-Âu. Những thanh - niên trí - thức cũng muốn mở mắt tìm hiểu những gì đã xảy ra ở bên kia thế-giới tự-do. Sự khao khát tự-do, sự khao khát được sống một cuộc sống đầy đủ hơn, đã là những nguyên nhân sâu xa cắt nghĩa những chuyển mình của xã-hội Đông-Âu trong những năm gần đây.

Phải đợi đến năm 1968 mới có những biến-cổ báo hiệu cho một thời kỳ mới mà có thể giông-tổ sẽ nổi lên nếu các nhà cầm quyền cộng-sản không vững tay lái, xoa dịu những bất bình của nhân-dân và đặc biệt của thanh-niên, là những lớp người mới, đang khao khát tự

do, không chấp nhận bị kìm hãm mãi trong một chế-độ độc-tài, hà khắc, hy-sinh mãi cho một lý-tưởng mà sự thực hiện còn xa vời và không đem lại sự giải phóng thực sự cho bản thân họ.

Mở đầu là một hội-ng nghị thượng-đỉnh của 67 đảng cộng-sản trên thế-giới họp ở Budapest (thủ-đô Hung). Khi triệu tập hội-ng nghị này, có lẽ các nhà lãnh-tụ Nga-sô còn mơ tưởng thời kỳ vàng son của một thế-giới cộng-sản không rạn nứt, đề làm áp-lực đối với Trung-Cộng, đặt Trung-Cộng vào phe thiểu số và sẽ phải chịu thua hay ít nhất cũng có tác dụng chặt bứt phe cánh của Mao, làm cho Mao bị cô lập và dễ dàng bị phe chống Mao lật đổ.

Nhưng các nhà lãnh-tụ điện Căm-linh đã tính lầm, vì nếu có 67 đảng Cộng-sản đến dự hội-ng nghị ở Budapest, thì một số không nhỏ vẫn không muốn đoạn tuyệt với Trung-Cộng. Họ không muốn nêu vấn-đề Trung-Cộng ra trong hội-ng nghị này. Khi Brejnev, Tổng-bí thư đảng Cộng sản Liên-xô lên tiếng đả kích Trung-Cộng, phái đoàn Lỗ tỏ vẻ không bằng lòng. Đến khi phái đoàn Syrie chỉ trích chính phủ Lỗ vẫn duy trì bang-giao với Do-Thái, phái đoàn Lỗ đã dùng dùng đứng lên bỏ ra về. Như vậy là Lỗ đã công khai chống lại Nga, nhất định đi theo đường lối riêng của mình. Lỗ là nước thứ tư công khai không chịu nhận sự lãnh-đạo của Nga-xô. Trong Hội-ng nghị Budapest, đại-biểu Đông-Đức đưa ra ý-kiến là các đảng Cộng-sản nên có một đường lối chung, nên vạch ra một vài nét chính mà tất cả các đảng cộng-sản đều phải theo, nhưng ý-kiến đó bị bác bỏ ngay vì cộng-sản Đức bị coi là phát-ngôn-viên của cộng-sản Nga. Như vậy là hội-ng nghị Budapest

đã không đạt đến thành công như ý muốn của Nga-sô.

Chính hội-ng nghị này đã cho ta thấy rõ hiện-tượng chia rẽ trong khối cộng-sản, cho ta thấy đảng Cộng-sản Nga không còn nắm vững các đảng cộng-sản Đông-Âu như trước nữa.

Một nhà ngoại-giao Nga đã phải than phiền như sau : Ngày nay Lỗ đã thoát ra khỏi khối, ngày mai chắc sẽ còn nhiều nước khác thoát ra khỏi khối. Sớm muộn gì rồi việc đó cũng sẽ xảy ra. Chủ-nghĩa quốc-gia đã tỏ ra mạnh hơn chủ-nghĩa quốc-tế cộng sản.

Thực ra, những phong-trào chống đối ngấm ngấm đã xảy ra ở nhiều nơi nhất là ở những nơi nào mà chính-quyền cộng-sản tỏ ra ngoan cố, không chịu thay đổi đường lối cho thích hợp với trào-lưu mới và đỡ bị phụ-thuộc vào Liên xô.

Hiện nay phong-trào đó chỉ mới phát-hiện ở hai nước Đông-Âu là Tiệp-khắc và Ba-lan. Nhưng những đợt sóng nổi lên đó đây khiến ta có thể tiên đoán như nhà ngoại-giao Xô-viết rằng nó sẽ lan ra rộng khắp. Và nếu các nhà lãnh-tụ Xô-viết không kịp thời bỏ giấc mơ lãnh đạo, như ông Souslov đã từng lên tiếng kể cả trong hội-ng nghị Budapest vừa qua, thì chắc chắn khối cộng-sản sẽ tan rã và chia rẽ không hơn gì khối tư-bản.

Ở đây, chúng tôi chỉ bàn tới hai trường-hợp vừa xảy ra và đang tiếp tục biến diễn ở Tiệp-khắc và Ba-lan.

Rồi ra còn có thể xảy ra nhiều trường hợp khác, xảy ra ở nhiều nơi khác, như Đông-Đức, Bào, Hung chẳng hạn. Vì, như ở trên đã nói, đây là những biến cố đầu tiên của một phong trào nổi dậy chung của tất cả các nước Đông-Âu.

NHỮNG SỰ VIỆC XẢY RA Ở TIỆP-KHẮC

Tiếp-khắc là một nước Trung-Âu rộng chừng 140.000 cây số vuông và đông chừng 15 triệu dân, gồm 2 dân-tộc: Tchèque và Slovaque, có hai thành phố lớn là Prague và Bratislava. Năm 1918, nhân việc tách rời Tiệp-khắc ra khỏi đế-quốc Áo-Hung, nhà lãnh-tụ cách mạng Masaryk tuyên-bố độc-lập: Tiệp-khắc trở nên một nước Cộng-hòa và Masaryk là vị lđong-thống đầu tiên. Năm 1938, Hitler chiếm vùng Sudètes. Các ông Daladier, Chamberlain hồi đó đã đến Munich hội-ng nghị với Hitler và Mussolini để công nhận sự chiếm đóng đó của Đức. Ngày nay người ta nói tới tinh thần Munich là nói tới tinh thần chủ-bại đó. Đến năm 1939, Thế-chiến thứ hai bùng nổ và Đức chiếm trọn nước Tiệp-khắc. Đến khi Liên-xô tiến quân vào giải-phóng cho Tiệp-khắc thì một chính-phủ Liên-hiệp được thành-lập với ông Benès (lưu vong ở Anh trong thời kỳ Đức chiếm đóng) làm Tổng-thống và Gottwald (lãnh-tụ cộng-sản lưu vong ở Nga) làm Phó Tổng-thống. Bộ-trưởng Quốc-phòng hồi đó là ông Jan Masaryk, con của vị anh hùng dân tộc Tiệp-khắc. Chính-thể hồi đó là chính-thể đại-ng nghị, đảng Cộng-sản chiếm nhiều ghế nhất nhưng không phải là đa số. Đến năm 1948, cộng-sản thực-hiện một cuộc đảo-chánh lật đổ Tổng-thống Benès khiến ông Jan Masaryk phải tự-sát. Gottwald lên làm Chủ-tịch Tiệp-khắc kiêm lãnh-tụ đảng Cộng-sản. Đến năm 1953 khi Gottwald chết, Novotny được cử lên thay và cũng kiêm-nhiệm cả hai chức vụ quan trọng đó. Novotny năm nay 63 tuổi là một lãnh-tụ cộng-sản thuộc phái Staline, chủ trương theo đường lối cứng rắn, và từ đó Tiệp-khắc biến thành một nước Cộng-sản trung thành

nhất với đường lối của Nga-sô. Đề củng cố chính quyền của giai-cấp vô-sản, những phần-tử địa-chủ và tư-bản đều bị thẳng tay thanh trừng và dần dần cải-hóa. Cũng như ở một số các nước Đông-Âu khác, muốn tránh đụng chạm tinh-thần quốc gia của các dân tộc Đông-Âu và cũng để cho thế-giới thấy rằng mình không có tham vọng thôn tính, Liên-xô đã rút hết các đạo quân chiếm đóng về. Hiện nay ở Đông-Âu, Liên-xô chỉ còn đóng 175.000 quân ở Đông Đức, 25.000 quân ở Hung và 35.000 quân ở Ba-lan. Còn các lực-lượng khác đều đóng ở vùng biên-thùy để phòng động dụng.

Nhưng sau Nga-sô, Tiệp-khắc là nước Đông Âu kỹ-nghệ-hóa mạnh nhất và có mức sống cao nhất. Do đó mà những đòi hỏi tự-do của các tầng lớp thanh niên Tiệp-khắc mỗi ngày một cấp thiết. Ngay trong đảng cộng sản Tiệp-khắc cũng dần dần chia làm hai phái. Một phái có xu-hướng bảo-thủ, đứng đầu là Antonin Novotny. Một phái trẻ hơn muốn thực hiện những cải cách cần thiết-hợp với nguyện-vọng của thanh-niên hơn, đứng đầu là Alexander Dubcek, người Slovaque, mới có 46 tuổi. Đến tháng Giêng mở đầu năm 1968, một hội-ng nghị của đảng cộng-sản Tiệp đã truất chức Tổng-bí-thư của Novotny và trao cho Dubcek. Chức Tổng-bí-thư đã mất thì ngôi Chủ-tịch cũng lung lay luôn. Ngày 30-3 Quốc-hội Tiệp-khắc, đã bầu tướng Svoboda, 72 tuổi, lên làm Chủ-tịch nước Cộng-hòa Tiệp-khắc, thay thế cho ông Novotny bị hạ bệ từ hồi đầu tháng, với 282 phiếu thuận trên tổng số 288 phiếu. Tướng Svoboda đã từng chỉ huy quân Tiệp-khắc tại

Nga trong đệ-nhị thế-chiến. Ông là một lãnh-tự thân Nga, thuộc phái ôn hòa, được bầu lên để an lòng Nga.

Nhưng trước khi những sự việc đó xảy ra, cuộc tranh chấp chính quyền đã tỏ ra rất kịch liệt. Vào thượng tuần tháng 3-1968, một vị tướng lãnh cao cấp nhất của Tiệp-khắc tên là Jan Sejna, đã trốn sang tìm tự-do tại Hoa-kỳ. Một vị tướng lãnh khác, thứ-trưởng bộ Quốc-phòng, tên là Vladimir Janko đã tự tử bằng súng lục trên đường đi dự hội-nghị. Tại sao có những chuyện đó? Chắc có sự gì lục đục đã xảy ra đây? Các nước Cộng-sản vốn kín tiếng, không hé răng cho ai biết, trừ khi sự việc đã xảy ra.

Mãi tới nay người ta mới thấy rõ là Novotny đã cố bám lấy chính quyền và đảng, nên đã viện đến quân đội để thanh toán đối phương. Nhưng chẳng may phần lớn binh lính và các sĩ quan trẻ lại có cảm tình với Dubcek nên âm mưu đã bại lộ, một tướng phải tự tử và một tướng bỏ trốn ra ngoại quốc. Một số các nhân vật tham gia vào cuộc đảo chính hụt này đã phải từ chức như bộ-trưởng nội vụ Josef Kudma, bộ-trưởng Tư-Pháp Jan Bartuska cùng với ba lãnh tự nghiệp-đoàn khác...

Từ lúc Dubcek lên giữ chức Tổng-bí-thư đảng Cộng-sản Tiệp, dân chúng vui mừng như vừa thoát khỏi một cơn ác mộng kéo dài đằng đẳng trong mười mấy năm trường. Có những đoàn thanh niên kéo đi biểu tình hò hét đòi Novotny phải từ chức Chủ-tịch chính-phủ. Có nhiều người đem hoa đến viếng mộ Masaryk. Người ta reo mừng tự do. Muốn tránh cho Novotny khỏi mất mặt, đảng cộng-sản Tiệp đã buộc Novotny đệ đơn lên Quốc-hội xin từ chức, lấy cớ

là đau yếu. Dubcek lên cầm quyền thấy phong trào có vẻ quá trớn, sợ Nga e-ngại nên phải tuyên bố là vẫn theo đường lối thân Nga và đây chỉ là những biến cố chính-trị có tính cách hoàn toàn nội-bộ để Nga khỏi viện cớ đem quân vào can thiệp như trường hợp của Hung trước đây. Dubcek, một mặt phải xoa dịu dư-luận, một mặt mời trón Nga và đã đi dự hội-nghị thượng-đỉnh ở Dresde giữa các lãnh tự Cộng-sản Nga và Đông Âu để tìm cách đối phó với những phong-trào quần-chúng đang nổi dậy. Tình-hình còn hứa hẹn nhiều biến chuyển. Nhưng có một điều chắc chắn là Tiệp-khắc ngày nay đang ở trên con đường tiến tới tự-do. Phản-ứng của Nga là tập trung quân ở gần biên-giới và tổ cáo các nước Tây-phương đã nhúng tay vào nội-bộ của Tiệp-khắc, đã khuyến khích những phong-trào chống-đối. Nhưng ta đừng vội tưởng là phong-trào chống-đối, đòi tự-do đó sẽ đưa Tiệp-khắc trở lại chế-độ tư-bản đâu. Đó là một việc khó có thể xảy ra được ở Tiệp-khắc, sau 20 năm dưới chính quyền cộng sản. Vấn đề ngày nay với nhóm Dubcek là xây dựng xã-hội chủ-nghĩa theo đường lối nào, làm sao dung hòa được hai chữ xã-hội và tự-do. Ông Giám-đốc cơ quan vô-tuyến truyền-hình Tiệp-khắc đã tuyên bố ở Paris là cần phải tìm cho Tiệp-khắc một con đường riêng biệt tiến tới xã-hội chủ-nghĩa, khiến cho chủ-nghĩa xã-hội tự nó có sức sống của nó, không cần phải có sự ép buộc.

Con đường đó, hiện các nhà lãnh đạo mới của Tiệp-khắc đang tìm và nhân dân Tiệp-khắc đang nóng ruột mong chờ. Nhân dân Tiệp-khắc không còn chịu mãi

ở trong cái thế bị động nữa. Họ sẽ vùng lên, nếu các nhà cầm quyền Đảng

và nhà nước mới không thỏa mãn được nguyện vọng tự do của họ.

NHỮNG SỰ VIỆC XẢY RA Ở BA-LAN

Chúng ta đều biết Ba-lan là một nước trái độn giữa Đức và Nga, có một dân số chừng hơn 30 triệu, phần lớn theo Thiên-Chúa-giáo. Các vùng quê Ba-lan đều đầy những nhà thờ và hơn 20 năm dưới chế độ Cộng-sản số giáo-dân không hề giảm sút. Với 1.860.000 đảng viên, đảng Cộng-sản Ba-lan là một đảng nắm chính quyền yếu nhất.

Trong năm vừa qua cũng đã có những cuộc biểu-tình nhân việc nhà cầm quyền Ba-Lan cấm rước tượng Đức Mẹ. Có nhiều cuộc biểu-tình và diễu hành của sinh-viên và thanh-niên đã diễn ra ở Varsovie và nhiều thành phố của Ba Lan. Nhưng chưa bao giờ các cuộc biểu tình lại có tính cách to lớn và dữ dội như lần này. Năm 1956, ông Gomulka đã hứa tự do và no ấm cho thanh-niên và thợ-thuyền. Khi lên cầm quyền, ông đã quên lời hứa đó, bóp nghẹt tự-do của dân-chúng Ba-Lan. Ông đã theo một đường lối có tính cách bảo-thủ. Vì vậy cho nên ông đã gây sự phẫn-nộ của thợ-thuyền và nhất là của thanh-niên và sinh-viên. Thế rồi cái gì phải đến đã đến. Biểu-tình tuần-hành đã xảy ra ở 8 thành-phố cùng một lúc vào khoảng giữa tháng 3. Tại trường Đại-Học Varsovie, 4.000 sinh viên tụ tập đòi phải nhận lại 2 sinh-viên bị đuổi vì hoạt-động chống chánh-phủ. Một lúc sau, 25 xe đầy nhóc cảnh-sát đến giải tán. Sinh-viên bị đuổi chạy, ném gạch đá, chai lọ vào lính và kêu: « Tự-do ! Tự-do ! » Ngày hôm sau họ kéo nhau xuống đường, mang theo quốc-kỳ hô khẩu-hiệu và ném đá vào các cửa sổ. Một nhóm biểu-tình xông vào rạp hát « Văn-Hóa », phá các ghế ngồi rồi liệng

vào cảnh-sát. Một nhóm khác xông vào một tòa nhà khác ở trung-tâm thành-phố thuộc bộ Văn-Hóa. Nhiều nhóm lập các chướng-ngại-vật ở đường đi và dùng gạch ngói để chống nhau với cảnh-sát. Cảnh-sát phải dùng đến hơi cay để đẩy lui những cuộc tấn-công của các người biểu-tình. Sau 7 ngày chiến-đấu, các đường phố Varsovie đều đầy những mảnh vụn của đồ đạc, gạch ngói và thủy tinh.

Ở nhiều thành-phố khác như Krakow, Lublin, Gliwice, Gdansk, Lodz, Szeze-cin, Wroclaw, Poznan cũng có những cuộc biểu-tình của sinh-viên đề ủng-hộ cuộc tranh-đấu của sinh-viên ở Varsovie, và nhiều cuộc đụng độ với cảnh-sát đã xảy ra.

Sau những vụ dấy động này, có tất cả 1.208 người bị bắt trong số đó có 367 sinh viên.

Nguyên nhân những cuộc biểu tình rầm rộ này là do ở chính phủ Ba-lan đã cấm diễu võ tuồng Forefather's Eve (tên hưởng về tiền-nhân) do một soạn giả của thế-kỷ thứ 19. rất được nhân dân Ba-lan hâm mộ, viết ra : thi sĩ Adam Mickiewicz, một anh hùng dân tộc Ba-lan. Võ kịch đó mô tả những nỗi đau đớn do chế độ Nga Hoàng bắt dân Ba-lan phải chịu. Xem võ kịch đó, dân Ba-lan sẽ nhớ rằng xưa kia mình đã bị người Nga đàn áp. Vì không muốn để cho tinh thần bài Nga phát triển trong dân chúng Ba-lan, nên vị đại sứ Nga đã vận động để chính phủ Ba-lan cấm diễu võ tuồng đó. Nhưng không ngờ việc cấm đoán ấy đã đụng chạm đến

tinh thần quốc-gia của người Ba-lan và hơn nữa chạm đến quyền tự do diễn đạt tư tưởng mà họ mơ ước từ lâu nhưng vẫn bị chính quyền lấn át, đè nén. Lần này như một giọt nước làm tràn bát nước, cuộc biểu tình đã nổ ra. Trong cuộc biểu tình này ta thấy quần chúng đã đem hoa đến rắc đầy chân tượng của thi hào Mickiewicz để tỏ lòng tưởng nhớ đến nhà thơ ái quốc này (ta nên nhớ là cuộc khởi-nghĩa năm 1956 ở Hung cũng xuất phát từ nơi chân tượng của một thi-hào : Sandor Petofi).

Nếu ta đi tìm nguyên-nhân sâu xa hơn nữa thì ta sẽ thấy là trong vòng hai năm nay nền kinh tế của Ba-lan đã không tiến triển được bao nhiêu : tiền công thợ không tăng mà giá sinh hoạt vẫn cao vùn vụt, trong vòng 6 tháng gần đây đã lên gấp đôi. Quần chúng không được sống cởi mở lại bị sinh hoạt khó khăn nên bất mãn với chính phủ, chỉ chờ có một dịp nào là niềm bất mãn bùng nổ.

Các lãnh-tự cộng-sản muốn tránh mũi dùi của sinh-viên biểu-tình nên đã tìm cách hướng nó sang một mục-tiêu khác. Một tờ báo thân chánh-phủ đưa ra giả-thuyết là những người biểu-tình đó đã bị bọn Do-Thái dặt giầy vì người Do-Thái ở Ba-Lan không bao giờ tha thứ cho Gomulka đã công khai lên án nước Do-Thái xâm lăng các nước Ả-Rập trong tháng 6-1967. Nay người Do-Thái trả thù lại Gomulka bằng cách gây rối nội bộ ở Ba-Lan. Luận điệu đó cũng không đánh lạc được mục-tiêu tranh-đấu

của sinh-viên. Có một điều chắc chắn là Gomulka đang đứng trước một ngã ba đường. Nếu ông chịu nhượng bộ mà đề cho nhân dân và đặc biệt là thanh-niên và sinh-viên Ba-Lan được hưởng nhiều tự do, thì cơn giông tố có thể qua, nhưng Ba-Lan sẽ gặp phải nhiều khó khăn khác trên đường xây dựng xã-hội chủ-nghĩa, nhất là đối với phong trào Thiên-Chúa-giáo đã ăn sâu bén rễ trong xã-hội và phong tục Ba-Lan từ hàng bao thế-kỷ nay.

Nếu ông không chịu nhượng bộ mà cứ chủ trương đàn áp đến cùng phong trào sinh-viên và thanh-niên, thì ông sẽ thấy hiện ra ở đầu đường kia bóng dáng của một Dubcek Ba-Lan sẵn sàng quật ngã ông. Vì hiện nay người dân Ba-Lan cũng như người dân của tất cả các nước Đông-Âu khác đều khao khát tự do và sẵn sàng đòi lấy tự do với bất cứ một giá nào, nếu thời cơ tới và họ có phương tiện trong tay.

Thời cơ có lẽ đã tới và phương tiện kiếm ra cũng không khó khăn gì. Chỉ có các nhà cầm quyền cộng-sản Đông-Âu mà biết rõ thời cơ thì chính họ phải nắm lấy thời cơ đó để thực hiện những cải cách cần thiết. Những người cộng-sản Tiệp đã làm được việc đó, nhưng không biết ông Gomulka, sau 12 năm cầm quyền, có còn đủ sáng suốt để thấy rõ những việc ông phải làm để tránh cho Ba-Lan khỏi lâm vào một cảnh hỗn-loạn chưa biết sẽ đưa nước đó đến đâu không.

VIỆT-PHƯƠNG

Đón đọc :

tủ sách TUỔI HOA

MÁU ĐÀO NƯỚC LÃ

Một tác-phẩm về Tuổi Thơ của MINH-QUÂN

CHỬ[?]I

Hồi tiền chiến, báo chí có kể câu chuyện một người ngoại quốc nghiên cứu về lối chửi nhau của các dân tộc, đến Việt-nam, nhân đọc một đoạn văn của Thanh Tịnh, đã nhắn hỏi và được Thanh Tịnh cung cấp cho tài liệu. Nhà khảo cứu nhận rằng tài liệu rất quý báu, lối chửi ở Việt nam rất xuất sắc, đã gửi biếu Thanh Tịnh một món quà (hình như là cái máy chụp hình?) để đền ơn.

Hiện thời nghe nói linh mục Trương-đình-Hòe đang soạn một luận án tiến sĩ ở Pháp về ý nghĩa của cái chửi Việt-nam.

Trong cuốn *Ngôn ngữ và thân xác* vừa xuất bản, Nguyễn văn Trung cũng có nghiên cứu về vấn đề chửi tục. Ông mở đầu : « Có lẽ không có dân tộc nào trên thế giới vắng tục, chửi tục nhiều và hay như dân tộc Việt nam. »

Hay ra làm sao ? không thấy ai phân tích. Vả lại, cái hay cái đẹp là chuyện thẩm mỹ ; sự nhận định, thưởng lãm, có thể chủ quan. Kẻ yêu thì cho là hay, người không thích lại chê dở. Chờ cho dứt khoát hãy còn lâu.

Cái nhiều dễ chứng minh hơn. Và nguyên một cái nhiều ấy đã mang nhiều ý nghĩa. Nếu Nguyễn văn Trung đã so sánh với các dân tộc trên thế giới và nhận thấy người Việt chửi nhiều, thì

thôi, không còn gì để biện luận nữa ; đó là sự thực khách quan, chửi là một đặc điểm của dân tộc.

Vấn đề chỉ còn là tìm hiểu đặc điểm ấy.

Đánh nhau bằng lời

Chửi là một cách xung đột bằng lời. Và chỉ bằng lời thôi, chứ không phải bằng những lý luận do lời nói phổ diễn ra. Do đó, chửi nhau khác với cãi nhau.

Hai kẻ cãi cọ cố thắng địch bằng lý lẽ, dĩ nhiên khi đôi bên đã to tiếng, mặt mày nă sừng sĩa lên, thì giá trị luận lý của những câu cãi thường thông thê xuất sắc. Lúc bấy giờ ở mỗi người chỉ có tình cảm sôi sục hoành hành, chứ lý trí không còn sáng suốt bình tĩnh để đi sâu vào những suy luận tinh tế nữa. Dù sao, nội dung một cuộc cãi nhau cũng là lý luận ; kẻ thua cuộc là kẻ « bí ». Để khỏi bí, người cãi phải lắng nghe, theo dõi, lời lẽ của đối phương, hầu tìm cách bắt bẻ.

Chửi nhau thì, trái lại, không cần nghe gì ở đối phương cả. Cơ sự đã bùng nổ, mạnh bên nào nẩy chửi, lấy hơn. Kết thúc cuộc chửi lộn, không ai thua vì bí. Thua ở đây có nghĩa hoặc là không đủ hơi sức để tiếp tục nên phải ngừng lời trước, hoặc là phải lãnh những lời nặng của đối phương mà vốn

liếng hiểu biết của mình ít ỏi không cho phép trả lại những đòn nặng tương đương.

Như thế, một trận chửi lộn giống như một trận đánh lộn. Một đảng vung tay vung chân vung cây vung gậy đập loạn xạ xuống kẻ thù ; một đảng đập loạn xạ bằng lời. «Ồ bò.Ồ chó. Quân súc sinh.Đ. mẹ mày. Į vào mặt mày» v.v .. Đó là những đòn quất xuống, mong cho kẻ địch bị đau, không mong kẻ địch phải bí. Việc thiết yếu trong trận chiến này là đánh thật mạnh và làm thế nào để chịu đựng nổi những cú đánh của đối phương. Đánh được mạnh hay không là tùy thuộc cái vốn kiến thức chuyên môn của kẻ chửi. Để chịu đòn, người ta cố gắng để khỏi phải nghe tiếng nói kẻ thù : hoặc bịt tai lại, hoặc chửi to và liền hơi để lấp lóng. Trong trường hợp không chửi lại, người ta phớt tỉnh, làm lơ, tỏ vẻ như không hề nghe thấy tiếng chửi của đối phương, như những tiếng đó không ăn nhằm gì, không đụng chạm và làm tổn thương mình chút nào.

Phương thức tấn công cũng như phương thức phòng vệ của chửi lộn cho thấy nó gần với chiến tranh, mặc dù phương tiện của chửi lộn là lời nói vốn có công dụng giúp cho hiểu nhau. Trong tấn công, những câu mà người chửi văng ra không chứa đựng một lý sự gì. Hoặ: ngắn ngủi, cộc lốc như : «Ồ chó đ....Ồ ăn c...», hoặc dài dòng vắn tắt như : «Cha năm đời mười đời thẳng đẻ ra bố đũa nào lấy con vịt của bà, nó mà không đem trả thì bà đào mả ông bà ông vải nó lên, bà bắt nó chui vào váy bà, bà bắt nó kiếm l... bà », những lời lẽ như thế cũng không nhằm phân giải một sự thực nào, một lẽ phải trái nào cả. Tác dụng của nó là tác dụng

tàn phá, gây đau đớn, như đạn, như mìn. Cuộc trao đổi giữa đôi bên là trao đổi những thứ như vậy : càng nhiều càng tốt, hỏa lực càng mạnh càng hay. Trong phòng vệ, thì bịt tai là khiên, là mộc, là áo giáp, mũ sắt, là công sự, phòng tuyến v.v... Trong một cuộc chửi lộn, có kẻ nói qua người nói lại, nhưng rõ ràng không có đối thoại. Cãi nhau thì phải vênh tai nghe, chửi nhau phải vít ai lại. Trong trường hợp này không cần biết gì về ý nghĩ của đối phương nữa, không cần đếm xỉa đến lập trường của họ : Giữa đôi bên, tuyệt đường tương thông.

Lối đánh mạnh nhất.

Giữa hai người, một khi có sự xích mích phải dùng lời lẽ để giải quyết, sự việc diễn tiến qua nhiều chặng đường trước khi đến chỗ chửi nhau.

Trước hết, đôi bên có thể bình tĩnh, hòa nhã, đối chiếu quan điểm trong một cuộc thảo luận có tính cách xây dựng, nhằm đi đến cảm thông, dàn xếp.

Nếu quan điểm bất đồng, không dàn hòa được, bấy giờ là khởi đầu của xung đột. Lời lẽ được sử dụng dần dà đi xa mục đích biện giải mà nhằm công dụng gây tổn thương : người ta nói mát, nói cạnh nói khoé, nói kháy, nói bóng nói gió, nói khích, người ta chế giễu, châm chọc. Đó là những hoạt động phá rối, du kích. Nếu không chấm dứt, nó dẫn tới xung đột trực diện : cãi vã om sòm. Cuối cùng chửi nhau. Đến đây là biện pháp mạnh rồi. Là hành hung, là bạo động. Và bạo động (bằng ngôn ngữ cũng vậy) gây cảm tưởng khiếp sợ, ghê tởm. Nghe lời chế giễu, nói cạnh nói khoé, lắm khi thấy thích thú, nếu gặp được những đối thủ thông minh, láu lỉnh. Ở

đây, còn có sự biểu-diễn của lý-trí. Trái lại, chửi nhau thì chỉ còn trạch đua ở mức độ tàn nhẫn.

Đi đôi với lời lẽ, ở mỗi giai đoạn có những điệu bộ tư thế tương xứng. Khi chế nhạo, nói mát v.v. ., người ta có thể cười mỉa, cười khẩy, giọng nói có thể ôn-tồn, ngọt ngào mặc dù giả tạo. Bất chợt tìm được câu hài hước thú vị, chính kẻ nói có thể phát ra cười thực tình. Người ta còn thường thức được cái hay ho, còn khinh khoái, thỉnh thoảng còn vượt được lên trên sự tức giận.

Trong khi cãi vã, hai bên đương sự có lúc tức tối, có lúc tỏ thái độ kinh ngạc, có lúc làm ra vẻ khinh - thị, mỉa-mai v.v... Biểu-lộ của con người hãy còn linh-động, phong-phú.

Nhưng đến độ chửi nhau thì cả con người đơn giản chỉ còn là phần nộ ngùn ngụt. Trong những trận thư - hùng như thế diễn ra ngoài đường ngoài chợ, thường trông thấy những đối-thủ xắn-váy, xắn quần, chổng mông, vồ vào chỗ kín đôm đốp, mắt long lên sòng sọc, người chồm tới, miệng gào nổi gân cổ .. Tư thế của chiến-sĩ ở trận tiền.

Vậy chửi là hình thức xung đột mạnh nhất bằng lời.

Lối đánh rộng nhất.

Thi-sĩ Paul Valéry có ý nghĩ ngộ nghĩnh về chuyện chửi rủa. Theo ông, sở dĩ bị chửi rủa xỉ vả mà thấy đau, ấy là vì ta chỉ nhia có một phần con người đang làm nhục ta : cái phần bên ngoài lúc hẳn đối diện hành hung ta. Hãy hình dung lúc chưa gặp ta, hẳn một mình hậm hực, hì hục bầu xé bầm vằm một kẻ thù tưởng tượng, một hình ma. Trông thấy trọn vẹn hẳn, là trông thấy một tên khủng. (*Qui voit donc tout l'insulteur, voit un fou*).

Thiết tưởng chỉ cần trông một nửa con người đang chửi, chửi theo lối Việt-Nam, cũng thấy được cái gì khá lạ lùng, lý thú.

Xin tưởng tượng hai người đối mặt nhau, xướng lên những câu thế này :

« Mẹ mày, cả nhà mày ra đường bị gà nó nđ mất dái từ già đến trẻ.

— Con khỉ trù, chó nó ăn mất cu, chết đi thành con ma trời bay dọc đường xó chợ.

— Đ. mẹ mày.

— Tao ỉa vào đầu lâu hoa cái nhà mày.

— Tiên sư mày, tao chẻ xương mày ra.

— Đồ chết tiệt, mày đi ra đường xe nó đè, thuyền nó chìm v.v... »

Ý nghĩa những câu ấy đại loại là :

a) Nêu lên những nhận định rất bất lợi về giá trị của đối phương (Đồ chó đéo, đồ đi điếm, con khỉ trù v.v...)

b) Nêu lên những tai họa mong xảy đến cho đối phương (Bị gà mổ mất dái, chó ăn mất cu, xe đè, thuyền chìm v.v..)

c) Nêu lên những hành động bạo tàn mà ta muốn tự mình thực hiện đối với chính kẻ địch và những người thân yêu của hắn (Chẻ xương ra, đ... mẹ nhà nó, ỉ vào mồm, đào mả tiên sư v.v...)

Hà tất ngời một mình tưởng tượng chẻ xương hay ỉ vào mồm, một kẻ vô hình mới là khủng ? Gặp mặt nhau, cách nhau gang tấc, có thể tóm lấy người ta để chẻ xương để ỉ vào mồm; mà không hề tóm lấy, chỉ đứng cách xa kê khai những ước muốn, những hành vi mình mong làm, kê khai nhiệt liệt hàng giờ như vậy, đó cũng là một cảnh tượng khác thường chứ, không sao ?

Khi chửi, tình cảm trong lòng là thứ

tình cảm ngùn ngụt của lúc lâm trận, tư thế bên ngoài là tư thế hăm hăm của chiến đấu, dự tính của hành động là những dự tính cực đoan ác liệt; tuy vậy rốt cuộc bạo động thực sự không xảy ra, tổn thương cụ thể không hề có.

Bảo chửi là hành hung thì quá đáng: kẻ chửi chưa có hành động hung dữ. Nhưng bảo chửi chỉ là ước muốn điều dữ cho kẻ khác thì lại không đủ: kẻ chửi đã đi quá sự ước muốn suông. Hắn đã thét to sự ước muốn đó vào mặt kẻ thù. Như vậy tuy không gây tổn hại cụ thể trên thân xác kẻ thù, hắn cũng làm cho đối phương đau đớn. Không thực hiện hoàn toàn những ước muốn độc hại, nhưng hắn đã đi tới nửa con đường thực hiện.

Bởi không ra tay làm được những điều mình mong muốn cho nên người chửi thường ước mong quá trớn. Trong một trận chửi, có thể nghe kẻ khai liên tiếp các việc: nào là đ. mẹ kẻ địch, đút c... vào mồm kẻ địch, nào là bắt kẻ địch liếm l..., mình v.v... Giá có thể xông tới thực hiện lấy một chuyện thôi trong bấy nhiêu chuyện thì đã đủ hả giận rồi. Chính vì không làm một chuyện nào cả nên mới so ước nhiều đến thế.

Một phần vì không phải đánh nhau bằng chân tay gây gộc, không nhằm một cái đích xác thật cụ thể; mà đánh nhau bằng lời nên được tha hồ vung vít vào những mục tiêu rộng lớn. Một phần khác vì đánh bằng lời, bằng tưởng tượng, không thỏa mãn được ước muốn, nên người chửi có xu hướng đi quá xa: sau khi dầy xéo đối thủ, hắn còn xâm phạm tới tất cả những gì là quý trọng thân yêu nhất của đối thủ. Việc đụng chạm tới mồ mả, tổ tiên kẻ thù, có lẽ là do đó.

Nguyễn văn Trung cho rằng « lời chửi thiết yếu bao hàm một niềm tin tôn giáo dựa trên đạo thờ tổ tiên, vì giả sử một ngày kia người Việt không còn thờ ông bà ông vải, khấn vái, cúng giỗ, thì đã hẳn lúc đó lời chửi sẽ không còn ý nghĩa, tác dụng gì nữa », và « người ta không thể chửi tục nếu không dựa trên một số niềm tin có tính chất tôn giáo. ».

Thật vậy chẳng? Nói những câu như « Đồ mất dạy, mày cứ há hốc mồm ra thì ông ị vào. » hay « Mày khôn hồn cút đi, không có tao ị vào mặt bây giờ. » thì cần gì phải dựa trên một số niềm tin tôn giáo? Không thờ ông bà ông vải tưởng cũng cứ đòi làm đờ mồm kẻ khác được, đâu có sao. Và không thờ ông bà ông vải, bị kẻ khác đòi làm đờ mồm mình tưởng vẫn chịu một tác dụng đau lắm, đâu phải không tác dụng gì.

Trong chửi rủa, có những hành động bạo tàn muốn nhằm vào đối thủ, có những hành động bạo tàn muốn vượt quá đối thủ nhằm tới thân - nhân họ, cũng như có những tai họa mong được do ta gây ra, có những tai họa mong quí, thần, gà, chó xe cộ v.v..., những rủi ro huyền-bí gây ra. Như vậy việc chửi rủa có biểu lộ sự tín - ngưỡng của dân-tộc, và những ai muốn tìm hiểu về tín-ngưỡng, Việt-Nam có thể tìm hiểu được một phần qua các câu chửi cũng như qua nhiều phong-tục khác; nhưng chửi không đến nỗi thiết yếu bao hàm tín - ngưỡng không đến nỗi không tín - ngưỡng không chửi được.

Không có tín-ngưỡng, quyền lực của kẻ đánh đá bằng mồm sẽ bị giảm sút đi nhiều. Chỉ có vậy thôi. Và như thế kẻ chửi thiết thời tội nghiệp: không ra tay đánh thực mà chỉ đánh gió, hắn nên

được đền bù bằng cách tha hồ loạn đá lung tung cho hả.

Phạp ? — Không. Khôn ngoan đấy.

Chửi là đi nửa con đường hành hung. Điều làm chúng ta thắc mắc là tại sao lại chỉ đi có nửa đường ? tại sao chọn dừng lại đó ?

Bảo rằng gây đau đớn cho đối thủ đến như thế là tốt độ, rằng như thế ta đủ trọn vẹn hả giận rồi, nhất định không đúng. Vậy tại sao không thương cẳng chân hạ cẳng tay.

Đến đây, bất giác nghĩ đến một nhân vật lừng danh khắp Á-Đông : ả Q.

Ả Q., trong suốt cuốn chính truyện, không thấy có kẻ thù, chỉ thấy người thù, nếu chẳng ra hẳn là thù hẳn thì cũng ghét bỏ khinh bỉ ả. Đối với mỗi hạng đối thủ, ả Q. có thái độ khác nhau. Thăng Đôn - Oắt - Tì và lão già Vương-Xồm coi bộ yếu kém, nên vừa gặp nhau ả Q. khiêu khích và vung tay sẵn ngang tới hành - động. Còn quan tứ « Tây Giả Cầy » với quan Cử, thì ả chỉ đối phó bằng cách chửi « con mẹ nó ». Có một lần ả chửi thành tiếng : « Thăng trọc... con lừa », và bị thăng Tây Giả Cầy đập cho mấy cây ba-toong lên đầu, vì vậy đề bảo-đảm an-ninh, ả Q. ưa chọn cách chửi thầm trong bụng. Ả Q. có biết câu « quân tử động khẩu bất động thủ », nhưng xử sự linh-động : gặp kẻ yếu thì ả vui lòng làm tiểu nhân mà gặp phải kẻ mạnh hơn mình, ả đề-ngợi làm người quân-tử.

Như vậy, cái gì ngăn chặn một người chửi rửa đi thẳng tới hành động ấy là sự nguy hiểm.

Nét tâm lý ấy ở ả Q. theo lời ông Giản Chi thì nó tiêu điều cho cái mà

người phương Bắc nước Trung-Hoa gọi là « phạp ». Phạp là uơ hèn.

Ở đời, những kẻ khỏe mạnh, không e ngại vũ-lực, thường không chịu ngừng mãi ở thái độ quân tử. Vì thế hạng khỏe chửi không phải là hạng vai u thịt bắp ; thực vậy, hiếm khi trông thấy cảnh tượng một người đàn ông vạm vỡ chửi bởi dai dẳng. Trái lại, chửi rửa ác độc và dơng dài thường thường là sở trường của phái yếu.

Thế gọi là phạp ? Nhận xét phũ phàng quá. Nhất là khi chửi rửa đã được nhận làm một đặc điểm của dân tộc. Bởi vậy, nên đề nghị một cách giải thích khác. Thiết tưởng chửi có thể coi như hình thức xung đột khôn ngoan của một dân tộc khôn ngoan.

Các va chạm trong cuộc sống một khi không thể thu xếp ổn thỏa, được giải quyết hoặc bằng cách nhịn nhục cho qua hoặc kết thúc bằng vũ lực. Nhịn nhục thì bề ngoài êm thấm đấy, nhưng bên trong nó đau độc con người do niềm uất hận bị đè nén. Ả Q đánh nhau thua mãi, về sau không dám đánh ai nữa, mỗi lần tức giận đành cứ quắc cặp mắt im lặng nhìn kẻ thù : sự suy đốn tí-h thần của ả có thể một phần do đó mà ra. Nuốt lịm cơn giận, đó không phải là phản ứng thuận với tự nhiên. Trong tự nhiên, con người, cũng như con thú, khi bị tấn công đe dọa, cơ thể tự động chuẩn bị đề tức khắc đối phó : tim đập mạnh, hơi thở gấp, huyết quản trong phổi căng lên, dưỡng khí được hít vô máu, chất đường được rót vô máu nhiều hơn, máu dồn ra các bắp thịt, bắp thịt co lại, sẵn sàng hành động. Nếu hành động bị chặn, các năng lực vừa huy động mà phải kìm hãm không dùng tới, nó trở lại phá phách làm ta khó chịu,

cáu kinh. Ta cáu kinh, giận dữ, thì các hạch thượng thận bị kích thích, chất thận tuyến tố (adrenaline) tiết ra nhiều, huyết áp cao, mạch máu căng v.v... Cơn giận là cái gì độc hại; giận không nên nuốt; nuốt giận, tất sinh ra bệnh hoạn. Nổi tam bành lên mà đợc đập nhau một trận mới hả. Nhưng đập nhau thì nhiều khi hỏng việc hết, cho nên đề cứu vãn tình vợ chồng trong gia-đình người ta đập tạm tạm bát, đĩa, ly, cốc v.v...

Cái cần lúc bấy giờ là cần một hành-động mạnh, thật mạnh, có tác-dụng giải tỏa. Những ràng buộc của cuộc sống trong xã-hội văn-minh không cho phép chúng ta mỗi lúc mỗi bạo-động, sự dồn nén làm phát sinh nơi chúng ta nhiều chứng bệnh thần-kinh. Bà Laura Archera Huxley nghĩ ra mấy cách chữa bệnh rất ngộ. Bà mách chúng ta mua ở tiệm bán đồ thể-thao một trái banh về treo sẵn trong nhà, lúc nào có điều giận ai, có chuyện bức mình, cứ vô phòng mà dấm liên hồi kỳ trận vào trái banh ấy. Bắp thịt co lại đòi hành-động? Cứ cho nó hành-động. Chất thận tuyến tố kích-thích? — Đập cho dữ vào, nó sẽ hết kích-thích. Đập banh xong, tâm hồn sẽ thư thái, đời sẽ tươi sáng. Bà L.A. Huxley lại mách ta nhúng chân vào một thùng nước nóng, úp mặt vào một thau nước thật lạnh, rồi cứ thế thôi vào thau nước cho nổi bong bóng lên, càng uất ức càng thôi. Không thét mắng những lời cộc cằn vào kẻ thù, hãy thôi xuống nước, bong bóng sẽ nói thay lời, tha hồ nói mà không xúc phạm ai, không gây đồ vỡ. Nếu uất hận quá, vừa thôi bong bóng vừa khóc cũng được, càng hay.

Chửi là một biện-pháp đại khái giống như dấm trái banh, như thôi bong bóng nước, vào những lúc cơ thể đòi hỏi phải làm một cái gì thật hung dữ mà hoàn-

cảnh, quyền lợi, không cho phép làm như thế. Chỉ giống đại khái. Thực ra thôi bong bóng so với chửi cũng như chửi bới so với đánh đấm chém giết. Có lẽ nhờ chửi, hay chửi, mà người bình-dân Việt-Nam bị thiệt thòi, áp bức, lại không mang nhiều ầu ức trong tâm-hồn, có thể lập được quân bình tinh-thần, bớt cay đắng.

Giữa bọn trẻ chơi ngoài đường, thỉnh thoảng có những cuộc xung-đột không cân sức, đứa lớn đánh, đứa nhỏ chửi; lớn càng đánh, nhỏ càng chửi. Vì yếu nên phải chửi. Nhưng chửi là phải ứng can đảm của kẻ yếu.

Nếu cả đôi bên mạnh yếu cùng thỏa thuận dùng chửi để thay thế cho cuộc đấu lực thực sự, thì đó quả là khôn ngoan. Và dân tộc Việt nam khôn ngoan đã sử dụng chửi như một biện pháp giải tỏa, trau dồi nó thành nghệ thuật.

Thực vậy, xem truyện xem phim nước người, nhất là các nước Âu Mỹ thấy họ đánh đấm nhau nhiều quá, dễ dàng quá, như thể trẻ con. Cứ có chuyện xích mích, bên này văng qua một lời, bên kia văng lại một lời thô tục, thế là đánh nhau. Nguyên do một phần bởi tính khí, một phần có thể bởi vốn liếng từ ngữ chửi rủa của họ nghèo nàn quá. Trong cuộc chiến đấu bằng lời mỗi bên vừa tung ra mấy món thì đã sạch kho hỏa lực rồi, cuộc chiến này bế tắc, đành phải leo thang lên hình thức chiến đấu của đám tiểu nhân.

Trái lại, người Việt có thể kéo dài cuộc chiến bằng mồm rất lâu, có thể tăng cường nó lên nhiều mức độ. Hơn nữa, chúng ta có những câu chửi dài, có vần, có điệu, tiết tấu nhịp nhàng, âm thanh du dương. Những câu chửi như thế có tác dụng trấn ủy, làm nguôi dịu.

Một cơn giận được đưa vào âm vận là đã chịu tuân theo một thứ kỷ luật. Cũng như một niềm vui biểu diễn bằng khiêu vũ, một xúc động được biểu hiện trong câu nhạc, câu thơ. Vui mà nhảy cẫng lên là cái vui hoan đại đột ngột. Giận mà thét lên « Đồ chó ! » là cái giận phá hoại, nhưng giận một đứa trẻ gà mà đã đông dài kể tội nó : « bắt con gà vàng khoan cồ, con gà nồ khoan lông, nó nấu nôi đồng, nó nấu nôi đất, nó ăn lật đật v.v... » thì vẫn ấy điệu ấy xoa dịu cơn giận, sẽ làm cho nó ngoan ngoãn, hiền lành. Trong tiểu thuyết và ngoài xã hội chúng ta, có những người đàn bà hoặc tức hàng xóm hoặc giận con cháu, ban đầu lồng lên thét chữ, rồi lẩn lẩn vừa chữ vừa chải đầu gỡ tóc, vừa chữ vừa quét nhà, vừa chữ vừa lật rau... Cơn giận cứ thế tự kết thúc.

Ở địa vị của một dân tộc mà người này có thể bới mả tam đại người kia, chẻ xương róc thịt người kia, và ngược lại, hai bên được phép bằm vằm lẫn nhau thỏa thích hàng giờ mà rốt cuộc không ai sút mẻ gì, ở địa vị như thế trông xuống những dân tộc cứ hễ lờ, qua tiếng lại vài câu là xõng tới đấm

đá, đâm chém nhau, chúng ta thấy họ sao mà nông nổi, rồ dại !

Không ai biết, trong lịch - sử, tục lệ bới chữ đã tránh cho dân tộc ta được bao nhiêu cuộc ầu ẩu, bao nhiêu vụ lưu huyết, đã cứu được bao nhiêu ức triệu nhân mạng. Thật đáng tiếc, vì chúng ta ước ao có chút ít số liệu rõ ràng trong tay khi nêu cao một đặc điểm của dân tộc. Dầu sao, không còn nghi ngờ gì nữa : chữ bới, khi thực hiện một cách đúng đắn, theo đúng tinh thần lễ thời Việt nam, khi hai bên tham dự đều biết tôn trọng qui tắc của cuộc chơi, không bỏ đồng xé rào tiến tới hành động, thì một trận chữ có tác dụng thật tốt đẹp. Trong cuộc đụng độ ấy có mức độ ác liệt đủ giải tỏa uất hận, đủ thỏa mãn những bản năng hung bạo trong người, mà khỏi gây kết quả khốc hại. Cái chữ Việt nam, nó như một cuộc chiến tranh trong đó đạn mả tử được bắn thả cửa, nhưng bắn nhip nhàng theo điệu nhạc quân hành. Bắn không để giết người mà để xoa dịu căn não mình.

Dân tộc ta chữ hay. Cái hay ở đó chăng ?

VÕ PHIẾN

IV - 1968

THƯ - LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,

nhãn cở áo (étiquette)

Quan-niệm cơ-cấu

trong các khoa-học nhân-văn

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 267-268)

3. — Những bình - diện (niveaux) của ngôn-ngữ.

De Saussure so sánh người dùng ngôn-ngữ với người đánh cờ tướng. Bàn cờ là một hệ-thống chặt chẽ, hễ ta chuyển một con cờ là làm cho thế trận thay đổi toàn bộ. Cũng thế, ta đổi một «từ» trong câu là đổi hẳn ý-nghĩa của lời nói. Nhưng giữa người chơi cờ tướng và người dùng ngôn-ngữ có một điểm không giống nhau: người chơi cờ suy tính và có ý khi chơi nước cờ, còn người dùng ngôn-ngữ thì không suy tính gì hết (Sđ, trg 127). Tất nhiên ta có suy tính nói cái gì, tức ta có suy tính về nội-dung ngôn-ngữ, nhưng ta không suy tính và cũng không ý-thức gì về ngôn-ngữ ta dùng (Sđ, trg 127: « La langue ne prémédite rien: c'est spontanément et fortuitement que ses pièces se déplacent ou plutôt se modifient »).

Ngôn-ngữ nói lên và ngôn-ngữ ta nghe tha-nhân nói với ta là những ngôn-ngữ đã hoàn-thành, giống như những hóa-phẩm bán ở tiệm. Người ta mua những hóa-phẩm đó về dùng, không thắc mắc gì về kỹ-thuật đã tác-tạo nên các hóa-phẩm đó. Trái lại, nhà khoa-học tìm hiểu cái kỹ-thuật đó: kỹ-thuật làm nên

ngôn-ngữ cũng giống như mọi thứ *praxis* khác của con người, là những hành-vi chưa phản-tỉnh, chưa ý-thức. Benveniste lược lại tư-tưởng của De Saussure về điểm này như sau: « Tất cả mọi phương diện của ngôn-ngữ mà ta cho là dữ-kiện đều là thành quả của những hành-động ý trí: những hành động này được ta thực hiện một cách vô-thức. Ta nên ý thức điều này. Và chúng ta hãy mở mắt nhìn sự thực là không một phương diện âm-ngữ nào được thể hiện tách rời những phương-diện khác để người ta có thể coi nó như ở trên và ở trước các phương-diện khác. Nhân đó phải kết-luận rằng: « Càng đi sâu vào chất liệu được nghiên cứu trong khoa ngữ-học, người ta càng thâm tín về chân-lý đáng suy nghĩ này: tương-quan mà người ta đặt vào giữa những sự vật thì có trước chính các sự vật và chính tương quan này xác định chúng trong lãnh vực của chúng » (BENVENISTE, Sđ, trg 41).

Thoạt nghe cũng khó hiểu, nhưng nên nhớ rằng không có những ngôn-ngữ tự-nhiên, nghĩa là ngôn-ngữ không phải một cái gì có sẵn cho ta dùng như kiểu cái bát hay đôi đũa: ngôn-ngữ là « một thực

tại hình-thức và tiêu-cực», nó chỉ hình thành và hiện hữu trong chính hành vi nói năng của ta thôi. Ngôn ngữ không có trước hành vi nói năng của ta: chính hành vi này đã sáng tác nên ngôn-ngữ. Hành vi sáng tác này vừa có tính chất *luận-lý* vừa ở thể *vô-thức*: đó là nhận định quan trọng vào bậc nhất của ngữ-học, các khoa-học nhân-án sẽ chiếu theo nhận xét này để thực hành công việc nghiên cứu của mình. Chẳng hạn Lévi-Strauss sẽ tìm ra «những cơ-cấu căn-bản của tộc-tính» nơi các dân bản khai: trong việc dựng vợ gả chồng, các dân tộc này hành động theo những *định luật nhất định* mà chính họ không thể trình bày được, vì thực ra họ cũng không hiểu tại sao họ phải hành động như thế. De Saussure vừa nói là «tương quan ta thiết lập giữa những sự vật thì có trước và chính nó xác định các sự vật này»: nói cách khác, hệ-thống có trước các sự vật riêng rẽ, và ngôn ngữ thì có trước từng «từ» một bởi vì chính ngôn-ngữ đã gọi những «từ» đó ra và chúng chỉ có nghĩa khi được đặt vào trong hệ-thống của câu nói thôi. Thế nhưng, khi nghe tha-nhân nói (cũng như khi chính ta nói năng), ta chỉ nghe thấy từng «từ» một trong đàn âm thanh. Ta không thể nghe cả câu nói trong một tức khắc, và cũng không thể nói một trật cả một câu: ngôn-ngữ luôn là một đàn âm-thanh được trải ra trên một đường thẳng của thời-gian. Con người đã tác tạo nên ngôn ngữ, đã làm nên đàn âm-thanh để trao đổi ý nghĩ: con người xử dụng ngôn ngữ cũng như người ta xử dụng những hóa-phẩm, nghĩa là xử dụng mà không biết gì đến kỹ-thuật đã thực hiện nên hóa-phẩm và ngôn ngữ. Chỉ ngữ-học mới giúp tìm ra những cơ-cấu

của ngôn-ngữ, những cơ cấu nằm trong tầng vô-thức.

Tóm lại, đối với ngữ-học «cái hữu-thức không quan trọng bằng cái vô-thức và công việc của chúng ta là tìm xem tâm-trí con người hành động thế nào». (Levi-Strauss, trong *Esprit* số tháng 11 năm 1963, trg 648). *Tâm trí con người hành động thế nào trong hành vi nói năng?* Tâm trí con người đã lặn lội trong một thế-giới mung lung của sinh hoạt cảm-giác, và lặn lội trong thế giới mung lung của những câu nói chưa thành hình: khi ta nói lên lời rồi, ta mới ý-thức về câu nói, vì phản tỉnh là phản tỉnh về một cái đã thành hình. Vậy nhìn lại cách xây dựng sự ăn nói (discours) của con người, chúng ta thấy lời lẽ ăn nói đó gồm nhiều câu nói (hay câu văn), rồi mỗi câu lại kết thành bởi nhiều từ-tối (lexèmes), mỗi «từ» lại được chia cắt thành nhiều âm-tổ (phonèmes) v.v. Khi phân tích cơ cấu của ngôn ngữ, nhà ngữ học đi con đường ngược với người ăn nói: người ăn nói đi từ cái tư tưởng muốn tỏ bày, rồi dùng những câu nói và những «từ» để thực hiện sự tỏ bày; trái lại, nhà ngữ học đi từ bình diện những đơn-tổ căn-bản nhất để dần đạt tới những «từ» những câu và sau hết là đạt tới cả một lần ăn nói nào đó (discours). Con người có ý-thức chẳng, thì chỉ ý thức ở chỗ ăn nói, còn như sự hình thành của ngôn-ngữ chiếu theo những mật-mã (codes) nhất định của ngôn-ngữ, thì con người ăn nói không ý-thức gì và chỉ nhà ngữ-học mới hiểu được thôi. Và muốn tìm hiểu cơ cấu của ngôn-ngữ, nhà ngữ học phải đào xuống từng ấy đợt, nào là đợt từ-tổ (lexèmes), nào là đợt hình-tổ (morphèmes), nào là đợt âm-tổ (phonèmes), nào là đợt phân-tổ (mérismes).

B – ÁP DỤNG QUAN NIỆM CƠ-CẤU VÀO CÁC KHOA HỌC NHÂN VĂN.

Ngữ học đã trở thành một khoa học hình-thức giống như một khoa toán học, đồng thời có những áp dụng chắc chắn không thua gì một khoa học thực-nghiệm (LEVI-STRAUSS, *Anthropologie structurale*, Plon 1958, p. 79). Bởi vậy giới thiệu khoa đó là việc khó khăn. Chúng tôi đã cố gắng trình bày một cách đơn giản về quan-niệm cơ-cấu, là khám phá nền-tảng của ngữ-học, nhưng thực tình chúng tôi thấy không sao nói rõ hơn được trong phạm vi mấy trang giấy. Hy vọng rằng bạn đọc đã có một ý-niệm về cơ-cấu và rồi đây trong khi chúng ta theo dõi các khoa-học nhân-văn trong việc khai thác quan-niệm cơ-cấu chúng ta sẽ dần dần làm quen và biết rõ hơn.

Đang khác nhìn lại, thấy bài này đã dài quá khuôn khổ, nên nơi phần B này chúng tôi chỉ phát-hoạ mấy nét chính để bạn đọc có thể theo dõi con đường của các khoa-học nhân-văn ngày nay. Vậy nói một cách tổng-quát, thì các khoa-học nhân văn theo kiểu cơ-cấu rất khác với các khoa học nhân văn trước kia. Giáo sư Granger đã nhắc lại cách phân chia của Jean Cavailles như sau: các khoa-học nhân-văn trước kia, kể cả những khi chúng được xây dựng trên nền-tảng của Hiện-tượng-học, đã theo đường lối « triết học của ý-thức (philosophie de la conscience), còn các khoa-học nhân-văn xây dựng trên thuyết cơ-cấu lại theo đường lối của « triết-học của quan-niệm » (philosophie du concept). Triết-lý của ý-thức là gì? Là triết-lý về kinh-nghiệm sống, nhân đó triết-lý này còn vương nhiều về riêng tư và bất tất của sinh-hoạt cá nhân. Trái lại triết-lý quan-niệm dùng những phạm-trù để

nghiên-cứu thực-trạng con người, nhân đó có tham vọng đạt được những tri-thức phổ-quát và chắc chắn hơn. Granger đã định-nghĩa hai loại như sau: « Xét theo tri-thức-luận, thì « ý-thức » là hành vi tác-dụng cá nhân, chỉ dựa trên chính mình nó, và nó chỉ đạt được một « bản chất » có phạm-tính là hiên-nhiên. Còn quan-niệm là hệ-thống-hóa nhiều hành-vi tác dụng để nhắm đạt tới một cơ-cấu minh nhiên và có phạm-tính là mạch-lạc. Với ý-thức, ta chỉ đạt được một kinh-nghiệm quy-tụ vào Ego (chủ-thể), còn với quan-niệm ta cũng đạt tới kinh-nghiệm, nhưng là một kinh-nghiệm không quy-tụ vào chủ-thể: kinh-nghiệm thứ hai này có tính cách tổ-chức và mở vào một trật-tự những sự-kiện hiên-nhiên ». (GRANGER, Sđ trg 180). Nói một cách cụ-thể, triết-lý quan-niệm tự xưng là con đẻ của triết KANT, một triết đã phân biệt rõ ràng hai thứ phạm-trù, những phạm-trù luận-lý của khoa-học, và những phạm-trù đạo-đức của sinh-hoạt. Không lạ gì những tác-giả như Granger luôn nhắc đến Kant và Michel Foucault cũng luôn ca ngợi Kant trong cuốn « Les mots et les choses » và tôn Kant là « cửa mở vào thời kỳ mới mẻ của chúng ta » (trg 255).

Sao lại bảo các khoa-học nhân-văn ngày nay đi theo đường lối triết-lý quan-niệm? Thì chỉ nhớ câu của Granger trên đây: « Quan-niệm là hệ-thống-hóa nhiều hành-vi tác-dụng để nhắm đạt tới một cơ-cấu và có phạm-tính là mạch-lạc » (Le concept, c'est la systématisation d'actes opératoires, ayant pour corrélat une structure explicite, et pour qualité la cohérence). Như vậy công việc quan-

trọng nhất và khó khăn nhất của nhà khoa-học nhân-văn là tìm ra những *kiểu-mẫu* (modèles) cũng gọi là những « *lược-đồ tác-dụng* » (schèmes opératoires) làm như những giả-thuyết để giải nghĩa những sự-kIỆN nhân-học. Nếu kiểu-mẫu tỏ ra khả-di giải nghĩa một cách mạch-lạc và chắc chắn tất cả những sự-kIỆN về loại mà ta nghiên-cứu, thì ta đã thành công, và kiểu-mẫu này chính là « cơ-cấu minh nhiên » mà ta tìm kiếm. Nếu không, ta phải nghĩ ra kiểu-mẫu khác, cứ thế mãi cho tới khi thành công. Như vậy những kiểu-mẫu, tức lược-đồ tác-dụng, ở đây cũng giữ vai trò như những giả-thuyết trong lãnh vực khoa Vật-lý.

Đây là một thí dụ về kiểu-mẫu. Các nhà dân-học tranh-luận nhiều mà không thể giải thích tại sao nơi nhiều bộ-lạc vai trò của người cậu (anh của mẹ) lại khắc nghiệt và lớn lao hơn cả vai trò người cha đẻ. Rồi càng nghiên-cứu, người ta càng khám phá thêm những phương-diện rất khó xếp loại: khi thì người cậu tỏ ra nghiêm-khắc và nhiều quyền, khi lại rất dễ dãi và ít thực quyền, mà như thế

trong cả truyền-thống phụ-hệ và mẫu-hệ. Người ta không giải nghĩa được, chỉ vì đã nhìn riêng rẽ sự-kIỆN « ông cậu ». Và Lévi-Strauss đã giải nghĩa được một cách hoàn toàn thỏa mãn và chắc chắn, chấm dứt mọi bàn cãi về sau, vì ông đã dựa vào quan-niệm cơ-cấu. Ông nói muốn giải nghĩa sự-kIỆN « ông cậu », cần phải đặt nó vào trong hệ-thống gia-tộc, mà hệ-thống này có 4 hạn từ: anh trai, em gái, cha, con (*Anthropologie structurale*, p. 56). Và hệ-thống này xây trên ba thứ tương-quan liên-giao với nhau: tương-quan máu mủ (cậu và má), tương-quan hôn-thú (ba má) và tương-quan sinh-đẻ (cha, con). Khi dùng lược-đồ có 4 hạn-từ và ba tương-quan đó để nhìn vào sinh-hoạt các bộ-lạc, rồi ghi rõ những thái-độ (hoặc ôn-hòa hoặc gay-go) giữa từng cặp anh trai / em gái, vợ / chồng, cha / con, Lévi-Strauss đã đạt được một mô-hình đều đặn và mạch-lạc, khả-di giải nghĩa tất cả các trường-hợp (Coi *Anthropologie structurale*, trg 54).

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.C

Trả lời ông Lý-Phật-Sơn

về truyện kịch Quốc-sư Vạn-Hạnh

Ông Lý-Phật-Sơn trong báo Văn-Đề số 9, đã cho tôi cái hân hạnh được Ông dụng công tìm tôi nhiều tài liệu ly kỳ để làm việc chứng minh theo nhiều khía cạnh là Quốc sư Vạn-Hạnh chẳng là truyện mà cũng không là kịch. Tôi rất cảm ơn mỹ ý ấy của Ông và cảm ơn cả ông Vũ-Khắc-Khoan là chủ-biên của nguyệt-san ấy.

Trong khi chờ đợi một may mắn nữa, ví dụ ý kiến về vở kịch này của ông Vũ-Khắc-Khoan, tôi hãy làm việc trả lời ông Lý-Phật-Sơn, không phải để tự biện bạch về một vấn đề thị hiếu, mà vì thấy cũng cần phải soi sáng thêm về vấn đề sáng tác này. (xin thêm một lời cầu mong quý ông và quý độc giả hiểu cho là tôi không còn ở cái tuổi có thể xúc động vì một lời khen chê đúng hay sai nào. Nếu tôi có trả lời đây thì đã chẳng phải vì tôi mà thực là vì mong ông Lý-Phật-Sơn hiểu rõ thêm cho).

Trước hết, để loại bớt những gì không quan trọng, tôi xin trả lời mấy câu hỏi lật vặt :

— Ông hỏi rằng : “ Căn cứ vào đâu mà tôi cho rằng sinh hoạt chính trị của quốc gia Đại-Cồ-Việt bị áp lực chi phối nặng nề của An-Phủ-Sứ Thiệu-Việt (không phải Việt).

Ông thêm : Chúng ta nhớ lại rằng

ở thời kỳ đó, cuộc xâm lăng của nhà Tống đã bị đánh tan trên sông Như-Nguyệt và tướng Hầu-Nhân-Bảo đã bị chém đầu trên ải Chi-Lăng. Việc xưng thần với đế quốc Trung-Hoa, và chịu sắc phong của các vua Việt-Nam trong điều kiện ấy phải được hiểu là một chính sách ngoại giao mềm dẻo hay là một dấu hiệu của sự mất chủ quyền :

— Xin trả lời : Chúng tôi rất thích hiểu như Ông rằng đây chỉ là một chính sách ngoại giao mềm dẻo. Nhưng sở dĩ chưa hoàn toàn hiểu được như thế là vì có mấy sự kiện mà tôi đã ghi trong bản tham-thứag, nhưng Ông quên chưa đọc đấy. Những sự kiện ấy là :

— 1) Lê-Long-Đĩnh hiến con tê giác để xin giát vàng cả mũ áo.

— 2) Lê-Long-Đĩnh xin cho dân buôn bán ở Ung-Châu nhưng vua Tống không cho, lấy cớ Ung-Châu là cò hợm của biên giới mà chỉ cho buôn bán ở trấn Như-Hồng thôi.

Còn một sự kiện thứ ba nữa đối với vụ các con Lê-Đại-Hành tranh ngôi của nhau, sách Tục Tư Trị Thông Giám Trưởng Biên của Lý-Đào đời Tống chép và Hoàng-Xuân-Hãn dẫn trong Lý Thường Kiệt trang 99 có câu :

“ Thiệu-Dục vâng chiếu viết thư cho Giao-Chỉ dụ rằng : “ Nếu anh em còn

giết hại lẫn nhau, quân nhà vua sẽ trị tội, thì họ Lê không còn dòng giống nữa đâu. » Lê-Minh-Hộ sợ, lập tức tôn Lê-Long-Đĩnh làm chúa.

Chúng ta thấy rõ: vàng của mình, giắt vàng ấy vào mũ áo của mình, để hành nghi với người của mình mà còn phải hiến con tể giác để xin phép Nó. Dân hai xứ buôn bán với nhau mà cũng phải đứng ra xin phép, để Nó không cho thì cũng đành thôi. Và anh em tranh dành ngôi báu với nhau, chỉ một bức thư của Nó qua dọa binh Thiên triều đến vãn tội, mà phải tự dẹp cho bằng hết sự tranh chấp.

Nỗi khổ tâm ấy của người xưa, mà những mảnh vụn lịch sử còn ghi, há phải để bây giờ ta giả vờ quên nỗi sao ?

— Ông còn định nhân đây giảng dạy cho tôi thế nào là lịch sử và thế nào là dã-sử, cùng lịch sử thì đòi hỏi sự xác thực khách quan và dã sử thì đòi hỏi sự suy diễn chủ quan của người chấp nói.

Chỉ nội một nhận định kể trên, nếu phải thật một nhọc để tranh chấp lấy một chữ khách quan hay chủ quan dán vào ngực, thì hẳn độc giả đã thừa rõ giữa tôi với Ông, ai khách quan và ai chủ quan vậy.

— Một sự muốn hiểu lịch sử khác nữa của ông về nhân vật Vạn-Hạnh là nhà sư đã đi vào huyền-thoại, thì xin Ông tha lỗi, hẳn tôi phải được phép nghi sự muốn hiểu ấy. Có lẽ huyền sử, dã sử hay « vớ vẩn » sử, chỉ là vì tôi viết mà không phải là ai đấy đã viết chẳng ?

Tiếc thay, không có một ông Pháp, ông Anh, ông Đức hay ông Mỹ nào đã viết về nhân vật đã từng làm lịch sử ấy, để bây giờ tôi nhắc lại thì có phải để khiến được ông tin là lịch-sử khách quan không ?

— Việc làm lịch sử này tôi đã có dịp

xác định trên tạp chí Vạn-Hạnh bằng những tài-liệu và những luận-giải, là một sự nghiệp cứu nước cứu dân của quốc sư Vạn-Hạnh. Mà không phải như người ta thường hiểu lầm là quốc sư cố ý đưa học trò lên ngôi để cho dễ hành đạo trong thời kỳ mà Phật-giáo đương là Quốc giáo, không cần phải « cạnh tranh » với một tôn giáo nào khác cả. Hiểu lầm như thế cũng như ở đây, Ông Lý-Phật-Sơn hiểu lầm là sự diễn tiến của cuộc tranh đoạt ngai vàng, thì thật Ông đã định bóp méo lịch sử và cố ý hạ thấp giá trị động cơ hành đạo của người lãnh đạo.

Đối với một vị quốc sư đã từng coi cuộc sống như một ánh chớp chiều tà và chính thân mình cũng có đấy rồi không liền đấy, thì ngai vàng cho học trò đâu phải là mục tiêu duy nhất và cao cả nhất để hành động ?

Bởi người ta thiếu cái giây phút thành kính đầu tiên khi nhìn vào lịch sử, nên nhận thức của người ta về lịch sử cũng chỉ hời hợt ở bề ngoài của những hư tướng, mà không đạt nổi thực tướng của mọi diễn biến.

Cho nên khi bàn về cấu tạo cũng như khi đòi hỏi về động tác, tâm trạng, đối thoại v.v... nó mới có một sự xa lìa sự thực dần dần càng kinh khủng.

Sự thực lịch-sử :

Sự thực ở đầu thế kỷ thứ 10 là có cả một xã hội người quăn quại dưới chế độ « Thập nhị xưng đại vương », trong một niềm lo âu về ly loạn, tái xâm lăng, mà trước thời-cuộc to lớn quá đối với kích thước của những con người thường, người ta đã mỗi người cựa quậy theo một cách như những con cò, chỉ người cầm chịch mới gỡ rối nổi mà thôi.

Ví phòng không có người cầm chịch là

quốc sư Vạn-Hạnh để không có giải-pháp Lý Công Uẩn, thì đã đành không có triều Lý mà đất nước có thể còn chìm sâu trong nô lệ. Rắc rối thêm một điều là tất cả các phe phái đều nói có thiện chí và thành khẩn thương dân yêu nước : phe Minh Đê được vua Tàu phong Kiểm Hiệu Thái Úy đã như nắm được những văn tự chính nghĩa trong tay. Phe Đào Khánh Văn suy tôn tự quân cũng không kém phần nào hợp lý (khi mưu định không thành năm sau đi sứ trốn luôn không về nữa khiến vua Tàu bắt giao trả vua Lý để bị đánh đến chết), phe các đại vương anh em vua Lê cũng cả quấy không chịu giải pháp Lý Công Uẩn khiến vua Lý lên ngôi phải cấp tốc dời đô, để hai năm sau có loạn ở Hoa-Lư lại phải đưa quân về đánh dẹp.

Sử cũ càng lâu ngày càng chép giản lược bớt cho đến hết chi tiết của tấn kịch lịch sử, và chỉ còn mỗi một chữ *mưu tôn Lý-Công-Uẩn*.

Sự mưu tôn này dưới chế độ quân-chủ, mặc dầu vua cũ đương nằm chờ chết, cũng không phải là một việc dễ và giản dị như một danh từ trống rỗng. Và người hành động đã phải đi như đi trên vầng băng mỏng vì chỉ sơ ý một chút thì hỏng cả đại cuộc mà chính bản thân mình cũng khó mà giữ được cái đầu trên cổ của mình. Đó là luật vua. Đó là phép nước. Người thời nay phải thuộc để nhận định về lịch sử. Người thời xưa lại càng cần phải thuộc hơn để giữ lấy thân sống của mình.

Chỉ duy có một biệt lệ trên thế gian này đối với Thành-Cát Tư-Hãn, một vị vua man rợ mà vợ ngựa xâm lăng ruồi tới đâu thì ngọn cỏ cũng không được phép mọc. Ấy thế mà khi xâm lăng Tây-Hạ, một buổi tốt trời nào đó, ngài đã

tự nhiên sinh ra hiền từ và tôn trọng tự do dân chủ đáo đê, khi cho phép một ông già vô danh được nói chuyện tay đôi với mình và ông này còn tỏ ý không sợ mà tự xưng là «lão» nữa. Tại sao vậy ? Điều ấy thì phải viết thư hỏi Ông Vũ-Khắc-Khoan (là tác-giả vở kịch Thành-Cát Tư-Hãn) hay nếu có thể được thì viết thư hỏi ngay chính ông Thành-Cát Tư-Hãn (nhờ «Vấn-Đề» chuyển giúp). Kể phàm phu tục tử chúng tôi thì quả không đủ sức giải thích.

Phần chúng tôi thì chúng tôi chỉ biết rằng rất đối như thời quân chủ gần đây nhất là thời Tự-Đức, vua xử trảm mà phải hiểu là được vua ban cho tội chết và ngài mạng thì phải ghi nhớ trong lòng là ngài ban quở. Huống hồ thời quân chủ cách đây 10 thế kỷ, cái lồng cộp trước sân chầu của vua Đinh - Tiên-Hoàng để xử tội nhân chưa chắc đã dẹp hết những mảnh vụn.

Vì những sự thực lịch sử ấy mà khi dựng một vở kịch đặt trong khung cảnh của thời-đại, tôi đã phải cố cho vở phản ảnh đúng sự thực lịch sử.

Kịch phản ảnh sự-thực lịch-sử :

Bởi nó lại còn là sự thực lịch sử Việt-Nam, trong ấy những con người quen sống bưng nội, khi biểu thị tình cảm ra lời nói và tác động đã có theo những sắc thái riêng của nó, nên không thể theo được một mẫu mực nào ở các vở kịch Âu-Châu.

Ông Lý-Phật-Sơn chắc hẳn là nhà chuyên môn về ngành kịch lại tỏ ra thông thái lắm, nếu thực người Âu Châu chưa biết tài để mời Ông dựng một vở kịch nào của họ mà Ông đã liệt kê trong bài, làm người yếu bóng vía hoa cả mắt, thì chắc Ông cũng may mắn hơn đời là được xem diễn những vở ấy. Riêng tôi thì tôi lấy làm xấu hổ để thú thực với

Ông là tôi chưa được xem diễn mà chỉ được coi một vài vở đã quay thành phim chiếu ở Saigon hoặc được đọc một vài bản dịch Pháp văn cùng xem mấy nét đại cương trong những sách văn-học-sử, hoặc xem qua một vài lời phê bình thảo luận trong những báo văn-chương và cũng phải tra tự vị đến khốn khổ khốn nạn mới gọi là tạm hiểu được.

Cứ mắt tôi trông thấy chẳng rõ có đúng không, thì đối với những vở đã nhiều tuổi thọ để thành cở-diễn, người ta đã tán tụng như ở xứ ta tán tụng cụ Nguyễn-Du là thông hiểu đạo Phật và cả thiên văn nữa. Còn đối với những vở mới thì lại có cái hiện-tượng hàng thị trường nguyền hàng cá ghen tỵ nòng nặc và hằn học đến sặc: cả máu mồm máu mũi ra, đề sư nói sư phải, vãi nói vãi hay. Mình ngồi ở góc giếng khác có nhắc lại lời của phe này hay phái nọ cũng thấy như biến dần thành cái máy magnétophone, nó ngượng ngượng làm sao ấy. Cho nên tôi giữ yên phận mình không nói sách «bia» sách «Lade» hay «Gót Gung» hoặc «Một Sát» một Man Rô Man Riếc gì cả, chỉ tự nhủ thầm rằng: sống thì thà làm cái mỏ con gà còn hơn làm cái đít con trâu, và làm văn nghệ thì thà làm cái cây cái cỏ xấu xí ở xứ Đại-Cồ Việt này còn hơn là làm những con ốc mượn hồn trôi nổi vờ bề bề các Đại-dương.

Vả lại, nếu ốc mượn hồn có cố theo đúng lẽ lối của các Thầy thì dù có thông minh giỏi giang cho lắm cũng chỉ đến thành thứ học trò học lõm và học cách bức. Chớ theo được những con voi to lớn ấy vì có được chút bã mía nào, thì làm gì còn nước nữa mà hít!

Vả lại nữa, tôi thực chỉ mới thấy trong văn-ngệ quốc-tế người ta đưa lên sân khấu những tình tiết thuộc về

tấn kích lòng của một cá nhân hay một số cá nhân trong phạm vi một tập-hợp nhỏ mà chưa thấy ai mở một con đường mới để đưa lên sân khấu một tấn kịch của một xã hội.

Tôi xin nói rõ: một tấn kịch ở thế kỷ thứ 10, trong đó người nào cũng hoang mang: kẻ hành động thuần vì tình cảm (Đào Thị) kẻ hành động thuần vì lòng yêu nước (cụ Từ Mục), kẻ hành động thuần vì tư lợi (Đào Khánh Vân), kẻ hành động thuần vì cố chấp nghĩa vua tôi (Lý Công Uân), kẻ hành động thuần vì vô tư (Lâm Khưu), kẻ hành động thuần vì cất ức (dân chúng)... nghĩa là mỗi người đương sống một tấn kịch riêng của mình trong cả tấn kịch lớn của xã hội. Riêng cái ý thức của cả xã hội ấy là Vạn-Hạnh thì đi vắng chỉ bằng bạc ở không khí, cho đến lúc sắp hiện về thì có ánh sáng rực lên với bức hoa tiên và tiếng cười hả hê của cụ Từ-Mục.

Tôi sợ dĩ không đề Vạn-Hạnh có mặt là vì cái thực tượng-trưng bắt buộc phải như thế, chứ chẳng phải muốn dùng xảo thuật để làm cái gì lạ trong văn nghệ như một trò chơi đùa qua một lúc thì thôi, mà bảo rằng phải theo gương của Ông này Ông khác.

Vở kịch của xã hội này với không khí lịch sử của nó, là để người đọc và người xem cùng học với tác giả một cái gì, chứ không phải là để khán giả thưởng ngoạn như lời Ông chỉ dạy.

Thành ra những điều Ông đòi hỏi về sự hồi hộp, về động tác, về đối thoại v.v... thừa: Ông nên tìm ở những tiệm người ta coi văn-ngệ là món hàng giải trí, tiệm tôi không có bán.

Nói về đối-thoại:

Đối-thoại trong một vở kịch của xã hội, có chia ra nhiều đẳng cấp người, vừa

phải giữ đủ lễ cho thích nghi, vừa phải biểu hiện được thói quen nghề nghiệp đề nói lên thành phần tham dự của mỗi vai trong toàn vở kịch thì thật quả là một việc khó. Tôi cố gắng tìm tòi theo những tiêu-chuẩn ấy mà xin lỗi đã không theo được cái tiêu-chuẩn quá dãn dị đề nhất-loạt-hóa các vai trong lời nói gọn và ngắn như những vở kịch thông thường,

Ở xã-hội cũ, người nho - sĩ phải lúc nào cũng lê-thê nói chữ nói thơ. Người địa-lý phải lúc nào cũng lái-nhài về địa-cát âm-phần, dương-trạch; người thị-nữ phải lúc nào cũng lễ-phép một cách cầu-kỳ. Các ông quan thảo-luận với nhau trong triều cũng phải có văn có chữ. Thằng ở nhà giàu hầu quan lớn, phải nói lời hống-hách và cục súc. Anh võ-biên như Lê-Phụng-Hiền, trái lại, chỉ nói thật ngắn và hết sức ngắn nữa. Thành ra riêng về mục đối-thoại cửa trời cũng mở ra nhiều rộng rãi lắm, đâu phải chỉ có một miệng giếng là ngắn và rõ mà thôi. Người đọc bắt buộc phải nhận ra phần tinh-tế ấy thì mới có cái thú thưởng-thức văn-chương.

Nói về cách nói:

Nhưng không phải đối-thoại đã chỉ có ngắn ấy mà thôi. Thế mới quái ác. Cái điều đây: phải nói rời từng tiếng cho rõ và ngắn để khán-giả theo kịp là quá xưa rồi. Nó chỉ có lý-do tồn-tại ở thời kỳ nền kiến-trúc sân-khấu chưa làm chủ được âm-vang bằng hình trướng, và chưa có cách tăng gia cường độ tiếng nói. Còn khi loài người văn-nghệ đã dùng được kỹ-thuật giải quyết xong vụ nghe thủng câu chuyện cho mọi khán-giả, dù ngồi ở bất cứ góc nào, thì người ta đã phải cấp tốc chỉnh lại cách nói cho nổi được giọng lên và nổi cái chứa đựng của điều

muốn nói. Nó có nhanh, chậm, nhỏ, to, và cả nuốt bớt lời đi nữa.

Đây là điều quan-trọng khiến người nghe dù không nghe hết được từng lời, từng tiếng thì qua cái giọng của toàn đoạn người nghe cũng đã hiểu được là diễn-viên đang nói gì. Và dù người nghe ấy lại là người ngoại-quốc chỉ biết tiếng một cách bập bẹ thôi, thì khi nghe qua cái giọng và toàn đoạn ấy cũng nhận ra được phần nào. Ông hãy nghe người ta nói ngay trên màn ảnh hiện thời thôi. Rồi xin hãy thành thực với mình để cho biết rằng ông có thực nghe hết được những lời người ta nói không?

Tôi cũng đã biết nhiều trường hợp người nghe không hiểu mà vẫn cười phá ra làm như ta hiểu lắm khiến người bên cạnh ngạc nhiên sao lại có thể cười được trước một đoạn văn không đáng cười ấy.

Tóm lại, chân trời về mục đối-thoại hiện đã được mở rộng ra theo hướng ấy. Mà không còn ở thời kỳ người ta buông những tiếng ra như những cục sỏi vô hồn.

Lấy một bằng chứng xác thực gần đây ra để làm thí dụ là cô Dạ-Lan trong đài phát-thanh Quân-đội, là người có cái giọng nói trời cho rất ấm và rất dễ gây thiện cảm với người nghe, thì chỉ được hồi đầu thôi, đến hồi sau, chẳng rõ ông bà nào giỏi kịch đến thế, đã đến vặn vẹo cái giọng tự nhiên của cô ấy đi, thành ra kịch, cho nó hết cả vẻ tự nhiên, khiến nghe chẳng còn thú vị gì nữa mà lại thấy như bị lừa gạt phỉnh nịnh.

Rồi tôi còn đương chờ em bé Yến Hồng, 10 tuổi, học 8è trường Colette, cũng đương có một giọng nói trời cho rất quý, nhưng biết đâu chừng lại chẳng có ông bà nào giỏi kịch đến vặn vẹo nốt giọng của em đi.

Ấy đấy cái kiến thức về đối thoại dễ nghe cho thật rõ từng tiếng một.

Tất cả những con ngựa đeo hai miếng da che mắt ở hai bên đã chỉ trông được có một chiều thôi.

Văn-ngệ nói chung, và kịch-ngệ nói riêng của Việt-Nam ta, muốn thấy đường tiến, phải gỡ bỏ hai miếng da che mắt ấy đi. Bởi, tôi xin nói rõ : chỉ nhờ thế thì ta mới thấy trên sân khấu còn có cách nói khác thêm nữa, ngoài cách đã kể về giọng. Cách khác ấy là cách nói bằng vật dụng và sự việc.

Ông cụ Từ Mục rút cái thẻ bài đề ra ngoài áo trong khi dân chúng cầm dao gậy giáo mác, ấy là đã nói rõ hơn tất cả những câu nói nào khác. Ông cụ Ba cắp rá gạo rồi vì sợ mà rớt rá gạo xuống, ấy là đã nói bằng cái rá gạo của mình. Bà Năm đâm guốc xuống đất nguyên rủa đã nói bằng chiếc guốc ấy. Lâm-Khưu phe phẩy cái quạt đã đề cho quạt nói về mình. Lũ dân chúng thấy Lâm-Khưu thì đứng dậy chấp tay chào rồi tự đẹp mình đi và khi thấy đại-vương thì đầu cứ ngời đầy, ấy cũng là đã nói.

Ta thấy rõ : đối thoại và cách nói đã là một tổng-thể hòa-hợp của bài trí, hóa trang, cử chỉ, y-phục, dáng điệu, đề cùng đưa nội dung câu chuyện vào tai vào mắt, vào óc khán giả. Chứ đâu còn ở thời kỳ chỉ có mấy lời văn viết cho gọn, ngắn, và rõ thì mới là kịch ?

Nói về động tác :

Chỉ có cái động-tác trên sân khấu dễ khiến quần chúng hiểu được ngay là động tác của anh đầy tớ dậy khôn ông chủ nhà, vợ chồng cãi cọ, giận dữ, mắng mỏ nhau, bạn bè lên lớp nhau về luân lý, nhân tình nhân nghĩa làm tình và ghen tuông rồi lưu manh cao bồi ăn

cắp ăn trộm, lừa đảo, vì là thường thấy có ở quanh mình.

Còn việc của một triều-đình quyết định vận mạng của một nước, việc của người làm lịch sử thao thức tìm địa cát để đặt đế đô, việc mưu định âm thầm để lộ dần ra từng nước cờ chính trị một, những việc ấy người độc giả và khán giả phải chân thành có thắc mắc thực thì mới nhìn kỹ thấy tất cả xã hội đều không ai nắm được mấu chốt chính của cuộc cờ vì văng bóng của ý-thức.

Lý-Công-Uần cũng không biết rằng mình làm những gì để rồi lên ngôi và có lên ngôi hay không. Con Ông ta cũng không biết nốt, chỉ theo lệnh trên của Cụ bảo phải ngầu ngựa gian đảng làm bầy trong lúc đức Kim thượng băng hà. Cụ Từ Mục cũng đến giờ cuối cùng mới tích cực phụ họa vào giải pháp. Người có ý-thức nhiều hơn cả là Đào-Cam-Mộc thì cũng không có thể chủ động trong cuộc cờ. Còn trớ trêu, thật đúng cuộc sống, lại là vai trò của Đào Thị, một yếu tố tình cờ, người chủ mưu không tính ra, không ngờ có, bất thần xuất hiện, cũng không ngờ gặp lại anh ruột, đề cũng không ngờ người anh ruột ấy tác động vào tình cảm của người em đa cảm mà lái hướng hành động của nàng theo chiều thuận của thế cờ.

Nếu chiết tính ra mà tìm đầu mối cách bức của nguyên nhân thành công (như tìm cái trách nhiệm cách bức) thì việc dùng được Đào-Thị đặc lực trong cuộc cờ, có khi lại chỉ là nhờ cái bước bên tai của chú thợ ngôi, đề cho Đào Thị nhận lại được người anh ruột và xa hơn nữa có khi lại nhờ thẳng giấc Tịnh-Hoàng nó đầy cục đá đầu tiên cho lăn dần vào cung cấm.

Cuộc đời có chỗ hở và kín, gần và

xa đến như thế, lại có cái phức tạp chìm dưới vẻ giản dị như thế mới thật đúng là cuộc đời ở nước Việt-Nam.

Làm kịch mà làm bất cứ một cái gì khác, đề diễn tả những pha tranh đấu, gay cấn, hồi hộp, của giống dân quen sống hướng ngoại và thích ngoại-hiện những tâm tình, thì đều là phản lại chân chất của cuộc sống ở đây. (Nhớ năm xưa, 1940, có lần nói chuyện vui với Nguyễn Công Mỹ, chúng tôi đã đố nhau rằng : có một người cha Việt-Nam ở nhà quê, Ông ta có anh con trai độc nhất, thất lạc gần hai mươi năm, nay tự nhiên nhận được thư của người con từ xa gửi về, thì hỏi, người viết kịch, Ông sẽ diễn người cha ấy ra sao ? Diễn cho Ông ta cầm thư chạy khắp làng mà reo hò và gặp ai cũng gọi lại để khoe ? Hay diễn cho ông ta rưng rưng nước mắt tay run rẩy cầm thư, và lặng gười đi không nói gì hết ?).

Chỗ khác nhau về đời sống của Đông Tây, và do đó là chỗ khác nhau về nghệ thuật diễn tả của Đông Tây là ở đây ?

Dẫu rằng có những người văn nghệ muốn là những truyện «hồn Trương Ba da hàng thịt,» thì chúng ta vẫn yên trí rằng có nhiều người khác vẫn cứ cố tìm tòi đề ý-thức về mình. Không sợ ! Cả sự không hiểu, như người ngoại-quốc nhìn vào tác-phẩm, cũng không sợ. Bởi mình có

quyền nói cho tất cả giới văn-ngệ quốc-tế, biết : trong cuộc trao đổi văn-ngệ quốc-tế, cái món Việt-Nam thật hạt và chính cống là đây. Còn các ông muốn có cái bóng vang của các ông, tức là muốn nhìn mặt những đứa con lai của các ông, thì các ông hãy tìm ở những cửa khác.

Thật quả đúng là trên đời có những yếu tố tình cờ nó phụ họa vào cái việc mình muốn làm, và cái điều mình muốn nói, mà chính mình không tính ra trước được.

Việc ông Lý-Phật-Sơn tự nhiên kê khai tất cả các tác phẩm hữu danh trên thế giới để so với tác phẩm hèn mọn của tôi, đã làm danh giá cho tôi nhiều quá. Ông lại nói rằng tôi không theo một mẫu nào cả, thì quả Ông đã làm danh giá cho tôi nhiều hơn. Tôi chân thành cảm ơn Ông đã nhân dịp ấy nêu ra một bảo đảm cho mọi giới đồng bào cùng biết : đây là sản phẩm nội hóa 100%. Để cho ai nấy muốn dùng đồ nội-hóa (lô canh) xấu xí, dơ bẩn ra dơ, chuột chằng ra chuột, thì xài chơi đỡ buồn, nhân đề khuyến khích sản phẩm tiểu-công-ngệ nước nhà. Còn ai muốn có những món đẹp đẽ, người ta tìm sẵn và nghĩ sẵn ra hết cho rồi, thì xin mời đến tìm những đồ hàng nhập cảng hoặc đồ mạo hóa. Nhưng nhớ đóng thuế phân suất quân bình đấy nhé.

L.V.S.

SÁCH BÁO MỚI

— **Ngôn ngữ và thân xác của Nguyễn-văn-Trung**, do Trình-Bầy xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách gồm 3 chương : Bước đầu tìm hiểu tư-tưởng Việt-Nam ; Ngôn ngữ và thân xác ; Ngôn ngữ tục. « Ngôn ngữ và thân xác là cuốn tiếp theo «Ca tụng thân xác», đã được xuất bản từ năm 1966, thuộc tủ sách

« Nghiên cứu và phê-bình văn-học » của nhà xuất-bản Trình Bầy.

— **Hành-trình vào Phân-tâm-học** do Vũ-đình-Lưu biên soạn, Hoàng-Đông-Phương xuất bản, và soạn giả gửi tặng. Sách dày 150 trang, gồm 10 chương. Bản đặc biệt không để giá.

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN (1)

ĐOÀN - THÊM

Tham nhũng và Ô. Diệm

Ngày 28-7-1954, nghĩa là 21 hôm sau khi lên cầm quyền, Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm thừa ủy-nhiệm Quốc-trưởng, ký đạo Dụ số 18 trừng phạt nặng những sự phạm-pháp trước kia chỉ bị coi như khinh-tội : phụ-lạm, hối-lộ, và lợi-dụng quyền-thế.

Tới 30-8-1954, ông lại ký Dụ số 25 bắt buộc các công-chức mọi cấp, lúc nhận việc và hàng năm, kê khai tài-sản : nhà cửa, cơ-sở thương-mại hay kỹ-nghệ, thuyền tàu xe cộ, và các số tiền trên 20.000\$ gửi các ngân-hàng, đứng tên mình hay vợ con, ở V.N. hay ngoại-quốc. Một Ủy-ban sẽ được chỉ định để theo dõi việc này, với quyền xét hỏi rộng rãi.

Đồng-thời, ông ra lệnh điều-tra về hành-động phi-pháp và tham-nhũng của nhiều cao-cấp dưới các chánh-phủ trước.

Rồi chẳng bao lâu, một số nhân-viên điều - khiển, Thủ-Hiến, Thị - trưởng, Tỉnh-trưởng, sĩ-quan v.v..., bị chấm dứt nhiệm-vụ hoặc đưa ra tòa án.

Có vị bị mấy năm tù ở, chỉ vì bị buộc lỗi chiếm công vi tư, đứng hơ, vì trót quên chưa mang trả lại Sở một bộ từ-diễn và ít đồ vật đã mượn về nhà sử dụng.

Ông Diệm cũng biết là sự trừng-phạt quá nặng, song không can-thiệp, vì muốn treo gương cho giới công-chức mà thanh-danh đã mất từ lâu : ông đã được nhiều người kể cho nghe không biết bao nhiêu thành-tích bất-hảo : hối-lộ, biển-thủ, sang-đoạt, lạm quyền trục lợi, của một chánh-thể mà ông tin là đã mục nát quá nhiều.

Ông muốn diệt trừ tham-nhũng, không những vì nhu-cầu chấn-chỉnh quốc-gia, nhưng còn vì tính-tình khắc-khở, vì giáo-lý và giáo-dục gia-đình đã tạo nên ông : ông ghét cay ghét đắng những hành-vi mà ông coi như trái đạo-đức. Ông là một tín-đồ Công-giáo thấm nhuần cả triết-lý Khổng-Mạnh. Ông muốn dĩ đức vi chính.

— *Dĩ đức vi chính, như Bắc-thần cư kỳ sở, nhi chúng - tinh cũng chi...* Ông thánh thời xưa dĩ đức vi chính, thì như ngôi Bắc-đầu, các vì sao khác đều hướng về châu... Còn ông Diệm mà muốn dĩ đức vi chính, lấy đức làm chính-sách, thì có thu hút nổi những người hiền về châu không, hay lại chỉ toàn những hạng mà ông muốn diệt ?

Một lần nữa, bạn S. lại tỏ ý xược, chế giễu và nghi ngờ. Tôi đòi giải thích, thì S. bảo hãy nghiệm xem sao.

oOo

(1) Xin coi B.K. số 265-66 và các số trước (263, 262, 261, 260, 259...)

Nếu xét khách-quan và chánh-thức, thì tôi thấy từ 1954 đến 1963, hàng năm những vụ tham-nhũng bị điều-tra hay trừng-phạt cũng không tăng hơn nhiều, so với thời Bảo Đại 1949-1954 : trung-bình, chỉ dăm bảy vụ đáng kể.

Nhưng chính vì thế mà dư-luận càng chỉ trích chánh-quyền : theo nhiều giới, kể các công-chức, thì không biết bao nhiêu tội lỗi được che đậy, vì tình-cảm, vì áp-lực, vì tị-hiểm, vì rối lo ngại đứt dây động rừng....

Bà con chúng bạn thường kể cho nhau nghe với nhiều chi-tiết cụ-thể, những chuyện rất dễ được tin : dâng 300 000đ để chạy chân Tỉnh-trưởng ; làm sồ Dân-vệ ma để lãnh phần lương trội ; thầu thuế rồi bỏ túi ; lãnh lương cho sở rồi biến mất ; xin bán đồ phế-thải của cơ-quan, nhưng thực ra đem bán dụng-cụ tốt để kiếm lời ; ăn chặn ăn bớt phẩm-vật cứu-tế hay viện-trợ ; lãnh tiền hàng tháng của thương-gia để lo việc hộ cho mau lẹ hoặc mách lối trốn thuế ; bắt các xe đồ nộp tiền rồi mới cho đi khỏi trạm kiểm soát ; vận động cho hãng thầu ngoại-quốc trúng thầu rồi nhận tạ ơn bằng một trương-mục Mỹ-kim hay Phật-lăng mở tại một ngân-hàng nước ngoài ; bắt giam để điều-tra về hành-vi chánh-trị, nếu "biết nghi" sẽ liệu tha ; hạch sách để các nhà buôn trong quận-ly mua đồ vàng tặng vợ mình ; lợi dụng chức-vụ để buôn lậu thuốc phiện, ngọc thạch và hạt soàn v.v... Biết kể lại làm sao cho hết, những việc bất-chính mà bao người yên trí là đã xảy ra chung quanh ông.

Ông đã chê trách các chánh-quyền cũ, và trừng phạt một số người lớp trước vì tội thói nát. Nay lại đến lượt chánh-quyền thuộc ông và những người của ông bị dư-luận lên án hay ngờ vực.

Có người đã hỏi tôi : ông Tổng-thống có rõ thực-trạng không ? nếu có, thì đã làm gì để đối phó ? hay là dung túng cho làm bậy ? hoặc không ngăn cản nổi ?

oOo

Ông rất chú ý đến tác-phong cử-chỉ của nhân-viên. Ông biết và biết rõ lắm : ông cao-cấp này có bà nhỏ ; ông kia có thói hách dịch ; ông khác xuề-xòa, hay bận áo bà-ba đi nhậu phở buổi tối trên vỉa hè... Như vậy, những vụ làm tiền ăn tiền tất cũng khó qua mắt ông : thiếu gì báo của cá-nhân, đoàn-thể hay cơ-quan ?

Hai năm đầu, vì muốn biết dư-luận gần xa, ông rất quan tâm đến các đơn khiếu-nại tố-giác, bắt tóm trình hàng ngày và hề thấy kể tội với nhiều chi-tiết, là ra lệnh điều tra ngay : như khi nghe nói có sự uẩn-khúc trong việc cấp giấy phép nhập-cảng, ông bắt bốn quân-xa lớn tới Bộ Kinh-tế chở tất cả các hồ-sơ Ngoại-thương về chất đóng tại dinh Độc-lập và đòi một vị Thanh-tra xét gấp trong vài hôm...

Ông dễ tin lời tố-cáo đến nỗi Cổ Nhu có lần giận đời và lâu bầu :

— Có dùng nó thì dùng, không thì cho về, chớ cứ ngồi nghe báo-cáo láo thì đũa nào nó còn chịu mần cho mình nữa ?

Ông lặng thinh, nhưng từ đó bảo bỏ các thư nặc-danh và chuyển đơn cho các Bộ sở-quan xét để trả lời hoặc trình ông sau. Và thay vì nghe đồn, ông tìm cách dò hỏi trực-tiếp, gọi dần từng cao-cấp lên yết kiến để ông tự mình quan sát và nhận định về thái-độ và tư-cách mỗi người.

Ông hay gắt mắng, hoặc bắn tin quở trách về các lỗi sơ-xuất, cầu-thả, bị-động,

bất-lực, ngu-xuẩn, nhu-nhược, thiên-cận v.v... Nhưng chưa từng thấy cao-cấp nào bị kêu là mắc tội hà-lạm, trục-lợi, hối-lộ... Hình như ai cũng trong sạch cả ?

— Ai cũng ăn cắp hay sao ? Nó tuyên truyền đầu độ, nó bôi nhọ... quá trời ! Đến bà Cố-Vấn mà nó cứ bêu xấu là làm áp-phe ăn tiền ăn bạc. Ông Nhu nóng quá, cần chi phải phân trần, mình ngay, mình mặc nó !

Ô. Diệm phản nản như vậy, vì ô. Naud cho đăng thông-cáo ngày 22-8-57 : không hề chuyển ngân ra ngoại-quốc, không tham gia thương-mại kỹ-nghệ tài-chánh ở VN cũng như ở nước ngoài, không bao giờ nhận đồ lễ để can thiệp cho ai, không có ai đề nghị làm những gì bất hợp-pháp.

S. biết chuyện, vội kết luận :

— Nếu « bốn Không » của ông bà Cố là thừa, nếu ô. Diệm yên trí rằng những người thân của mình bị vu cáo, thì sẽ rất may mắn cho bọn làm tiền, từ nay khỏi bị theo dõi ?

Cách đó ít lâu, một Tỉnh-trưởng bị kêu là tiêu lạm nhiều khoản, mà chưa chịu chứng minh. Ô. Tổng-thống bảo :

— Hẳn thì hẳn thiệt thà. Hẳn có trình tôi là đã phải làm mấy việc xã-hội cần cấp. Việc đó thì phải làm. Chắc hẳn quên giấy tờ đó thôi. Khỏi làm phiền hẳn.

Lại có một cao-cấp khác được ông giao một số tiền khá lớn để thực hiện một công tác, rồi bị ông hỏi thì lúng-túng không tính toán được rõ-ràng. Hôm sau đương-sự đành lên trình rằng nhân-viên giữ tiền trót chi mà không cập-nhật-hóa sổ sách, nhưng quả quyết là không hề có sự gian trá :

— Cụ chém tôi chịu, cụ tha tôi nhờ, chớ không khi nào dám dối cụ, tiền đó quả đã dùng như cụ dạy...

— Ờ, thôi được. Ông thì ông ngay thẳng, nhưng coi chừng kẻ dưới, lỡ họ làm bậy thì mang tiếng mình.

Tôi ghi nhận ở nơi ông một biến-chuyển tâm-lý khá rõ-rệt : từ thói đa-nghi quá mức, ông đi dần mà chẳng biết, tới sự tin-cần quá nhiều, ít nhất về phương-diện liêm-khiết, đối với thân-quyển và những nhân-viên do ông lựa chọn hoặc được dùng với sự chấp-thuận của ông. Dù đôi khi ông bị thắc-mắc, tâm-trạng này dễ tiêu tan nếu các đương-sự biết tìm lời giải thích, không cần xuất trình bằng-chứng. Tôi đã nghĩ là chỉ vì ông chịu ảnh-hưởng của ô. Nhu, hay suy từ tình-trạng ông bà Nhu mà ra tình-trạng của những người tay chân ông : nghĩa là hay mắc tiếng oan. Song còn nguyên-nhân nữa, thuộc bản-tính và nghề-nghiệp cũ của ông, do một người quyến-thuộc họ Ngô cho biết :

— Ô. Diệm thuộc hạng người ít có, không muốn bận tâm bao giờ đến chuyện tiền-tài. Đối với ông, nói gì đến tiền tài, cũng hình như nói đến chuyện thấp kém ông có một thứ mặc-cảm đối với tiền cũng như đối với đàn-bà : tránh nói tới hay nghĩ tới. Tiền của ông, có bao nhiêu, còn hay hết, cần chừng nào cho việc này việc khác, ông cũng chẳng biết. Ông vẫn như thế, ngay từ khi ra làm quan. Mà làm quan thời xưa, ở miền Trung, thì đâu có phải bận khoản về chứng-từ và thẻ-lệ ? Ông thiếu ý-niệm về tài-chánh, quản-trị tài-chánh, thủ-tục tài-chánh..,

— Tôi nhớ ông đã làm mãi Ngân-sách với Ngân-quỹ, Ngân-kho, tới 1956 mới phân biệt được, rồi có lúc lại quên.

— Bởi thế, ông không tỏ ra khắt khe như các cơ-quan chuyên-trách, đối với những sự chi tiêu của cấp hữu-quyền. Thực ra, ông không thấy sự phân-minh kế toán là cần-thiết, tin là đủ, như Ba Tàu cho nhau mượn tiền, chớ không phải là ông cố ý dung túng cho người dưới hay người thân. Một chỗ yếu nữa của ông, là cả nể. Bề ngoài thì ra bộ hách, nhưng bên trong, quá hay về người cao cấp hay người nhà. Ông ngược ngịu khi phải hỏi ai về tiền nong, thật trái hẳn với khi ông hạch sách về hoạt-động công-vụ. Nếu cho là trái đường lối của ông, hoặc là bất lực, thì ông chẳng ngần ngại cho về vườn cả Đại-sứ, Bộ-trưởng, Đại-biểu v.v... Nhưng ông chẳng cho là các vị đó có thể tham nhũng; có lần, một vị bị trình là chẳng chịu giao đủ đồ đạc khi rời khỏi nhà công; ông Tổng-thống gạt đi: « người ta dẫu sao cũng chớ người lớn, ai mà ăn bàn ăn ghế? coi nó lạc mô tê? » Làm sao có thể cho ông chấp nhận rằng hạm chiếu cổ đủ thứ, đã có hạm gạo, hạm giấy, hạm sắt vụn, thì có hạm rác hay hạm đĩa chén. Ông chỉ biết người ta có thể ăn tiền. Nhưng nếu phải hỏi ai về tiền nong, thì bản-chất ông lại hiện ra, ông lúng túng như phải hỏi về vấn-đề trai gái. Như trường-hợp ông X. Ông X lãnh trội lương, vì vô-tình đã nhận cả lương ở chức-vụ cũ, tuy đã đổi qua chức-vụ mới. Ông Tổng-thống biết, và hứa sẽ chất vấn, nhưng lúc gặp X, lại có vẻ ngần-ngại: mãi sau mới vừa cười vừa hỏi nhẹ: — Nghe nói ông lãnh lương nhiều hơn cả tôi?... Hôm sau, X trình rằng nhân-viên hiểu lầm, cứ tính cả số cũ, đành xin bồi hoàn... Ông Diệm cũng chẳng bảo sao nữa, và lảng ngay sang chuyện khác.

oOo

Bầu nhiệt-huyết và lòng công-phấn của ông trước sự tham-nhũng, sù sì sùng-sục khi ông lên làm Thủ-tướng, bình như mỗi ngày một bớt nóng dần. Ông quá bận rộn về nhiều việc khác, hay là chán nản vì thấy nhiều khó khăn trong công-cuộc thanh-trừng?

Giữa 1956, một hôm ông nhắc phải thanh-toán gấp vụ gian-lận về cung-cấp thực-phẩm cho nhà thương Từ-Dĩ từ trước ngày ông chấp chánh.

Tòa án chưa kịp xử, thì xảy ra liên tiếp những vụ chấn-động dư-luận; vụ lấy cắp mấy triệu bạc cũ của Ngân-hàng Quốc-gia (tháng 8-1956) rồi vụ bán trái phép hơn 8.000 tấn gạo tiếp-tế cho miền Trung (tháng 9-1956).

Ông cau mặt giận bưng-bưng, nhưng lắc đầu thờ dài:

— Trị người cũ chưa xong, đã phải đối-phó với người của mình!...

... thế thì còn trách chi ai? biết trị thế nào cho hết?

Ông không nói những câu sau, nhưng tôi hiểu rằng ông muốn than phiền như vậy.

Và mĩa mai thay, chính những người được ông tin dùng, lại là nạn nhân đầu tiên của đạo Dự 30-10-1955 mà ông đã ký đề phạt tử-hình và tịch thu tài-sản những kẻ đầu-cơ.

Vài người ở gần ông, cũng có cảm tưởng là ông... thối mết.

Tháng 10 năm 1957, nghe nói có cờ bạc trà hình tại Hội Chợ Thị-Nghè mà ông đã cho phép mở, ông ra lệnh đóng cửa ngay. Song những giới liên-hệ đã khéo giải thích thế nào chẳng biết, ông lại thờ dài, mà bảo cấp hữu-trách: thôi, khoan. Đến ngày 23-10, ông được tin dân-chúng xô đẩy nhau đến nỗi cầu đổ và vài chục người thiệt mạng. Đáng lẽ ông nổi đóa và không còn nề hà gì để chấm dứt ngay trò chơi thiếu lành mạnh. Ông chỉ bùi-ngùi và dặn: « phải cầu-nguyện và đền cho người ta, thiệt khờ! » Trong số người khờ, chả: có cả ông. Lễ cầu-hồn được tổ-chức thật, và một tuần tiền trâu vô cửa được dành để bồi thường cho gia-đình các nạn nhân. Rồi mãi tới 1-6-1961, giải-trí-trường mới bị đóng hẳn, không phải vì nạn đỏ đen, nhưng vì lý-do chánh-thức là nhà thầu thiếu nhiều tiền thuế: dù sao, cũng cần chỗ chứa phụ-lũ Bán quân-sự. Trong và ngoài phủ Tổng-thống, nhiều người thấy hình như ông chịu một áp-lực nào đó, ông không nói ra, nhưng cau mặt mỗi khi ai nhắc tới hai tiếng Thị-Nghè. Thị-Nghè chắc là một bà, và có lẽ vía bà dữ lắm ..

Biết là ông không còn quát tháo khi xét vấn-đề tham-nhũng, đầu năm 1958, một nhân-viên bị truy về thề-lệ kê-khai tài-sản, đã bạo dạn thưa: đại đa-số công-chức chỉ coi như một hình-thức phải theo lấy lệ, vì ai cũng biết là khó kiểm-soát, nên hàng vạn giấy tờ chồng chất thành đống từ 1954 mà chưa ai xét cả... Nếu trình như vậy vào năm 1955, hẳn có kẻ chết với ông! Nay sau ba năm vật lộn với thực-tế chánh-quyền, quả-nhiên ông chẳng la hét gì, chỉ nói: giao qua Bộ Tư-pháp coi. Rồi không bao giờ ông nhắc tới nữa.

Nếu ông còn thịnh nộ, thì còn hăng hái. Lâu dần, ông buồn nhiều hơn giận: phải chăng ông thấy vô ích, nên dành hơi để la về chuyện khác? Rác rưởi nhiều quá? Gian và tham lan tràn mệnh mông? Ông có đồng ý hay không với một Bộ-trưởng, là muốn dọn sạch thì không khác nào phải uống cho cạn nước biển muôn trùng (la mer à boire) hết lớp sóng này đến lớp sóng khác?

Tháng 3 năm 1959, vụ gian-lận hơn 40 triệu tiền thuế lò heo Đô-thành, bị đổ bể và gây những tiếng dội vượt quá biên-giới VN. Ông chỉ thị tăng gia hình-phạt Quốc-hội bèn biểu quyết gấp đạo luật 9/59 ngày 18-4 trừng trị các tội biên-thủ, thiện-thủ, oa-trữ tài-vật. Ông ngổ lời với một người thân: mình ráng hết sức, mà nó ăn cắp nhiều thật!

Từ năm 1961, 1962, nhà thầu lớn, nhà buôn nhỏ, người bán lẻ đua nhau tăng giá vé số Kiến thiết quá giá chánh-thức. Một đạo luật 7/62 ngày 15-3-62 lại được tung ra để ngăn chặn nạn đầu-cơ mới. Sau khi ban hành, ông phàn nàn với một Dân-biểu:

— Cứ mỗi lần ấn cấp, mỗi cách ấn cấp lại phải một đạo luật sao? biết bao giờ xong? Tôi ký quá nhiều rồi, mà nó cứ thế. Bộ Giáo-dục đề nó chuyển ngân lậu cho hàng trăm du-học sinh mà, chẳng biết làm chi khác từ tháng 6 năm ngoái hay lại bắt tôi ký giấy trừ mà! Thôi, làm sao thì làm!

Cách đó ít lâu, ông kêu vài nhân-vật khác lên nói chuyện cải thiện chánh-quyền và xã-hội.

Đại ý, là ông không còn tin mấy ở hình-phạt, vì luật hình không đủ hiệu-năng phòng ngừa những-lạm mà căn bệnh rất sâu xa và được coi như tàn tích Thực, Phong, Cộng. Theo ông, sở-di sự gian-trá bất-lương đầy rẫy, là vì những giá-trị tinh-thần cổ-truyền đã bị phá hoại, lễ nghĩa liêm sỉ bị các trào-lưu độc hại tràn ngập, phải chấn hưng phong-hóa thì rồi con người mới ngay thẳng được. Luật-pháp phải nằm trên căn-bản đạo-đức, phải nhắm vào đạo-đức trước hết.

— Nó quen thói đàng điếm, xa xỉ, ăn chơi, năm vợ bảy mèo chuột, nó phải cung ứng thì phải tìm cách bắt-chính kiểm tiền...

Một vị thưa : đã có luật bài trừ mãi dâm, luật gia-đình cấm ngoại hôn.

Ông cười lạt :

— Ấy vậy mà vẫn có người bệnh vực sa đọa. Nó đi mò điếm, bị cảnh-sát lùng bắt, nó nhảy xuống ao rồi đổ tội cho ông Tổng-thống không hiểu chi nên hóa nghiệt. Rồi ông nó bên Y-tế cắt nghĩa sinh-lý, ông bên Quốc-phòng cũng nói căn sinh-lý chi chi. Tôi cấm cờ bạc rộng rãi, mà nghe nói Tòa Phá Án tha mặc chược tồ-tôm, kêu là giải-trí gia-đình. Nếu mình dung túng đời-trụy, mình có lỗi với quốc-gia. Dung túng cho đàng điếm, thì hối-lộ biển-thủ càng nhiều. Tôi đã tính đóng cửa cả Đua Ngựa, thì có ông kêu công-quỹ sẽ mất thuế, mất 14%. Nhưng nó biển-thủ tiền lương tiền thuế đi đánh ngựa, thì mất mấy phần trăm ? Các ông phải bỏ lối dung túng, tha thứ. Và phải coi lại luật-pháp thề-lệ theo tinh-thần đạo-đức.

Một vị khác xin chỉ-thị : có nên bắt buộc sống khắc-khò không ?

Ông không trả lời thẳng, nhưng bảo : cấm chi thì cấm, nhưng không nên nhắm riêng lớp người lớn tuổi. Như cấm ngoại-hôn, thì cũng phải, nhưng việc chỉ liên-quan tới người lớn. Luật-pháp dựa vào đạo-đức, thì phải hướng cả vào giáo-dục thanh-niên nữa, chớ đợi lớn tuổi mới ngăn, thì thường quá trễ.

Chủ-ý của ông xem chừng đã ảnh hưởng phần nào và nội-dung đạo luật khét tiếng 12/62 ngày 22-5-1962 đề « bảo vệ Luân-lý ».

Muốn đạt mục-đích cao quý này, Luật cấm thanh-niên dưới 18 tuổi hút thuốc lá, uống rượu trên 12 độ, xem phim ảnh kịch tuồng dành cho người lớn ; cấm phá thai, ngăn cản thụ-thai bằng cách không tự-nhiên, nhảy đầm và nhảy trái « thuần phong mỹ-tục », thi sắc đẹp, đồng bóng, phù phép, đấu võ, mua dâm bán dâm chứa dâm, quyến rũ đàn-ông đàn-bà... Ngoài Luân-lý ra, Luật còn bảo vệ cả súc-vật vì cấm đấu súc-vật với mục-đích trục lợi (điều 5)

Từ nay, xã-hội VN có hy-vọng lành mạnh trong sạch ?

Ngày 5-6-1963, một số người bị trừng phạt vì mua bán bài thi Trung-học đệ-nhất cấp kỳ 27-4-63.

oOo

Từ 1956, tham-những đã thành câu chuyện hàng ngày ở nhiều giới và giữa

các gia-đình. Người ta tìm nguyên-nhân, gán trách-nhiệm, hoặc nghi biện-pháp đối phó, và cũng như đối với các vấn-đề trọng-yếu khác, phê-bình nhiều hơn là đề-nghị.

Theo số đông, thì nhà đột bao giờ cũng từ nóc, gương xấu dọi từ trên. Nếu chẳng ai ngờ vực ông Diệm, thì rất nhiều người trách ông chịu đựng cho một số thân-nhân gây tai tiếng vì can-thiệp trực-tiếp hay gián-tiếp vào các hoạt-động kinh-tài. Ông đề mặc họ góp vốn, buôn bán, hoặc nâng đỡ cho kẻ khác doanh lợi.

Song nhiều người thuộc các đoàn-thể ủng-hộ ông, tin rằng họ có quyền tổ-chức những cơ-sở thương-mại, sản-xuất, v.v., và nếu họ dành hoa-lợi cho đoàn-thể có phương-tiện hoạt-động, thì đó cũng là quyền của họ. Trên bình-diện lý-thuyết chánh trị, không ai bắt bẻ được. Song những nhóm đối-lập và giới doanh-nghiệp đều cho rằng trong thực-tế, họ dựa vào thế-lực ông Diệm, ông Nhu, ông Cần... mà giành quá dễ dàng những mối lợi lớn, gây sự bất-công và cạnh-tranh bất-chính. Lại còn nghi-vấn, là họ kiểm soát đề phụng-sự lý-tưởng hay chính bản-thân họ và những người ban đặc-âm cho họ?

Ông T. thuộc một chi-phái Đại-Việt, đã quả quyết :

— Chính vì phải làm nể cho họ, mà ông Diệm không quyết tâm diệt trừ tham nhũng. Hẳn ông biết thừa người của mình còn đáng lên án, thì chẳng lẽ mạnh tay với kẻ khác?

S. cũng bảo tôi :

— Nếu ô. Diệm hay buồn-bực, chắc vì nỗi u-ẩn đó.

Dù sao, ông bị coi là nhu-nhược trước sự thao-túng của những người mưu lợi ở quanh ông ; đó là xét đoán của các nhân-vật chống đối, cũng như của một số người thực lòng muốn giúp ông, kể cả vài thân-hữu Mỹ đã từng ủng hộ ông từ trước 1954. Uy-tín của ông vì thế mà suy giảm nhiều.

Nhiều lần, S. có hỏi tôi nghi sao. Thấy tôi lặng thinh mãi, S. nói với giọng an-ủi :

— Tôi biết. Cậu cũng bị hoang mang, khó chối cãi một tình-trạng rõ-rệt, nhưng cậu chưa muốn nhìn nhận. 30 năm qua, chúng ta đã thấy nhiều dơ bẩn. Nên khi gặp một người sạch sẽ, cậu không nỡ nghĩ xấu, không muốn người đó bị vấy bẩn. Nhưng này, nếu đòi hỏi một pho tượng trắng, thì trở lại nghệ-thuật mà tìm đẹp. .

Tôi chỉ đồng-ý với S. về một điểm : ô. Diệm muốn trừ tham-nhũng, mà hành động của ông không đủ quyết-liệt. Tôi biết hơn S., là mỗi khi ông quan tâm đến việc gì, thì cất vắn từng chi tiết, nhắc hoài và giục như giục tã, nhiều lần nhân-viên phải bực bội ; ông lại có trí nhớ rất dai, không hề quên những gì đã khiến ông chú-ý. Nhưng đối với sự thanh-trừng thì khác, ông không gay gắt và không xô đẩy.

Duy tôi không chắc hẳn vì ông cố ý dung-túng, hay tại việc khó quá ?

Tôi hỏi lại S xem ở địa-vị ông, thì anh làm sao thế ?

→ Bắt các người thân-tín và đoàn-thể của mình theo đúng luật-lệ, không cho hưởng sự ưu-dãi hay đặc-quyền nào; cấm ngặt dùng danh-ngĩa đoàn-thể mà trục lợi và làm giàu. Đó là vấn-đề tổ chức nội-bộ, tuyển nạp, huấn luyện, và kiểm soát. Kỷ-luật phải danh thép; người của mình làm bậy, càng bị trừng phạt nặng. Rất khó đấy, vì không có lợi riêng thì chẳng mấy kẻ theo. Vì lý-tưởng mà hy sinh, may ra được một dùm cán-bộ trung-kiên, còn hầu hết bona xu vì miếng đỉnh chung. Tôi nhấn mạnh là rất khó. Nhưng nếu chưa rèn đức nôi, không nắm vững được, thì chó vội tung ra để gieo tai tiếng cho mình. Trị được người của mình đã, rồi mới thẳng tay được với người ngoài. Và bây giờ hãy nói đến các biện-pháp chống tham nhũng. Biện-pháp của ô. Diệm cho ra, chẳng thiếu gì, mà kẻ gian càng hoành hành. Luật-lệ bị coi thường, vì lý-do dễ hiểu nhất, là chúng yên trí rằng khéo xoay thì thoát, có thể-lực thì vô-can. Cấp hữu-trách chỉ bị một, vài lần áp-lực, là về sau ngăn ngại trừng-phạt hay tố-giác: khôn hồn thì đánh chó phải ngó chúa, động phải người của Cậu hay của Ông không khéo bị lôi-thôi. Cấp dưới chỉ nghe hay thấy vài chuyện bất-hợp-lệ được thừa nhận hoặc phải ưng thuận, cũng tin và phao ngay rằng cấp trên chẳng ngay thẳng hơn mình, không ăn cũng đại, có dịp đừng đề lộ, hoặc tạo dịp mà kiếm lời. Trong hoàn-cảnh và tâm-trạng đó, mỗi sự cấm đoán, mỗi thề-lệ kiểm soát, mỗi điều-kiện chấp thuận, thành một cớ cho người hữu-quyền đòi hỏi sự đền-bù. Thành thử phải tỏ cho mọi cấp thấy luật-lệ là luật-lệ, không theo thì về vườn hoặc ngồi tù: khi đó, hãy ban hành mới đỡ tổn công soạn thảo.

Như vậy, S. không đồng-ý với ô. Diệm về vai trò luật-pháp? Ông không tin tưởng lắm vào luật, cho là bất-túc nếu không vô-hiệu. Còn theo S. sở-di luật mất sức mạnh, chính vì những người có uy-thể hay trách-nhiệm đã gây nên tâm-lý coi thường cả luật.

S. cũng chấp nhận như ô. Diệm, rằng luật không cho phép chữa dứt trọng-bệnh tham-nhũng đã ăn sâu như ung-thư vào các bộ-phận chánh-quyền và cơ-cấu xã-hội: cần có phương thuốc tinh-thần. Song phương thuốc đó, đối với S và cả tôi, không phải là sự bảo-vệ Luân-lý bằng cách cấm hút thuốc và cấm chơi gà...

Thật ra, ông Diệm không bảo cấm như thế. Ông hút thuốc lá từ hồi trẻ, và nay dùng mỗi ngày một vài bao. Ông chỉ muốn nói rằng phải tập cho có nếp sống đơn-giản, ít nhu - cầu, ít khát - vọng vật-chất, thì mới khỏi tham, và tham thì dễ thành gian. Ông thường nhắc: cha anh phải dạy cho con em tránh đua đòi, và muốn vậy, họ phải treo gương, đừng bê tha cờ bạc trai gái. Tóm lại, ông muốn người ta chăm sóc giáo-dục gia-đình để cải thiện xã-hội, và bảo tìm cách thực hiện.

— Ông Tổng-thống vạch chánh-sách và nguyên-tắc. Người thừa hành phải tìm phương-thức nào thích-ứng mà áp-dụng. Đừng lặp lại từng tiếng của ông khi ông nói chuyện cắt nghĩa, rồi đổ tội cho ông. Cấm thì cấm hết, cấm con mà cho phép bố, nghĩa gì?

Ông Nhu đã nhắc đi nhắc lại như trên ít ra chục lần từ 1955.

Nhưng việc hoàn tất dự-thảo luật 12/62 đã được sự tham-gia của văn-phòng Bà.

Đ. T.
(Còn tiếp)

Những chuyến đi

*Con đường tìm đến quê hương
Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều*

(Xin xem BK. TĐ. từ số 265-266)

Cô thư ký đang biên địa-chỉ ông L. cho chúng tôi thì điện thoại reo. Ông L. muốn tã cái tội bắt chúng tôi chờ đợi nên đòi đến tận nơi rước khách. Được thế làm già, gặp ông tôi chẳng lo phụ cầm xách món chi để một ông đùm túm tất cả hành lý, nhạc khí cho ông biết chừng. Tôi lại nói rằng: chúng tôi chỉ còn vừa đủ thì giờ sửa soạn áo quần, đàn, trống, chúng tôi phải dùng cơm liền thì mới đi trình diễn kịp giờ. Bạn thấy tôi khát khe như vậy mà ông ta không tỏ ra khó chịu chút gì lại cứ vâng dạ luôn. Có bình tĩnh như vậy giải phẫu mới thành công chứ.

Dọc đường ông chỉ cho chúng tôi xem nhà thương, chỗ ông làm việc. Nhờ nhà ông ở bên cạnh đó mà khi người nhà sang cho ông hay chúng tôi chờ đợi, ông mới có thể đến rước chúng tôi mau như vậy. Rồi ông xin lỗi vì phải bận mỗ thỉnh linh một bệnh nhân nên mới có việc đáng tiếc đối với chúng tôi.

Nghe ông nói tôi tự hỏi: Nếu ông bận mỗ thì còn có vợ con ông. Nếu ông không có vợ con thì chúng tôi đến đó nghỉ ngơi, có bận gì ông đâu mà phải có mặt ông ở nhà? Câu chuyện ông nói, có lẽ chỉ là một cớ để ông tự biện hộ mà thôi, tôi nghĩ vậy.

Ông dẫn đường và cùng anh Trần xách hành lý vào nhà đến cái phòng ông dùng xem mạch cho bệnh nhân. Anh Trần còn đang nấn ná nhờ ông dắt đến phòng ngủ thì ông cười bảo:

— Không sao đâu, sạch sẽ lắm thừa ông, không lây liếc gì đâu mà sợ. Mỗi ngày từ sáng đến tối tôi làm việc tại phòng này, ông chịu khó ngủ đây ông nhé (!) Nhà tôi chỉ có hai phòng ngủ. Tôi một phòng, còn một dành cho bà đây. Bây giờ xin mời bà đi lên lầu với tôi."

Anh Trần nhìn tôi với vẻ vừa sùng sốt vừa góm và có ý bảo: đây cũng là một việc mới nhất xảy ra trong những chuyến đi đó đi đây của anh. Nhưng dầu muốn dầu không cũng phải chịu. Giờ này anh đâu còn thì giờ đi đến phòng ngủ được nữa. Phòng này đã nhỏ mà bày biện tứ tung đến nỗi để hành lý vào một góc rồi thì lúc ra vào phải tránh né mới đi được.

Theo ông lên tầng chót, mấy lần tôi muốn trượt giày vì nhà xưa, thang lầu

thường nhỏ và đóng sừng, rất khó đi. Vết mồ chưa thật lành không dám rán sức, tôi đi thật chậm xong mấy chục bậc thang cũng mệt và mất thì giờ. Phòng trang hoàng khá đẹp nhưng có lẽ không có người thường ra vào nên lạnh ngắt và có mùi mốc mốc khó ngủ.

Ông L. thật tình cho biết nhà thiếu tiện-nghỉ nên phải vào phòng ngủ của ông ở tầng nhất thì mới có thể vào nhà tắm và nhà tiêu được. Kể ra ông dám tiếp khách trong điều kiện đó cũng là tốt bụng lắm. Nhưng tôi có cần gì, ngủ một đêm tôi có thể tránh việc phiền phức đó. Trong phòng tôi có một nơi rửa mặt cũng đã đỡ lắm rồi.

Chải gỡ sửa soạn xong, chúng tôi vào phòng ăn liền. Ông L. đã đứng ngay cửa nhà bếp khiêm tốn có vẻ như chờ nghe một chỉ-thị chớ không phải đề ra mệnh lệnh. Vừa khi đó chị bếp bung lên một chồng ly để từng cái một cạnh bên mỗi đĩa đặt sẵn cho 6 người ăn. Ông L. vào bếp bung đĩa trái cây để giữa bàn rồi mời chúng tôi ngồi còn ông thì vẫn đứng.

Thấy vẻ ngạc nhiên của chúng tôi, ông chưa kịp giải thích thì tiếng chị bếp ở nhà sau vọng lên lanh lảnh :

— Quên thưa lại ông, mấy ông bà đó vừa gọi điện thoại xin lỗi lần nữa, vì ông mời bắt tử và gắp quá, mà họ lỡ có bà con ở tỉnh đến, nên 8 giờ 30 họ mới lại được. »

Ông L. chừng đó mới tiếp lời chị bếp được. Ông cười bở ngỡ :

— Vì vậy tôi mời bà và ông anh dùng trước chúng tôi cho kịp giờ trình diễn. Vì sợ phải bận mồ xẻ thành lính không ở nhà đàm đạo cùng bà và ông anh được nên tôi nhờ mấy bạn đến dùng cơm tiếp khách giúp tôi cho vui. Bây giờ chẳng những tôi không nhờ các bạn tôi được mà cũng không tự cho phép dùng cơm trước vì tôi đã mời các anh chị ấy thì tôi phải chờ. Vậy đề tạ lỗi cùng bà và ông anh, tôi xin làm bồi bàn dọn ăn vậy. »

Nói xong Ông L. lui cui đi tìm khăn ăn, lấy rượu nước và fromage để la liệt trên bàn rồi xuống bếp lấy thức ăn đem lên theo thứ tự, y như lời cất khiến của chị bếp. (!)

Bấy giờ tôi mới vỡ lẽ rằng ông L. không có vợ con. Trăm việc nhà của ông đều phải nhờ chị bếp. Quyền mưa gió đều ở trong tay, chị muốn làm gì tùy ý. Có lẽ vì vậy mà chúng tôi không đến nhà ông L. được như ý ông định trước cũng nên.

Ông L. bung dẹp hai cái đĩa "soupe" chúng tôi vừa dùng xong, đem thức ăn giấm lên rồi ngồi vào giữa tôi và anh Trần hỏi thăm về âm-nhạc Việt. Trò chuyện mới đôi câu thì chị bếp, miệng lải nhải, tay bung hai đĩa trứng chiên nắm thay vào thức ăn giấm bảo rằng ông chủ nhà đã dọn lộn món ăn !

Bị cắt đứt câu chuyện và bị trách, mặt ông L. còn đương ngỡ ngác thì chị bếp dĩa rau trộn giấm trên bàn rồi chỉ ghế phía bên cạnh bảo ông chủ nhà qua ngồi đó để trống đường cho chị đi lại dọn ăn (!)

Khi chị vào bếp, ông L. nhìn chúng tôi cười lắc đầu :

— Chị đó trước kia là người bệnh của tôi, bệnh nặng đến có thể chết, tôi mở cho chị và cứu khỏi. Thấy tôi độc thân, công việc nhiều, chị tình nguyện đến giúp việc trả ơn. Tôi tin cậy giao trọn việc nhà cửa cho chị để rảnh tay tận tụy với nghề. Lâu ngày quen với đời sống như vậy rồi, mỗi mỗi tôi đều phải nhờ chị nên chị làm mưa làm nắng một mình mà tôi vẫn phải chịu. Không vậy chị ấy thôi, cũng khổ. Mướn người khác không quen công việc lại cũng không dám tin cậy hoàn toàn.

Rồi ông L. hạ thấp giọng :

— Hồi trưa tôi muốn mời bà cùng ông anh đến nghỉ ngơi sớm mà chị ta không bằng lòng lấy lẽ có khách lạ đến, chị ta bị bó rọ trong nhà, lo trà nước. Chị ta không chịu và tự ý trả lời điện-thoại cô thơ-ký rằng tôi đi khỏi! Tôi thực tình nói vậy xin bà và ông anh cảm phiền.

Không nói bạn cũng biết là tôi và anh Trần đã hết phiền ông L. mà còn tội nghiệp là khác. Chúng tôi cũng khiếp oai chị bếp. Thì giờ ít quá, chị dọn thêm đĩa thịt chiên mà chúng tôi không dùng được, sợ no mà không có đủ thì giờ tiêu-hóa lại mệt không trình-diễn được. Chúng tôi muốn được như từ trước đến nay là sau khi trình diễn xong, về phòng có được món ăn nhẹ dùng trước khi đi ngủ mà cũng không dám đi hơi sợ làm phật lòng chị thì chị la ép ông chủ nhà tội nghiệp.

Ông L. đưa chìa khóa cửa ngõ và cửa phòng cho chúng tôi vì ban đêm ông thường sang bệnh-viện khi có bệnh ngặt.

Trên đường đi đến « Maison des Jeunes » chúng tôi lo ở tỉnh nhỏ mà trời mưa không dứt hột như vậy chắc là không có bao nhiêu người đi nghe chúng tôi. Nhưng khi đến nơi, cái nhà thờ lạnh lẽo này về đêm xem cũng đỡ lồi thối xấu xí. Bàn dùng để nhạc khí đặt trên sân khấu được phủ nắp bàn đỏ cùng màu với nệm dựa của hai chiếc ghế ngồi, xem cũng mặn mà, trang nghiêm. Ngoài cửa đã có rải rác một số thính-giả đang đứng đợi. Kỹ-sư điện, mấy người giúp việc sắp đặt trật tự và bán vé đều đủ mặt nhưng không ai lo được mấy vi âm.

Anh Trần và tôi lo quá. Chưa thật mạnh mà suốt hai ngày mệt mỏi, thiếu ngủ thiếu ăn, bây giờ không có mấy vi-âm tiếp sức sợ không đủ hơi hát. Cây đã thiếu nước mà còn bị nắng hạn, nhưng làm sao được hờ bạn, đành phải rán sức vậy.

Trời vẫn mưa nhưng thính giả vẫn tiếp tục đến dự chật hết các ghế ngồi. Khuyến khích này rất hiệu lực khiến anh Trần trình bày đã thật hay mà còn đi ra ngoài chương-trình định sẵn dành riêng cho anh. Có lẽ nhờ anh Trần làm hay và cố ý « lấn » chương-trình đề cử tôi, làm cho tôi nhẹ gánh lo và lấy đủ bình tĩnh. Khán-giả chăm chú nghe và vỗ tay nhiệt liệt cho tôi nhiều phần khởi nên đến phần tôi, tôi trình diễn xuất sắc hơn bữa ở Pont Audemer nhiều ; chẳng những anh Trần mà chính tôi cũng ngạc nhiên cái sức sống cho đời nấp trong buồng tim, trong ý chí, có một sức mạnh khó lường khi gặp một tiếng dội thông cảm. Nhà thờ bằng đá nên tiếng hát được vang âm rõ rệt và nguyên vẹn đã làm hài lòng thính-giả. Ông L. đang say sưa theo dõi chương-trình thì có tin bệnh-viện, ông phải bỏ

chạy gần đến hồi cuối ông mới trở lại. Nhân viên ban tổ chức — mà giờ này chúng tôi mới thấy mặt — ngồi hàng đầu với cô thơ-ký không ngớt vỗ tay khen ngợi. Thính giả mãi vỗ tay đòi chúng tôi đàn hát thêm. Bạn cũng thấy trong không khí này dầu có mệt thì mình biết lấy chớ cũng khó từ chối được.

Bạn ơi, chúng tôi đã đàn hát với nguồn thương nhớ quê hương chan hòa trong huyết quản. Người dân Việt-Nam bị thảm sát nhưng lòng con Việt-Nam vẫn mở rộng, đời dân Việt-Nam bị bóp nghẹt nhưng tiếng hát con Việt-Nam vẫn cất cao, đất Việt-Nam bị tàn phá nhưng nhạc Việt-Nam vẫn vang âm cạnh bên núi thây sông máu của những thể-hệ đang tiến bước đem lại tự do và trường tồn cho dân nước.

Tình con Việt-Nam vẫn thiết tha chuyển theo nước nôi trong nhịp thở vùng lên.

Buổi trình diễn kết thúc trong bầu không khí vui vẻ, thỏa mãn của thính giả và niềm xúc động trong tâm hồn chúng tôi. Mọi người xúm lại khen tặng, hỏi thăm, tìm hiểu, và tôi có ý tìm ông L. mà chẳng thấy ông đâu. Cô thơ ký lại bảo ông L. phải trở lại nhà thương trước đó mười phút.

Xong nhiệm vụ, cả người chúng tôi nhẹ nhõm, nhẹ gánh lo và cũng nhẹ cả bao-tử. Nhưng có hơi lạnh cũng chẳng sao, ngày mai chúng tôi về Ba-lê rồi thì như cá vào nước.

Về đến nhà ông L., sau trước vắng tanh, nhưng chừng g tôi không dám đi mạnh chơn. Anh Trần vào phòng mạch sát bên cửa ngõ thay áo. Sau đó anh muốn đi vào nhà tắm mà ngại. Lên tầng lầu thứ nhất anh lại cứ đứng trước cửa phòng ông L. do dự mãi rồi cũng phải mở cửa đi vào. May quá, ông L. ở bệnh viện chưa về.

Tôi phải leo lên thêm một tầng lầu nữa. Bước vào phòng, khí lạnh thấm liền vào xương. Lạnh ! Lúc nào cũng bị lạnh ám ảnh, giữa gột ! Xem kỹ lại thì phòng này là từng chót thuộc loại gác (mansarde). Trần nhà thấp và cong, vòng theo mái nhà Giường ngủ được kê sát vách, nằm lên, mình có thể với tay lên gần đụng trần và có thể nghe rõ tiếng mưa rào từng đợt và tiếng lách tách những giọt nước rơi. Và mỗi khi có cơn gió vút mạnh bên ngoài, cửa kiếng nghiêng rầm rầm, khí lạnh xoáy vào mình sờn da gà và có cảm giác như mình đang ở trong một cái chòi canh cất khơi ở trên thượng tầng không khí,

Khuya quá, tôi phải buông lò sưởi ra, soạn valise lấy tất cả đồ lạnh mặc vào. Nhìn trong kiếng thấy mình to lụng-thụng như con gấu ! Rồi bao nhiêu khăn len, áo choàng nỉ, manteau tôi đều xỏ cả ra trải lên trên giường. Cái chăn thật dày dùng phủ giường, tôi cũng xếp làm đôi đắp thêm lên rồi mới dám chui vào drap co rút lại. Quá mệt và chống lại với lạnh, tim tôi đánh bưng bưng lên màng tai, thần-kinh căng thẳng và đầu nhức như bưng. Cố dỗ giấc mà vừa thiếp được thì toàn thân lại run lên, và cứ như vậy cho đến sáng. Thật là kinh khủng ! Mấy lần tôi muốn dậy kiểm chị bếp xin một cái bọc nước nóng, nhưng trời tối om. Cố tìm đường đi trong nhà nơi trí nhớ mà không ra. Nếu chị bếp không có ngủ tại đây, đêm hôm tăm tối mình lò mò đi lộn phòng ai thì có nước chết. Vì vậy mà đành chịu lạnh suốt một đêm.

Năm giờ sáng tôi ngồi dậy vì không tài nào nằm nổi nữa. Ôm lại cái thùng sưởi bằng hơi nước mà cũng chẳng thấm vào đâu. Giờ này, sức ấm của nó còn phảng phất như hơi thở tàn của một người hấp-hối. Tiếng điện-thoại reo, ông L. dậy mở cửa đi và kể đó là tiếng ho của chị bếp. Tôi vội choàng áo mở cửa, thì ra phòng chị bếp trở ngõ ra phòng tôi. Phải biết thì tôi đâu có chịu lạnh suốt đêm. Tiếc vậy chớ nhớ đến gõ cửa đòi chị bực nước ấm mà ngán. Đang suy nghĩ thì chị cất giọng cười như cọt hế :

— Bà ngủ có được không ?

Tôi lắc đầu than lạnh thì chị cũng tiếc như tôi :

— Sao bà không gọi tôi dậy nấu nước nóng cho bà ?

— Tôi tưởng chị không có ngủ ở đây, với lại sợ phá giấc chị.

— Tôi không, có chi mà bà ngại... Đói, mệt, bị lạnh, mất ngủ, tim nháy xoắn xít và đầu óc lao-chao như bị đại sóng mà nghe chị nói giọng săn sóc vuốt ve đó làm tôi có cảm giác như mình đang nằm mơ thấy mộng đẹp mà có tiếng gì diu diu từ xa vọng lại nghe cũng êm-êm.

Tôi vào phòng sửa soạn thật nhanh, thu góp hết áo quần bỏ vào valise, xuống tầng dưới gõ cửa anh Trần giục anh dậy đề lên đường cho sớm. Hồi thăm thì biết rằng bao nhiêu vi-trùng trong phòng mạch nghe tiếng ngáy của anh đều trốn sạch. Thuật chuyện tôi bị lạnh cho anh nghe thì anh trách móc :

— Như vậy em gái không khổ vì mình sung sướng và không chia cực khổ được với ai.

— Tâm trạng đó không riêng gì em đâu. Chỉ lỗi cái là em yếu và không ngáy được như anh Hai, chớ cực khổ vậy mà thấm gì với cực khổ của thiên hạ.

Chị bếp lo điềm tâm thật nhiều và thật chu-đáo và nói rằng ông bác-sĩ đêm nay chỉ ngủ được vài giờ vì phải sang bệnh-viện hai lần ; hiện giờ còn đang mổ bên ấy. Ông có dặn chị xin lỗi chúng tôi giùm ông và gửi lời chào tiễn chúng tôi.

Tội nghiệp ông L., nếu không tốt bụng thì cảnh cô-độc và công việc như vậy tiếp chúng tôi, ông chỉ cực thêm mà thôi.

Chuyến đi này chúng tôi rất có cảm tình với bà De Vençay, ông bà S.N. và ông bác-sĩ L.. Với ban tổ-chức Berney, chúng tôi không có giữ chút kỷ-niệm gì êm đẹp cả.

Trời mưa suốt hai ngày, sáng nay nắng ấm, trời trong, màu hy-vọng bùng lên chói lọi. Chúng tôi không bị công việc thì giờ thúc bách coi lại kỹ cuốn địa-đồ, lựa trướng đường và đi toàn bằng xa-lô nên muốn tìm xem thử con đường mình đã lạc cũng chẳng thấy nó ở hướng nào.

Không có chuyến đi nào làm chúng tôi cực khổ và hao sức nhiều vô ích như chuyến này. Nhưng con đường tìm đến quê-hương càng gian-khổ lắm càng thương nhớ nhiều.

Chúng tôi mong lấy lại sức khỏe, soạn lại chương-trình buổi nói chuyện sắp tới rồi sẽ sang Londres tiếp tục vun bồi phần nào gốc nhạc quê-hương tùy khả năng của chúng tôi.

Buổi trình-diễn tại Londres xin hẹn với bạn thư sau.

MỘNG-TRUNG

GIÓ CUỐN

51

Liên sinh được một đứa bé gái. Thanh-Hùng đánh điện cho tôi biết và tôi lật đật đi ô-tô tìm đến cái thành-phố bé nhỏ lần đầu tiên tôi đặt chân đến. Nghèo nàn và tiêu-diệu ! Những người xà-ích đánh xe ngựa những, bác tài-xế lái xe Lam ba bánh ăn uống ồn ào ở một tiệm phở tiểu có cái tên huênh hoang là « Đông-nam Á ». Trước tiệm phở tiểu, những hàng rong ngồi lẫn lộn : cô hàng Bánh bèo mặc sơ-mi popeline trắng, bà hàng mía bươi áo quần vải ú đen, thằng bé bán kẹo lạc đội cái mũ phớt và trên môi phì phèo điếu thuốc lá. Tôi đi ngang qua viện uốn tóc. Hai cái ghế rất cũ, long sơn không có người ngồi. Một người đàn bà nửa què nửa tỉnh đang quai miệng ngáp trong khi tôi bất chợt nhìn vào. Chắc đó là bà viện-trưởng. Đá sỏi và bã mía và lá chuối rải trên mặt đường đi. Tôi thoáng có những bãi nước, những dòng nước chảy quanh co rồi kiệt-lực nản lại. Tôi dừng chân cạnh một ông Hoa-kiều già ngồi núp sau cái thùng gương đựng thuốc lá, hỏi địa-chỉ của nhà họ-sinh.

— Tiệm Hồng-Phúc hả ? Bán cái gì ?

— Nhà họ-sinh.

— Xin cái gì ?

— Nhà đề.

— À, nhà pà mụ Hồng-Phúc hả ? Tí quẹo qua bên tay trái há, rồi rẽ thẳng há, rồi hỏi chừng há...

Trên mặt bàn nhỏ có vài xấp vé số kiến-thiết. Tôi xé hai tấm, trả tiền và cảm ơn ông lão, không buồn coi đó là những con số gì. Mua nhảm nhí chơi vậy thôi. Đã lâu lắm tôi sống không có hy-vọng. Đợi chờ cái gì bây giờ ? Mua vé số để mong chờ một buổi chiều thứ Ba và sau đó mong chờ một chiều thứ Ba khác, mong chờ vu-vơ vậy thôi và cuộc

đời được rút ngắn bớt, mình cảm thấy nó đỡ dài.

Con đường có nhiều lỗ hổng dưới chân thỉnh thoảng nuốt luôn cả gót giày. Nhiều con chó ốm o đi lang thang sục mồm vào giữa những đồng rác. Tại sao lại mất hết hy-vọng ? Vô lý. Đáng lẽ phải nói rằng mình đang tạo một hy-vọng mới. Xóa bỏ đi những cái gì đã cũ đã tàn héo để chỗ cho niềm tin mới vươn lên, như những lá vàng phải rụng xuống để chồi non nhú ra trang-diễm cho cành những lá xanh lứa mới. Những bình-đơn bấy lâu nay chỉ là bình-đơn tạm bợ. Cố gắng nuốt đi những bất như-ý, tạo ra một vẻ mặt tươi vui giả dối, đó là thứ Hạnh-phúc được dán nhãn bày ra ở khắp nẻo đường.

Đó là thứ Hạnh-phúc pha-chế như sữa tươi đã pha đến bảy phần mười nước lã. Không, tôi đang tái tạo.

Con đường đi dọc theo hông chợ, hai bên có những hàng bán rau quả, những trái cà-chua no tròn sức sống, những bụi cải xanh mới mọc niềm vui, những củ khoai sù-sì, những củ cải lổn nhá trắng mơn. Qua hai lần "ti quẹo, ti thẳng", tôi đứng trước nhà hộ-sinh Hồng-Phúc. Tôi ngộp thở, không đủ can-đảm bước vào. Không thể tưởng-tượng một cái nhà có thể thấp như vậy. May mà người đàn bà khi sinh đều phải nằm dài xuống! Tấm bảng hiệu đã bong sơn nhiều chỗ khiến người lạ phải vừa đánh vần vừa đoán. Tôi bước vào khung cửa hẹp để khép hờ. Một dãy buồng vách ván sơn màu xanh lá cây đậm quê mùa. Tiếng rên hừ hừ thoát ra từ một phòng. "Rặn thêm nữa. Gắng rặn thêm nữa. Kìa! Rặn thêm lên chớ, sao lại thôi?" Tiếng kềm, tiếng kéo loăng xoăng va vào khay thiếc. Tiếng trẻ khóc thét lên ở một phòng khác. Tôi đi lần về phía tiếng khóc bởi không có ai đi lang thang ở ngoài hành-lang để hỏi. Tôi thò mặt vào cửa phòng như một người đàn-bà quê mùa. Cái áo dài màu xanh lục treo ở mắc làm tôi suýt kêu lên vì mừng. Đúng là Liên.

— Em.

— Chị.

Tôi cúi xuống sát đầu giường, đưa hai bàn tay ôm mặt Liên và Liên chột khóc tức-tưởi. Tôi vuốt lên mái tóc.

— Em thấy trong người thế nào? Sinh có lâu không?

— Rặn nửa buổi chị ơi. Em sợ rồi.

— Chị nhận điện-tín của Hùng hồi chín giờ sáng. Lật đặt đáp ô-tô đến với em đây. Mừng thấy em được khỏe-mạnh. Hùng đâu?

— Anh ấy mới vừa chạy ra hiệu thuốc Tây.

— Còn đứa con của chị đâu?

— Liên đưa mắt hất hàm về cái nôi đặt ở góc phòng. Tôi đứng dậy lại gần. Giữa đồng chăn tã màu trắng, một khuôn mặt đỏ hồng. Sự sống huyền-diệu đang ở giai-đoạn bắt đầu. Đôi mắt nhắm và hơi thở nhẹ-nhàng. Hận-thù, đau-khổ, giết chóc tất cả đều bắt đầu bằng sự nhẹ nhàng như vậy. Như con sông hùng-vi chuyển hàng triệu thước khối nước, cuốn băng băng từng triệu thước khối phù-sa, đồ ăm-ăm từ thác cao bờ xuống, vấy vùng đục xoáy, con sông chiến-thắng bùng bùng đó xuất-phát từ một khe suối nhỏ chảy lặng lẽ giữa những chòm cỏ dại. Tôi lần dưới mép chăn tìm nắm bàn tay nhỏ. Bàn tay mềm và ấm, non nớt yếu đuối. Do ngẫu-nhiên nào mà sinh-vật này hiện-diện nơi đây? Nó sẽ lớn lên, ý-thức lần lần cuộc sống. Ăn, ngủ, khóc... nó lớn dần lên, vượt qua thời-kỳ măng sữa, đi học, vui đùa, lo âu, thương ghét... nó đi sâu vào cuộc đời, bám chặt vào cuộc đời coi như đó là đặc-quyền của nó. Tình yêu và hận-thù, hy-vọng và thất vọng, nó đi qua tuổi trăn-niên. Những âu-lo tinh-thần và đau đớn như-thề... nó già-từ lần lần sức khỏe để đi vào giai-đoạn căn cỗi già nua. Rồi cơ-thể sẽ suy-nhược, mắt nhắm nghiền và mạch máu chạy yếu-ớt như hôm nay. Tám, chín mươi năm chỉ mới một thoáng đó mà đã trôi qua rồi, ngày bước ra khỏi cuộc đời và ngày vào đời gần nhau gang tấc. Nhà hộ-sinh gần kề viện dưỡng lão, chiếc nôi nằm cạnh quan-tài. Con người sinh ra để làm sứ-mệnh gì, với mục-dịch gì, do từ đâu đến và sẽ đi về đâu... bao nhiêu là Nhân là Quả, đấng đấng duyên khởi, thành trụ hoại không.

Tôi chợt nghĩ đến những cuốn kinh sách của mẹ tôi điềm-tĩnh lý-giải chân-ảnh cuộc đời và một niềm xốn xang làm nóng nơi khoé mắt tôi. Vô nghĩa và vô thường như thế đó, nhưng mà không dừng không dứt, vẫn tiếp-tục, lại tiếp-tục, kiếp trước và kiếp sau. Coi như thân tôi đây, sống để làm gì, hưởng được những vui thú gì ?

Có tiếng nhẹ nhàng của Liên ở sau lưng :

— Chị, chị đang nghĩ gì đó ?

Tôi quay lại :

— Không. À, cháu được mấy ký, em ?

— Ba ký rưỡi. Khóc khỏe lắm.

Vừa lúc đó Thanh - Hùng về. Thanh-Hùng mừng rỡ khi thấy tôi :

— Em tưởng phải đến ngày mai chị mới lên kịp.

— Được điện - tín của em là chị đi liền.

— Em chạy ra phố mua thuốc. Thật là khó khăn. Ở đây không có hiệu thuốc Tây mà chỉ có hiệu dự trữ thuốc Âu-Mỹ. Những món thuốc phổ-thông nhất cũng thiếu.

Cứ từng chặp Thanh-Hùng lại cầm tay Liên hay đưa tay vuốt tóc Liên. Có trải qua những cơn sóng gió lớn ta mới thấy tình yêu là cần thiết cho cuộc đời. Trong hoàn cảnh an vui bình thường, tình yêu chỉ là biểu lộ của lòng ích kỷ.

Thanh-Hùng hỏi tôi về tình hình hiện tại giữa tôi và Thuyên.

— Chị chỉ biết đến bấy nhiêu đó. Chị ký xuống một chữ ký để làm bằng lòng mọi người. Người ta sẽ lo liệu lấy sau đó, lo liệu bằng cách nào tùy ý. Chị không muốn sống gượng gạo, làm những bòn phận mà tự mình không thấy thích-thú. Cuộc đời người nó vốn ngắn. Có hưởng

gì được bao lâu ở cuộc đời mà phải tự hành hạ thân xác mình thường xuyên ?

— Em nghĩ rằng chị có quyền...

— Chị biết. Có thể thuê người đánh ghen, mời thừa-phát-lại, tạt ác-xít. Kiều-Nga nó thua chị về mặt pháp-lý. Nhưng em nghĩ xem, chị có đủ can đảm sống với Thuyên nữa không một khi Thuyên đã khinh thường chị, đã loại bỏ chị. Tự-ái tự-trọng là đức-tính cao quý nhất của con người nó phân biệt ta với những loài động-vật khác. Tình yêu và lý-luận, động-vật cũng có như ta. Chúng chỉ thiếu tính tự-trọng.

— Em chưa dám cả quyết. Theo kiến thức hiện tại của mình thì nhận xét của chị rất đúng, nhưng mà sự hiểu biết của ta về động-vật, thực-vật xung quanh ta còn rất thiếu sót. Phải nhiều năm khám-phá nữa. Hiện nay người ta đang bắt đầu biết về sự thông-minh của con cá heo, chẳng hạn.

— Cả ngay nơi con người, tính tự-trọng cũng không phải là món ai cũng có, như ai cũng có những tờ giấy bạc. Văn-minh vật-chất càng phát-triển thì tính tự-trọng càng chết dần đi. Máy móc giảm giá-trị của con người, con người thua máy móc và chính cái mặc-cảm thua sút đó làm con người không biết tự-trọng nữa.

— Anh Thuyên... không biết tự-trọng ?

— Một người đam mê vật-chất, tham tiền thì không còn biết tự-trọng nữa. Có những câu cách-ngôn đề họ núp sau đó một cách an-toàn và trí-thức. Chẳng hạn câu : « Cứu - cánh biện - minh phương-tiện ».

— Em thấy anh Thuyên dễ thương.

— Điều đó không sai. Ai cũng nói vậy. Mỗi người có nhiều bộ mặt, ít nhất là hai. Dễ thương đối với những đồng-

nghiệp ở cơ-quan hay đối với cấp trên, tạm được đối với bạn hữu, không chịu nổi đối với vợ con.

— Chắc người đàn ông nào cũng vậy.

— Có lẽ. Chỉ có những người quân-tử mới không như thế, mà người quân-tử thì thời này không có.

Buổi xế hôm đó, tôi hỏi Liên :

— Em đã đặt tên cho cháu chưa ?

— Chưa. Để tùy ý chị đặt.

— Em có thích một cái tên nào đó không ?

— Em chưa nghĩ. Vả lại cháu là con chị thì...

Liên thúc thít khóc. Tôi lại vỗ về Liên :

— Kìa, lại khóc rồi.

— Em ân hận quá.

— Có gì mà ân hận ? Mỗi người đại một cách.

— Em nghĩ rằng anh Hùng của em không vui.

— Điều đó có thể. Nhưng chuyện đã rồi, đã lỡ rồi, cốt nhất là từ này về sau em thương yêu Hùng cho hết lòng. Em đã khai sinh cho cháu chưa ?

— Chưa. Em đợi chị. Đợi chị đặt tên cho cháu luôn.

Tôi đưa mắt nhìn ra khung cửa sổ hẹp, suy nghĩ. Nên đặt một cái tên như thế nào ? Tên hoa : Lan Huệ hay tên chim : Oanh Yến ? Hay một tên nói đến một đạo đức ? Trinh, Thục, Hiền ? Những cái tên thường mang quá nhiều ước vọng mà người mang nó không thực hiện nổi. Tôi nhớ hồi đi học gặp nhiều ông thầy có cái tên trái ngược với cái tính, chẳng hạn tên là Hiền mà người rất dữ, tên là Lâu mà nói mau

như lật rau. Do đó mà học sinh đặt ra một bài về :

Diệu mà xằng, Lâu mà mau

Hiền mà dữ, Lạc mà rầu

Thông mà dốt, Sang mà tồi

Thằng Sinh kể lại chuyện nó đi chấm thi tú tài. Thí sinh đã ngồi đầu đó trong phòng thi, nó ngồi mở danh sách ra và kiểm từ tên người. Xong đầu đó, nó quay sang cô giám thị đang đứng cạnh bàn, hỏi nhỏ :

Tôi đỡ cô đoán xem thí sinh nào mang tên Trương-mộng-hà Quế-Phượng.

Cô giám thị nhìn xuống ba mươi hai người thí sinh đang hí hoáy làm bài rồi quay lại nhìn Sinh mỉm cười mà không trả lời.

— Cô đoán không được ?

Cô giám thị lắc đầu.

— Vậy thì tôi chỉ cho cô.

Sinh kể lại gần tai của cô giám thị :

— Cô nữ sinh ngồi đầu bàn thứ năm đó.

— Cái cô mắt lác mà đen như củ súng đó ?

— Chính thị. Cô không tin thì nhìn bảng danh sách đây.

Những cái tên nhiều khi thật làm phiền cho người mang nó. Cha mẹ nhiều khi cao hứng đặt những tên Kim-Trọng, Quốc-Tuấn, Diễm-Lệ, Tây-Thi... đâu có ngờ đến những phiền nhiễu mà con mình sẽ phải chịu đựng.

Chợt Liên lên tiếng hỏi tôi :

— Chị nhất-định thôi không đi làm nữa ?

— Nhất-định.

— Nhưng bây giờ anh Thuyên đi về Saigon luôn...

— Cũng cứ nhất-định. Không đi làm

ở Sở thì làm việc khác. Buôn bán, làm nông...

— Chị mà làm nông ?

— Rồi cái gì cũng quen đi. Chỉ có sự nhọc-nhã là không quen được.

Tôi vừa nói chuyện với Liên vừa lan man nghĩ đến một cái tên đặt cho cháu nhỏ. Không thể chọn một cách may rủi mà phải căn-ứ trên một tiêu-chuẩn nào. Tôi nghĩ đến tên Hà. Tôi bảo Liên :

— Chị đề-ngi một tên này : Hà. « Hà » là sen, có liên-hệ với tên em « Hà » cũng có liên-hệ về âm-hưởng với tên chị.

Liên gật đầu :

— Tên đó vừa dịu-dàng vừa nhũn-nhặn.

— Có thể thêm một chữ lót ?

— Tùy chị.

— Thêm một chữ lót cho cái tên thêm nét dịu-dàng. Cháu sinh vào đầu mùa thu, có thể gọi là Thu-Hà.

Liên gật đầu không đáp. Chiều đó chúng tôi bàn tính việc gửi Thu-Hà cho vú nuôi.

— Có người đàn-bà sinh trước em một tuần và đứa con không nuôi được. Người đàn-bà đó hiện còn nằm ở nhà hộ-sinh này và em có làm quen khi mới tới đây. Em nghĩ rằng có thể nhờ chị ấy, — tên chị là chị Tám, — nuôi dùm trong những tháng đầu.

— Biết người ta có bằng lòng không, — tôi hỏi.

— Em chắc được. Nhà chị ta cũng hơi túng và chúng ta có thể trả công cho chị hơi rộng rãi một chút. Chị đã sinh được bốn đứa con trai và bây giờ chị thêm một đứa con gái. Nghe em sinh con gái chị tỏ ra mừng lắm.

— Nhà chị ở gần đây ?

— Ở trong xóm, cách đây chừng một cây số.

— Gia-đình ?

— Làm nghề nông.

— Nhà nông túng mà sinh ở nhà hộ-sinh ? Chị tưởng họ vẫn nhờ những bà mẹ nhà quê.

— Mấy đứa trước chị vẫn sinh ở nhà, dựng buồn sơ-sài ở chái bếp và nhờ một bà mẹ nhà quê. Lần này chị sanh khó nên người nhà phải đưa ra nằm ở đây.

— Em có nói qua với chị ta chưa ?

— Có. Em bảo em bầu đi làm và nói dối là thầy tướng số bảo số em khó nuôi con. Em nói qua là em muốn nhờ chị nuôi dùm cho những tháng đầu. Tiền cơm tiền sữa đề em xin chịu. Chị mỉm cười nói « Đề coi đã » và cứ quanh quẩn đứng nhìn Thu-Hà ngủ. Em chắc có thể nhờ cậy ở người đàn-bà đó được.

Vừa lúc đó có bóng người thập-thò ở cửa phòng.

— Chị Tám ơi ! — Liên lên tiếng gọi. Vào đây chơi.

Người đàn-bà rón rén bước vào, lễ-phép chào tôi. Liên giới-thiệu :

— Đây là chị của tôi ở mãi ngoài Quảng-trị vào thăm.

Chị Tám đứng dậy, lại cúi người chào tôi một lần nữa. Đó là một người đàn-bà nhà quê chừng ba mươi tuổi, vóc dáng khỏe-mạnh. Màu da rám nắng. Khuôn mặt đầy đặn và đều đặn, tôi nghĩ rằng đây là một người đàn-bà đẹp nếu được mặc Jupe serrée hay robe sac.

— Nhà chị ở gần đây ? — tôi hỏi.

— Thưa cô, em ở xã Lạc-thiện, cách đây một cây số.

— Em tôi nói chị đã có ba cháu ?

— Dạ. Em sinh được bốn cháu, bỏ mất một.

— Nhà chị làm nông ?

— Dạ nhà em làm ruộng. Em đi cấy làm cỏ. Ở nhà nuôi vài con heo.

— Chắc đời sống cũng thông-thả ?

— Dạ thưa cô cũng chẳng được thông thả. Nhà em cứ phải đi canh đi gác luôn, chiều chiều lo ăn sớm rồi tập-trung về thôn về xã. Ít bữa lại hội-ngập.

— Vùng của chị có an-ninh chớ ?

— Dạ, cũng tương-đối. Lâu lâu cũng có chộn rộn vài bữa. Phía bên kia sông thì chào xáo nhiều hơn, tối nào đồng-bào ở bên cũng tản-cư qua bên làng em ngủ nhờ.

Làng quê Việt-nam là như vậy. Đi đâu cũng nghe là điệp-khúc đó.

Thu-Hà cựa mình khóc và chị Tám bỏ tôi đi lại cạnh chiếc nôi. Một tay đong đưa, một tay vệt màn và tôi thấy chị mỉm cười. Chị nói nựng :

— Thao ? Thao mà khóc đó ? Để má ngủ chớ thao mà khóc đó ? Làm xấu rồi phải không, hờ con chó ? Ờ, phải rồi. Làm xấu rồi đây nè.

Chị quay lại Liên :

— Tã sạch cô để đâu ? Đưa em thay cho cháu. Làm xấu rồi.

Chị cúi húi sấn sóc bên cạnh tiếng khóc. Tôi nhìn sự triều-mến đó, bằng khung nghĩ đến lòng yêu trẻ say mê của những bà mẹ miền quê. Chuyển-tiếp từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, những người đàn-bà như vậy nuôi dưỡng mầm sống cho dân-tộc, bù mớm giặt giũ, tắm tã, cho ăn, tập đi và những đứ-bé lần lượt lớn lên, cầm roi theo sau đuôi bò, cầm lưỡi liềm, cầm cán cuốc. Những thế-hệ chuyển cho nhau tình thương và sự làm việc và niềm hy-vọng nhỏ nhoi đặt vào mùa lúa mùa khoai, dưa cà rau đậu. Hạn hán làm

khô nẻ đất, lụt lội làm trôi nhà cửa trâu bò, bỏ rùa và cào cào cắn nát hoa màu, bao nhiêu tai-họa đó chưa đủ, phải thêm những tai-họa do loài người giáng xuống, Áp-bức trong phạm-vi nhỏ, cướp bóc trong phạm-vi trung, chiến-tranh trong phạm-vi lớn, luôn luôn thế-hệ nào cũng phải lo trả những nợ máu như vậy. Nhưng mà nhẩn-nại cần-cù như những thân cây cứ âm-thầm nứt ra cành non lá mới thay thế những cành lá bị bẻ gãy bị vật trụi, như những con chim từng sợi từng sợi đan lại cái tổ thay chiếc tổ cũ bị bọn trẻ khoèo xuống xé vắt ném đi, lũ người chịu đựng tri-chí đó cứ cần-cù khảo đất ra lúa ra khoai, cầm dao cầm súng chống giặc.

Trong khi chị Tám cúi húi sấn sóc Thu Hà, tôi nói khẽ bằng tiếng Anh với Liên :

— Để em thu-xếp với chị ta. Em dễ nói dễ đề-nghị hơn và chị ta cũng dễ chấp-nhận hơn. Như thế có lẽ lịch-sự.

— Vâng.

Tôi hơi ngượng về chữ « lịch-sự » mình vừa thốt ra. Ai cũng chủ-quan tự cho là mình lịch-sự. Người nào trong hai chúng tôi cũng thấy mình không xứng đáng với nó. Chắc hẳn là nó không phải để dành phần cho Liên. Dù khéo bảo chữa đến bao nhiêu, dù khéo đổ lỗi cho xã-hội đi nữa thì Thu-Hà vẫn còn đó để làm chứng-tích. Tôi thì đang là một người đàn bà bị ly-dị. Xin miễn lý-luận lỗi phải đâu xa, người bàng-quan chỉ có đủ thì giờ để nhìn cái kết-quả hiện tại. Tôi tự nhiên thấy buồn, đứng dậy ra hiên.

Tiếng máy thu-thanh transistor ở một căn nhà bên cạnh léo nhéo đưa sang. Giọng của cô xướng-ngôn-viên òng-ẹo làm duyên theo một điệu quê mùa tỉnh nhỏ, tôi nghe đã quen tai, — có lẽ đến

ba trăm giờ nghe rồi, như người phi-công có ba trăm giờ bay. Làm sao có thể giữ được một giọng nói giả-tạo như vậy trong suốt những năm trời!

Một lũ trẻ con đi học về đứng tụ-hội trước một dãy hàng rào bằng cây keo xén thẳng. Nếu ở thành-phố của tôi thì một cuộc tụ họp im lặng như vậy có nghĩa là ngôi nhà đó có vô-tuyến truyền-hình. Nếu có chút ồn ào hơn và số người dự cuộc đông hơn, đứng rải rác hơn thì có nghĩa là lính Mỹ say rượu hành hung xích-lô hoặc lính ba-gai bị quân-cảnh hỏi giấy tờ. Cái quận-ly nhỏ yếu này không có sự sang trọng thừa mứa. Những đứa học trò đó đang đứng cõ-võ một tên bạn cầm cái móc dài móc vào những trái trứng cá. Cái móc do những đoạn cây ngắn được ràng rịt chấp nối, cứ xô qua xệch lại khiến đứa nhỏ sốt ruột cứ giật liên miên vào khoảng không và tới một độ tức mình, nó vụt rền rẹt vào chùm lá. Một người đàn bà to béo từ trong nhà

bước ra. Một con chó mực lông vá quàng trắng lóc nhóc đi theo. Lũ nhỏ đi tản ra nhưng đầu vẫn lưu-luyến quay lại. Người đàn bà chống nạnh một tay còn tay kia chỉ trỏ. Cái miệng quang quác nói, ngón tay đánh nhịp nhưng xa quá tôi không nghe rõ gì. Sinh-hoạt của một quận-ly! Cuộc đời sao mà nhỏ vậy, hẹp vậy, bình thản tẻ ngắt vậy? Sao người ta cứ mãi loay-hoay bảo-vệ, cật lực đấu-tranh để bảo-vệ một diện-tích đất hẹp, một thể-tích không-khí nhỏ mà mình đã choán được.

Cái máy thu-thanh đang chuyển sang một bài hát mượn lời người lính chiến nhắc tin về quê thăm mẹ. Giọng nhạc uồn-ọ và rền rì. Tôi không có cái cảm-giác sù-sì và vải kaki, cứng lạnh, của mũ sắt mà là cái cảm-giác mềm và nhót của một loại cía. Y như khi nghe người bạn mách rằng có ông thầy giáo kia bôi môi son trước khi vào lớp giảng bài.

VÕ-HỒNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

thấy và nghe em hát

thơ NGÊ - BÁ - LÍ

Gió ngưng thở
và từ môi em nức nở
« Tôi có người yêu chết trận... »

o O o

Gió ngưng thở
và từ nơi miệng mở
dòng suối thơm thánh thót giao duyên
với — từ đỉnh Hồng cắt cánh — Rồng-Tiên ;
Tiếng đàn se mười ngón tay quấn quít,
và như muôn triệu chùn loài rít,
người dựa tường, người khoanh chùn, người quay tròn đầu nặng,
cùng theo Núi sông — lìa — mà nhột nhạt với tề mê...

o O o

Ôi ! Tiếng đàn rên
Ơi ! Lời ca nghẹn thở.
mắt em ngó vào ai ?
mắt em ngó vào chi ?
mà bốn rèm mi không chịu mở
để nhìn vào ai..
anh bạn chủ nhà ?
hay anh đang pha trà ?
hay mấy sợi tóc bệnh bông trên mấy bờ mi ?
em nhìn ai ?

o O o

Em ngừng hát,
đàn còn vang vọng nhẹ.
Em ngừng hát,
và tim anh bắt đầu nhỏ lệ.

(Tặng Thụy - Sơn - Lí)

Trong nhà hộ sinh

— Mình à !

— Gì đó nữa, em ?

— Em lại nghe đau bụng.

— Chắc là trúng gió, trúng ' máy chi đó, chớ chưa phải đâu !

— Không. Giống hết mấy lần trước. Chắc rồi mà.

— Chà. Bây giờ mới ba giờ sáng... Đứa nhỏ này lộn xộn thật. Sao nó không chịu lẹa giờ... Thằng này chắc sau chỉ chuyên đi đêm.

— Chưa ớn cái thằng, còn ham nữa à.

Thịnh cười hì hì, đi lại chỗ móc áo, lấy cái sơ mi, cái áo ấm. Trời hơi lạnh. Xỏ chân vào đôi dép nhựa đi mưa mang tứ thời, anh lẹp quẹp bước lại bàn nước. Vợ anh đã mặc áo dài, áo choàng ngắn để cho cái bụng tròn, khoác áo ấm bên ngoài : đủ ba tầng và đủ màu. Cái bụng bự ấy, thằng con thứ bảy của anh vẫn gọi " cái trống chầu ? Nó đã có lần đập bằng cả nắm đấm lên đó miệng kêu thùng thùng ra điệu *thưởng chầu* szu đêm theo mẹ đi coi hát bộ cò diều về. Bên cạnh vợ là cái va ly nhỏ đựng đủ đồ nghề của một người chuyên đi đẽ. Lần này là lần thứ tám và va ly chỉ thay có một lần, vào lúc còn thiếu kinh nghiệm. Sau lưng chị là một gói lớn những mền, những gối, những tẹc-mốt... để sẵn. Thịnh nhìn qua một lượt

lũ con đang ngủ. Thằng cu Anh, cu Em, cu Chót, cu Rán, cu Nữa, cu Sót đang ôm nhau, đứa này gác chân lên đứa kia ; lên đầu, lên cổ, lên bụng, loạn xạ. Thằng Sót bị cu Rán vắt hết cả hai chân lên bụng thật tội nghiệp. Anh mới nhẹ nhàng " giải phóng " cặp chân ấy thì cũng vừa ưả nó phóng một đường nước tiểu lên mặt anh. Nhanh nhẹn, anh đẩy nó sang bên cạnh thì đường tiểu vừa cong, vừa cao, bắn vung lên đến tận bức tường cuối phản, rơi lộp độp trên mình lũ trẻ. Những giọt nước tiểu như pha lê lấp lánh dưới một thứ ánh điện có điểm đặc biệt là chỉ vào lúc không ai cần mới chịu sáng tỏ, còn thì bao giờ cũng lù mù chiếu từ âm phủ lên như đèn làm mù thêm những cặp mắt của lũ trẻ vốn thiếu sinh-tố, đã không còn nhanh nhẹn, linh hoạt. Đã thế mà cứ một đêm đở lại một đêm tắt để cho những ông nhà giàu mới, cũ, nội, ngoại xài máy lạnh, fide. Hai vợ chồng cùng cười. Anh Thịnh hun chùn chụt vào con chim của thằng bé vừa lau nước tiểu dính cùng mũi, vừa khen :

— Nội trong năm thằng này, chỉ có cu Sót là có đường tiểu dài nhất, kỳ diệu nhất.

Chị Thịnh cũng nén cơn đau :

— Anh chưa thấy nó có lối đái ngược mới lạ. Nằm dưới chân giường mà đái

qua đầu nó lên tuốt đầu giường, ướt hết mấy mẹ con tôi.

Chị đi lại buồng, gọi se sẽ :

— Liễu ơi ! dậy đi con. Má đi đây.

Con Liễu lấy tay đỡ cái chân của con Nhạn đề lên chân nó, ngồi dậy nói giọng ráo hoảnh như chưa nhắm mắt :

— Má cứ đi đi, con khóa cửa.

— Bồng em vô trong ngủ với con nghe.

— Dạ. Con không ngủ nữa đâu.

— Mới hơn ba giờ mà.

Những tiếng súng rền rã từ đâu đưa tới rồi có tiếng ầm ầm chuyển động mạnh như nổ từ trong thành-phố. Phi-cơ rà rà vùn bay lượn thâu đêm, giờ hoạt động hơn lên. Chị lo lắng :

— Không chừng lại pháo kích sân bay.

— Thôi, bà liệu đem bom đi thả cho rồi. Còn lo chuyện trời sập. À mà đề tôi xách cái đèn bão theo không lính bắn chết.

Con Liễu cười :

— Má để cho con một em gái nghe, má ! Chừng năm giờ, con nấu cơm cho em ăn hỉ, má !

— Mua cho em một ổ bánh mì, nghe.

Tiếng em của con Liễu thuộc số nhiều, chỉ hết lũ trẻ. Còn tiếng em của chị Thịnh chỉ riêng Cu Sốt. Lũ con chị ra đời một cách như những kẻ không có tinh thần trách-nhiệm ; không biết thương cha, thương mẹ là gì. Mới 23 tuổi, chị đã có bốn đứa. Rồi đứa thứ năm, chị đặt là Chót như cầm cái móc cuối cùng để tự lừa mình, dối thần linh. Nhưng nó không Chót nên phải Nửa, phải Sốt. Chị mới ba mươi sáu, tưởng đã hết. Chứ ai ngờ lỡ đại một đêm lạnh lẽo, không uống thuốc phòng ngừa — cũng

hết tiền mua thuốc — và yên trí chẳng hề chi vì đâu phải bạ lúc nào cũng có con được, nhưng vừa ăn ái xong, chị liền thở dài, sau những cái hôn nồng nàn trên cặp má cốp của chồng :

— Chắc em có thai.

Anh đáp :

— Đâu có dễ vậy. Đừng nói dớn.

— Anh không thấy chi à ?

— Có. Có. Thường như mọi lần...

— Không. Lần này không giống như thường đâu. Nó khác lắm. Em biết.

— Đừng nói dớn. Nghe phát ớn hơn là coi phim Hít cốc.

Nhìn thấy mặt vợ bình tĩnh mấy ngày sau, anh yên lòng. Nhưng thật ra, mặt vợ anh bao giờ chả tỉnh. Mà chị báo tin thụ thai cũng có sai đấy, nhưng không phải bao giờ cũng sai hẳn đâu. Anh mong lần này sai. Bầy đứa con bốn mươi tuổi ! Trời. Cơm cao gạo kém này. Nuôi làm sao ? Rồi còn vật giá leo thang vùn vụt. Sống làm sao ? Đừng nghĩ thêm. Càng nghĩ càng đau ruột. Thôi thì cứ chi hai đồng, đọc Đờ Long Đờ Liết gì đó cho nó quên. Tháng ấy, chị có kinh. Anh mừng rơn, chế nhạo : VẬY mà mình nói thánh ! Đâu, có chuyện gì ! Nhưng chị lắc đầu : Không phải đâu ! Kinh kỳ này thuộc tháng trước, còn sót. Và chị không nói sai.

Bây giờ thì hai vợ chồng đã đi được một độ đường, khá dài. Ngày hết, tết tới. Thiên hạ chuẩn bị chạy đông chạy tây mua sắm, trang hoàng thì anh còn bận cong lưng mang vợ đi tìm chỗ đẻ. Nhưng dù cả hai mẹ con và cái va ly nhỏ cùng ngồi phía sau, anh vẫn không thấy nặng. Đường vẫn chưa có một bóng người. Chỉ có mấy con chó chạy

quanh quần dưới bóng cây rậm lá. Anh phàn nàn lấy lệ cho vợ vui lòng :

— Tức thật. Chẳng có một cái xích lô nào.

Vợ anh đáp :

— Dù có, mình kêu họ cũng không đi đâu. Đạo này họ chỉ lo chở Mỹ với me Mỹ.

— Đâu có. Hết lâu rồi. 

— Thiệt à ?

— Sao không thiệt. Nghe nói lính Mỹ nào đi xích lô mà Quân cảnh Mỹ bắt được, họ dẫn về cạo trọc đầu.

— Anh thấy à ?

— Anh không thấy. Nhưng thấy Quân cảnh Mỹ tóm được người nào lên lút vô bar là bắt ra, tống lên xe như tống giặc liền. Em không thấy cả dãy bar hai bên đường Thái Phiên đóng cửa im ỉm hết sao ?

— Saigon bần vậy mà cũng hay.

— Chưa khiếp à ? Bữa đó mẹ con có còn chút máu nào đâu. Bữ nay nói tởm.

— Lương mình trên mười ngàn, tiện tặn đến không dám mua chiếc xe gắn máy mà sồn vậy, huống chi người nghèo.

— Cũng may mà Mỹ họ làm reo, không thèm mua sắm, tiêu xài gì nữa, chớ không thì đến bữa nay, e bó rau muống cũng lên hai chục bạc ! Lạ. Đáng lẽ họ càng tiêu nhiều thì mình càng sướng, chớ ai lại họ vung tiền ra chừng nào thì mình càng khổ !

— Có chớ. Trong thành phố này gần ba trăm ngàn dân, ít ra cũng có ba ngàn người sướng : nhất đi nhì gì gì... đó, em không nghe à. Mà em bớt đau chưa ?

— Hơi bớt.

— Hay là chưa đến ngày.

— Không, chắc chắn rồi. Em đau nhói cả đàn, nhưng sợ anh mất ngủ, em chỉ kêu cầm chừng thôi.

— Em đi thăm cô mụ chưa ?

— Bậy quá. Với lại cô mụ quen quá mà. Bất kỳ lúc nào tới mà chẳng được. Cô mụ khen em đẻ như gà nên em cũng không sợ.

— Ừ. Chứ thiên hạ hư thai dữ quá. Hai năm nay đi đâu cũng nghe cái nạn đó. Nhưng đáng lẽ ra em phải đi thăm thai trước.

— Anh không thấy việc nhà à ? Nhà có kiếm được người làm đâu. Bây giờ họ chỉ lo đi làm cho Mỹ, cho mấy người hốt bạc, mình thuê sao cho nổi. Con ở ở nhà trước mình, có người cù đi rồi.

— Nó đi thật à ?

— Sao không thật. Tiền gấp hai, còn có bổng lộc riêng mà chỉ ăn rồi làm chơi chơi. Còn ở cho « người mình » thì phải « phục vụ » cả tiểu đội, ai mà ham.

— Con đông, nhiều cái bất lợi thật. Điều này thì nhất định là phải cột buồng trứng. Sao đạo nọ biểu cột, em không cột ?

— Anh không cho. Anh quên rồi à ? Anh nói là tâm tính thay đổi gì gì đó...

— Ừ... anh cũng nghe họ nói... cũng có lý...
 — Kia. Anh để em xuống chó. Tới nơi rồi.

— Tới rồi à ? Oai quá ta ! Nhà Hộ-Sinh cô Bê bữa nay oai nhất thành-phố rồi.

— Không oai sao được. Bả không có chồng, mỗi ngày kiếm trên một vài ngàn thì việc chi mà không lên lầu. Đó là bả mới lên một, chó đáng ra phải lên hai, ba lầu kia.

— Làm cao quá, sản-phụ lên sao nổi. Nay, em giữ cái xe, anh kêu ngõ.

Thịnh hăm hờ bước vào. Bỗng anh giật nảy mình trước một tiếng hô lạ kèm theo tiếng lắc cắc như ai lên cò súng. Anh lùi lại, hoảng hốt khi chợt nhận ra trong bóng tối một cái phòng canh cạnh cổng, có bao cát bọc quanh, bóng một mũi súng đen ngòm chĩa về phía anh. Anh nói bậy mấy tiếng OK. OK, dơ cao cái đèn bão rồi quay vụt ra :

Lộn rồi ! Lộn rồi !

Vợ anh cũng có thấy bóng người lính to lớn, nhưng vẫn bình tĩnh :

— Không lộn đâu. Chắc lính Mỹ canh cho cái nhà bên cạnh đó.

— Còn bên cạnh cái con khi mốc. Em không thấy cái ruột xe trắng lớp treo trước cửa có viết ba chữ USS đó à ? Cái ruột xe này anh thấy nhiều lần rồi... Thôi, đích là bà Bê biến nhà hộ sinh thành Binh đình cho Mỹ thuê rồi.

— Ác quá. Bây giờ đi đâu ?

— Để anh ráng đạp xe. Em ngồi cho vững. Tại em không đi thăm thai trước.

— Anh cứ nói boài. Em nghe mệt lắm.

— Thôi anh không nói nữa. Em định đi đâu.

— Sang cô Nguyệt.

— Biết rồi. Để anh đạp lẹ. Đừng để bậy ra đó nghe.

Thịnh không quên ném một cái nhún bao quát gian nhà lớn chẳng còn mang tí giấu vết nào của một nhà hộ sinh mới đây. Anh tưởng tượng giá người lính không canh gác, để vợ anh cứ tự do lên lầu... Anh bật cười khi nghĩ tới những cái tướng lông lá tô hô, trần truồng và đó đây cũng có những cái bụng tròn quay, nhô lên cao của những ông tướng nốc bia như gió. Những kiểu người ấy, anh đã từng thấy đứng phơ phía sau vài binh đình.

Còng lưng đạp lên đến nhà Hộ Sinh cô mụ Nguyệt, anh hơi ngần ngại vì thấy bên trong tối om. Tuy vậy, một tiếng trẻ oe oe khóc cũng làm anh thấy dễ chịu như người biết chắc mình không lầm nhà. Anh gọi cổng rồi dẫn vợ vào. Nhà Hộ sinh này hơi nghèo nàn, cũ kỹ, nhưng ở một khu vực thật yên tĩnh. Vừa bước vào, anh nghe có những thứ mùi bốc ra, những thứ mùi hỗn hợp của trăm thứ mà anh vẫn gọi gọn thon lơn là « mùi đẽ », vẫn khiến anh hơi khó chịu. Cô mụ còn ngủ. Cô y tá trực đưa hai vợ chồng vào một căn buồng vừa làm phòng giấy, phòng tiêm và có lẽ cả... phòng ăn. Thịnh thông thả hút thuốc, nghe hai người đàn bà đối đáp một cách tư-lơ-mơ. Mùi thuốc đánh tan bớt phần nào cái mùi đẽ ít hấp dẫn kia. Ước gì có một cái ghế dài để anh ngã lưng, đánh một giấc ngon lành... Chà khí trời lành lạnh mà mới chưa đến bốn giờ, thật là giờ ngủ lý tưởng nhất cho bất kỳ một người nào phải làm việc đúng tám giờ một ngày. Anh chợt nhớ mình chưa xin phép sở. Ồ ! mặc kệ. Xin phép sau cũng được. Thiên hạ phải biết là vợ mình để chứ ! Phía sau những câu nói nhỏ

nhẹ của hai người đàn bà, nhà hộ sinh đang đánh một giấc ngủ gia đình ngon lành quá. Đột nhiên, anh nghe cô y tá nói to :

— Hết phòng rồi, bà ạ.

— Sao lúc này, cô không cho tôi biết sớm ?

— Tôi quên. Còn một phòng, nhưng đã có người dận.

Thấy vợ còn có ý muốn nói gì, Thịnh vội đứng lên.

— Hết phòng thì đi kiếm chỗ khác chứ còn làm sao được ?

A. Hay là cô cứ cho một cái phòng rẻ tiền cũng được.

— Dạ. Hết cả rồi. Thật mà.

Vợ anh vẫn nài nỉ :

— Cô xem lại... Có cách gì giúp tôi...

— Hết cả rồi, bà ạ. Hay bà sang cô Lục xem :

Thịnh tán thành :

— Ừ. Sang cô Lục đi.

Chị Thịnh theo chồng, uể-oải lên xe. Thịnh cởi cái áo ấm để vợ lót, ngồi cho êm. Chị phàn nàn :

— Sang cô Lục thì trái ngõ đường. Anh đi làm về còn phải đạp xe ngược lên cả buổi mới thăm mẹ con em được. Còn con Liễu làm sao đem cơm cho tiện.

— Kệ ! Cứ để đã rồi hãy hay.

Thịnh chợt hỏi giữa hai câu chuyện bông lông :

— Đang nói chuyện vui vẻ, sao cô ấy lại bảo hết phòng ?

— Không rõ ra sao. Có lẽ cô ta nhầm lẫn chăng.

— Ừ. Chứ mình có đẻ, họ mới có sống. Nhà hàng mà đi chê khách hàng bao giờ. Nhất là mình cũng chưa đến nỗi tả quá.

— Phải. Chắc là họ dành cho người quen. Mình mới, chưa để ở nhà họ lần nào cả.

Sang đến cô Lục thì đã gần bốn giờ rưỡi, giữa lúc súng đạn từ đâu lại ầm ầm nổi lên, tàu bay rà rà phát ra những tiếng hơi lạ tai. Thịnh không đi vào trong, vì anh đã chán nghe những chuyện đau bụng, đau dạ của đàn bà rồi. Anh đứng chờ trước hiên, yên trí bây giờ có thể tự do nghỉ ngơi rồi. Thánh-hiền dạy « sự bất quá tam ». Nhà hộ sinh thứ ba, chẳng lẽ lại không còn chỗ cho một sản phụ ? Chẳng lẽ dân thành phố này leo thang việc đẻ đẻ đến mức độ này rồi à ? Anh kéo từng hơi thuốc một cách thú vị trong hơi sương man mác rồi lim dim. Chợt có bàn tay nào đặt lên vai. Anh mở choàng mắt. Lại vẫn vợ anh :

— Anh à. Thôi, đi đi !

— Sao ? Lại cũng hết chỗ ?

— Hết chỗ.

— Sao lại hết ?

— Thì hết chứ sao ?

— Thiên hạ đẻ dữ vậy à ?

— Chẳng biết ?

— Em liệu còn đi được nữa không ?

— Còn. Anh đi gấp gấp sang nhà cô Luyện.

— Cô Luyện ! Sao mà ngược dữ vậy. Mà bà ấy già quá rồi, có còn đủ sức nữa không ?

— Sao lại không ! Càng già, càng nhiều kinh nghiệm. Anh có một đề em kêu xích lô.

— Đâu đã có xích lô. Thôi để anh đạp cho mau.

Ra đến đường, Thịnh chửi đồng một câu thô tục ». Cha đời ! thật là sướng

con C. mù con mắt ». Vợ anh đang nhăn nhó cũng bật ra cười !

— Sao lại hết phòng ? Hay nó nói láo ?

— Họ làm ăm, nói láo làm gì. Anh không thấy bây giờ tụi thanh niên cưới nhau tháng trước thì tháng sau đã đẻ rồi à !

— Nhưng ban đầu nó tiếp em có niềm nở không ?

— Có.

— Rồi nó cũng nhận là lẩn lộn như cô y tá kia ?

— Sao anh biết ?

— Vậy em có biết tại sao nó lẩn lộn không ?

— Làm sao biết. Chắc tại mới ngủ, mới thức dậy, họ lẩn lộn.

— Em có nhớ họ hỏi em tới câu gì thì họ bảo họ lẩn lộn không ?

— Em nhớ, chừng như... bà có mấy cháu rồi...

— Em đáp sao ?

— Bậy.

— Cả hai lần cũng vậy à ?

— Cả hai lần

— Lạ.

Thịnh lại còng lưng đạp xe. Lần này, anh nghe như cả xương lưng, xương ngực cùng rên nát hết. Nhưng anh vẫn đi rất thận trọng để vợ ngồi cho khỏi xóc.

Thấy cái xích lô đầu tiên, chị Thịnh nói :

— Thôi, để em đi xích lô.

— Ừ. Nhưng thôi. Coi bộ cũng không êm gì hơn xe này đâu. Để anh ráng đạp, em ngồi cho thật vững. Lần này cả hai vợ chồng cùng mệt nên không ai nói gì.

Đến nhà hộ sinh, vừa đề vợ xuống đất, Thịnh đột ngột dặn :

— Lần này, họ có hỏi mấy con, em đáp hai đứa, nghe !

— Tại sao ?

— Đừng hỏi. Cứ đáp vậy. Nhớ nghe !

Khi đưa vợ vào phòng y tá, anh còn véo nhẹ vào tay vợ « nhớ nghe ».

Anh ngồi ở ngoài hút thuốc, cái thân thể to lớn, vững trãi của vợ anh vừa lấp phía sau khung cửa, với chiếc va ly nhỏ nơi tay khiến anh có cảm tưởng như nàng sắp đi du lịch khá xa và kỳ thú. Anh tựa lưng vào tường rồi tự nhiên mắt nhắm riết giữa lúc phố xá thức giấc, ồn ào. Những chiếc xe nhà binh con nặng nề, ầm ầm, dội vào tường như bưng đầu anh dậy, nhưng anh không biết gì cả. Chợt anh nghe có ai gọi lớn « ông Thịnh » anh ngáp một cái thật lớn, thật mạnh để che hết nỗi ngao ngán và hỏi :

— Lại đi nữa à ?

— Đi đâu ?

Nghe tiếng lạ, anh nháy mắt, nhìn kỹ. Một người đàn bà ra dáng người thôn quê khỏe mạnh mà anh chắc là nhân-công-nuôi-đẻ ở nhà Hộ sinh nhìn anh, cười :

— Con gái.

— Nhà tôi đẻ rồi ?

— Rồi. Để đưa thứ ba mà bà đẻ như Giỡn. Chưa kịp khám xong đã... Bà biểu ông về lấy cho gói đồ đẻ trên giường.

— Còn cái va ly nhỏ lúc nãy ?

— Có. Tôi đã lấy hết đồ đẻ dùng cho em nhỏ rồi.

— Bà « giùm » cho nhà tôi đó à ?

— Dạ.

— Tốt quá. Bà ráng giúp nghe. Đây, tôi biểu bà vài chục ăm bún cho vui. Để tôi về ngay.

Anh nhìn vào đồng hồ tay. Mới hơn bảy rưỡi. Ra anh đánh một giấc khá lâu. Anh nhảy vọt lên xe, cười lớn « Đứa thứ ba ! Đứa thứ ba ! » Rồi anh lại cười to « Đứa con gái thứ ba thì mới đúng ! Con gái. Có vậy chớ. Để ra cái thứ con trai ồn ào, gây gổ, đòi ăn, đánh lộn, bắn súng, phụt nước cả ngày, ai mà chịu được. Rồi đây mình sẽ đặt cho nó tên gì ? May mà gái chớ trai thì hết chữ rồi. Con Thương, con Nguyệt, con Nga... Dở ẹt ! Mà thứ ba cái khỉ mốc. Cô Luyện ơi ! Nó là đứa con thứ tám đó. Bốn mươi tuổi. Tám đứa con. Mù mắt thật rồi...

oOo

Ba ngày sau, thiên hạ sắm Tết tưng bừng. Thành phố này có tết xấu. Bụi thường từ mười đến hăm hăm ba, hăm lăm, họ làm ra vẻ lãnh đạm, khiến ai cũng nghĩ : năm nay thiên hạ ngán tết, thôi thì mình cũng làm qua loa cho nó xong. Dùng một cái, hăm bảy, hăm tám, họ đồ ra đường sắm loạn xị, không còn kể gì đến túi tiền của đám người lương thiện nữa. Chính vợ anh cũng tưởng thiên hạ lơ ửng Tết nên chỉ may cho mỗi đứa ít áo quần. Đến bây giờ, chúng mới kêu ngạo xị lên những là con kia có áo màu chiêu đãi viên, thằng nọ quần rin, áo ca rô, thằng kia dây cao cổ .. Biết làm sao ! Anh đành phải chở hai đứa nhỏ, đứa ngồi trước, đứa ngồi sau lên chợ vườn hoa mua cho mỗi đứa một bộ. Anh mặc ngay giữa chợ cho chúng. Khi mang đôi dây vào cho thằng cu Ráng, cu Sốt, anh chợt thấy chúng kháu khỉnh quá nên bảo :

— Để ba chở tụi bây lên thăm má, thăm em.

Vào nhà hộ sinh, thằng Sốt không chịu lại gần má nó.

— Không phải má. Má sao không có cái trống châu ?

— Cái trống châu kia kia.

Thị chỉ cô bé gái đỏ hồng, đang ngủ ngon.

— Không phải. Cái trống tròn má đeo trên bụng kia. Con không ưng cái trống dài.

Cô mụ đi vào. Thị bảo :

— Ráng và Sốt thưa bà đi.

Cô mụ trên năm mươi, mập mập, nhưng không có vẻ nhanh nhẹn của người khỏe mạnh. Tóc đã lốm đốm trắng.

Cô cười chào hai chú bé và hỏi :

— Sao lại Ráng, lại Sốt ? Bà đặt tên lạ quá. Ráng, Sốt là vì nhiều con quá, không muốn để nữa mới đặt vậy. Chứ con đầu mà Ráng nổi chi.

Chị Thị cười, rồi lại cười :

— Không. Em nói chơi với bà cho vui. Thằng Ráng là con thứ sáu, thằng Sốt là thứ bảy đó. Bây giờ tất cả là tám đứa rồi.

Cô mụ đột nhiên tắt tiếng cười. Thái độ tức giận hiện rõ trên mặt, trên miệng, dù cô đề lộ sự tự kìm hãm. Và dù kìm hãm đến đâu, cô cũng không thể không nói một lời khá nặng nề :

— Bà đại lắm. Bà nói chơi vậy, rồi ra lúc để khó khăn làm sao.

Rồi bà đi ra. Vẻ bức tức còn in rõ trên thái độ của bước chân và ngón tay, nhìn từ sau. Hình như có một lúc, bà dơ tay quệt ngang con mắt.

Chị Thị đưa mắt nhìn chòng.

— Tại sao vậy mình !

oOo

Buổi tối, trong bữa ăn, cô Mụ Luyện bảo chồng :

— Chắc là năm nay, tôi phải đóng cửa nhà hộ sinh.

— Minh mệt mỏi lắm rồi à !

— Không. Nhưng nguy hiểm lắm. Không thể nào bảo đảm cho hạng đàn bà có trên 5, 6 đứa con sinh nở an toàn như ngày xưa nữa đâu.

— Tại sao vậy, mình ? Trước kia có việc gì đâu ?

— Trước tương đối thái bình, khác. Bây giờ chiến tranh kéo dài lâu quá,

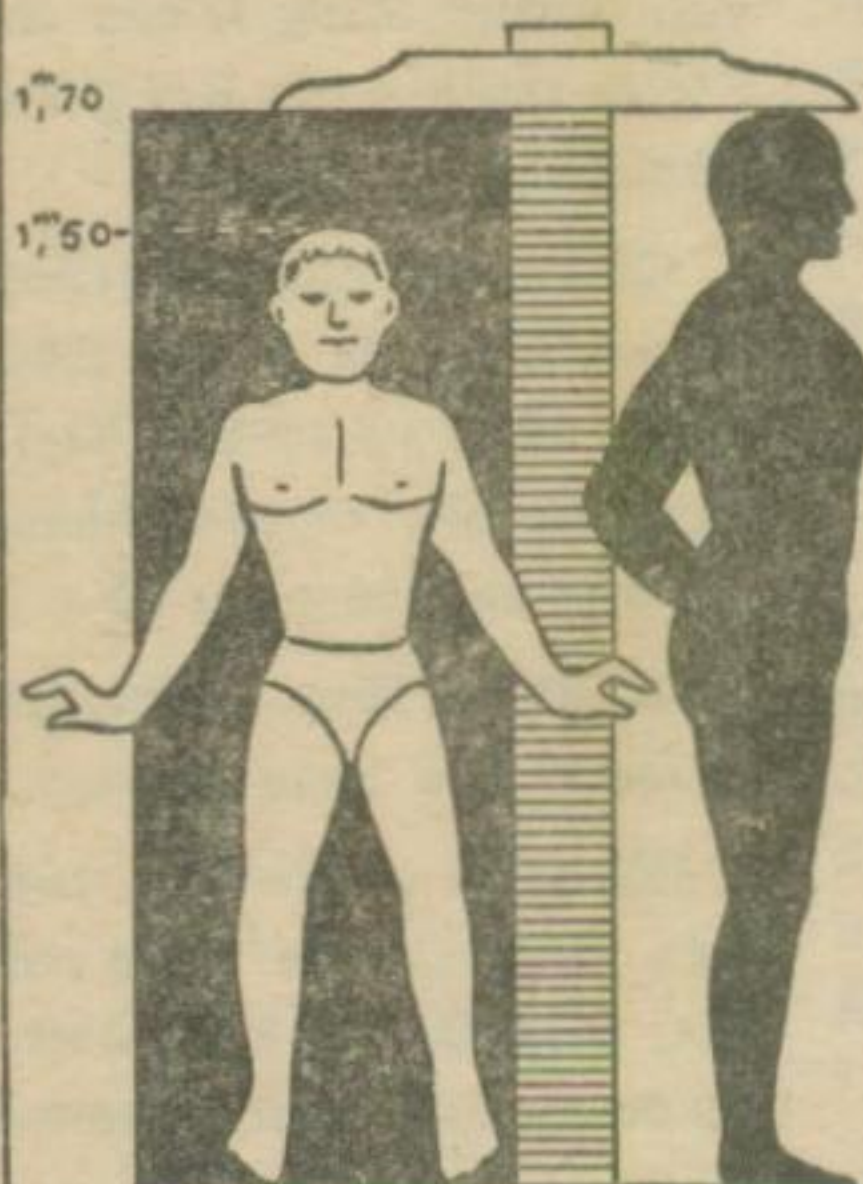
ngày nào cũng bắn cũng giết, cũng làng mạc bị đốt, thân nhân bị chết nên trái tim của đàn bà yếu hết cả rồi. Họ không còn sức mà rặn mạnh nữa... Người nào đẻ năm bảy lần là kiệt sức hẳn... Dễ sản hậu, dễ chết bất tử quá. Minh không thể nào thoát những chuyện tai bay vạ gối đâu... Trái tim họ yếu quá cỡ. Có làm cô mụ mới thấy rõ điều đó. Minh à ! Đỡ đẻ cho bọn họ thật chẳng khác chi đang hồi hộp nghe tòa đang kêu án... về tội giết người !

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

KN S6 78 MBYT/QCDP

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

Martin Luther KING

người con da đen của Thánh Gandhi

● NGUYỄN - NGỌC - LAN

viết theo Lerone Bennett một bạn học của Mục-sư King (*What Manner of Man*, 1964).



Martin Luther King

5-4-1968. Một viên đạn ám-sát. Một người gục ngã như Kennedy đã gục ngã bốn năm trước. Một vũng máu như những vũng máu đều đều đổ trong lịch-sử Hoa-kỳ để đánh dấu hỏi — nếu không phải là dấu ô-nhục — trên một nền văn-minh tự-bản vẫn tự hào là vượt mức.

Martin Luther King, 39 tuổi. Da đen. Chỉ có thể thôi đã sụm xuống trước họng súng một người da trắng, đầu đó giữa lòng bao la bát ngát của một đại-cường-quốc.

Da đen, 39 tuổi. Nhưng King đáng kể

là biểu-tượng cho hy-vọng, cho ý-chí quật-cường, cho nhân-cách, cho quyền sống không phải riêng gì của mười mấy triệu đồng-bào da đen của ông mà của chung mọi thành phần, từng lớp, dân-tộc trên thế-giới còn đang phải ở trong thân phận thiếu số, nhược tiểu, kém mở mang, thiếu đói, bị chèn ép, kỳ-thị. King đã từng bị tổng-giam đúng 10 lần, ra tòa và bị kết án 7, 8 lần, tù treo nhiều hơn tù ở nhưng cũng đã ở tù hai lần, rồi được thả ra một lần vì chống án và đóng tiền bảo-đảm, một lần tuy không muốn ra mà cũng phải ra vì có kẻ vô danh gửi nộp thay cho số tiền phạt 178 đơn. Đồng thời, King, da đen, 39 tuổi, cũng là thành công và sự-nghiệp mà không mấy ai sinh-trưởng trong một hoàn-cảnh xã-hội thuận-lợi hơn dám mơ-ước đạt đến một cách nhanh chóng và đẹp dễ như thế. 25 tuổi, với vụ tẩy chay xe buýt ở Montgomery, King đã tỏ ra vừa đủ năng lực tinh-thần để lay-chuyển điều-động quần-chúng, vừa có nhiều uy-tín tinh-thần hơn nữa — một điều còn khó gấp bội — để giữ cho sự nồng-nhiệt của một phong-trào quần-chúng khỏi biến thành quá khích. 1957, trong cuộc hành-hương cầu-nguyện cho Tự-do, tiếng nói của vị mục-sư 28 tuổi đã nổi hẳn lên trước ba mươi lăm ngàn người tham-dự đến nổi

một tờ báo như New-York Amsterdam News phải tuyên-bố: « King đã nổi bật lên trong cuộc hành-hương tại Washington như nhà lãnh-tụ số một của mười sáu triệu dân da đen Hoa-kỳ. . người ta sẽ theo ông đi bất cứ đâu ».

Nhận định ấy đã được chứng nghiệm với thời gian. 28 tháng Tám 1963, 250.000 người, kể cả 60.000 người da trắng, tham dự cuộc diễu hành về Washington. Ban tổ chức gồm nhiều người tên tuổi nhưng King vẫn là trọng tâm của lần đấu tranh cho 7 quyền công dân ấy. King lên tiếng kết thúc một ngày dài đã vang nhiều tiếng ca và bài diễn thuyết nhưng những lời tâm huyết và hùng hồn của King đã khiến cho cả đoàn người đông đảo như sấm sảng khởi hành, lại đề tiến vào con đường tương lai rực sáng mà King vung tay mở rộng trước mắt họ. Như một tiên tri được linh ứng, King bỏ bản văn viết sẵn, lên tiếng ứng khẩu trong lúc mấy trăm ngàn người kia đồng loạt đứng cả dậy, hoag hô, reo, khóc theo nhịp hừng của King:

« Tôi mơ thấy bốn đứa con nhỏ đại của tôi một ngày kia sẽ sống trong một nước không còn bị người ta xét xử theo màu da nước tóc mà chỉ theo bản lĩnh của chúng.

« Tôi mơ thấy ngày hôm nay.

« Tôi mơ thấy một ngày kia Tiểu-bang Alabama mà hiện nay viên thống-đốc chỉ sẵn trên môi khinh miệt những chữ "can thiệp" và "hủy bỏ" sẽ trở thành một miền đất đề cho những đứa bé con trai, con gái da đen, có thể cầm tay những đứa bé con trai, con gái da trắng và cùng đi với nhau như anh như em.

« Tôi mơ thấy...

« Tôi mơ thấy...

Chiều hôm ấy King đã mơ thấy nhiều

lắm, đã nói lên nhiều lắm những điều mơ ước mơ, và triệu triệu lòng người trên thế-giới này ước mơ.

Cái đỉnh của cuộc đời Martin Luther King, da đen, 39 tuổi, cũng là chiều hôm ấy. Tuần báo Time chọn King làm « Người của năm 1963 ». King là người da đen đầu tiên được cái hân hạnh ấy, mặc dầu tờ tuần báo đã bày ra cuộc sắp hạng như thế từ 1927, hai năm trước khi King chào đời. Lý do: « King được chọn vừa với tư cách cá-nhân, vừa với tư cách là đại-diện cho các người da đen Hoa-kỳ trong khi năm 1963 đối với họ đáng kể là năm quan trọng nhất trong lịch sử của họ... Vì là năm kêu gọi bình đẳng, năm biểu tình quần chúng, ngồi giữa đường đề phản kháng, diễn thuyết hay đụng độ ngoài đường, phát động tinh thần trong các khu ngoại ô hay hát thánh ca trong các nhà tù... Martin Luther King đã thành biểu-tượng của cách-mạng, và là người của năm 1963 ». Qua năm sau, King còn được tặng giải thưởng hòa bình Nobel.

Tranh-đấu không nhân-nhượng, tranh đấu quyết-liệt nhưng cũng tuyệt-đối không thỏa-hiệp với hận thù, thành công của Martin Luther King là đã đưa đầy được đông đảo quần-chúng theo ông vào con đường phi thường ấy. Các bài diễn-thuyết của King đã được xuất-bản dưới cái đề « Sức mạnh của Tình Thương », lặp lại một ý-lực của Thánh Gandhi. Nhưng kẻ chỉ tin ở « Sức mạnh » tron, đen hay trắng, bên này hay bên kia đều không chịu được King. King là sự hiện thực trước mắt họ của một lý-tưởng mà họ không thể hiểu nổi. King là sự thách thức hiên ngang của lý-tưởng ấy. Da đen, 39 tuổi. Ám-sát King, cũng như đã ám-sát Gandhi, họ không muốn thủ tiêu một con người cho bằng đã đang tâm

muốn tiêu-diệt cái lý-tưởng cao-cả nhất của nhân-loại. Cái lý-tưởng vẫn từ thể-hệ này qua thể-hệ khác, dưới hình thức này hay hình thức khác, vẫn còn ở lại giữa loài người để loài người không bao giờ đến nỗi chỉ hoàn toàn là một bầy sói đối với nhau.

Da đen, 39 tuổi, chỉ có bấy nhiêu đã gục ngã. Nhưng King không chết hẳn. Như Gandhi đã không hề chết hẳn. 1948, Gandhi bị ám-sát, nhưng chỉ chín năm sau, trước mồ của Lincoln là một nạn-nhân khác của óc kỳ-thị sát-nhân, tiếng gọi bất bạo-động của King còn vang cao, vang xa hơn của Gandhi. Gandhi chết

nhưng đã còn King. King gục xuống nhưng rồi đây còn nhiều King, nhiều Gandhi khác sẽ đứng lên do sức mạnh của Tình Thương mà không sức mạnh nào khác diệt nổi. Tình Thương không màu da, không có tuổi. Trừ phi nhân-loại đã đến ngày cùng.

Nhưng « tôi mơ thấy... Tôi mơ thấy... Tôi mơ thấy Một Ngày Kia... ».

Trong niềm ước mơ ấy, hãy cùng nhau nhìn lại những ngày đã qua của một cuộc đời — da đen, 39 tuổi — đã hiến trọn năm tháng lẫn máu xương gieo mầm cho một ngày mai kia hiện thực.

oOo

1. ĐẤT GIEO

1935, một cảnh gặp gỡ đặt biệt ý nghĩa tuy không rầm rộ như một cuộc hội kiến giữa các nhà ngoại-giao.

Mohandas K. GANDHI và một đoàn khách hành hương da đen Hoa-kỳ đối diện tương phùng. Với rất nhiều tha thiết, Gandhi ngắm kỹ từng khuôn mặt của những người khách da đen. Ngài vốn sẵn cảm tình sâu đậm và nồng nhiệt đối với người da đen Hoa-kỳ. Sáu năm trước cuộc gặp gỡ hôm ấy, năm 1929 — đúng vào năm King chào đời — ngài đã gửi một tâm thư cho các người da đen Châu Mỹ :

« Ước gì mười hai triệu người Đen không phải hồ thẹn vì là cháu chắt của nô lệ. Điều nhục không phải là làm nô lệ, điều nhục là có nô lệ(1). Dầu sao chúng ta đừng nghĩ làm gì đến vinh hay nhục tương quan với quá khứ. Chúng ta phải hiểu thật rõ là tương lai thuộc về những ai thực hành chân lý, thanh khiết và tình thương. Bởi lẽ, như các hiền nhân xưa vẫn nói, chân-lý mới là trường cứu, sự dối trá thì

không. Chỉ tình thương kết chặt và chân lý với tình thương là phần dành riêng cho những ai thật khiêm tốn. »

Từ khi tâm thư này được phổ biến trên nguyệt-san Crisis tháng bảy 1929, rất nhiều người da đen Hoa-kỳ lần lượt rủ nhau hành hương đi viếng Gandhi. Rồi hôm ấy, trong năm 1935, vị thánh lại tiếp đón thêm một đoàn người miễn mộ. Trong giây lát, chủ với khách đã cùng nhau bàn luận về ki-tô-giáo, về sự đàn áp và về tình thương. Rồi đột nhiên Gandhi yêu cầu các người bạn da đen của ngài cất tiếng hát một trong những bản thánh ca ngài vốn ưa thích : Were You There When They Crucified My Lord ? (Các anh có ở đấy không, lúc họ đóng đinh Chúa của tôi ?). Những lời ca xưa cũ vang dậy, lớn dần như một lời chúc phúc, như một lời nguyện rửa, như một lời nguyện cầu và còn được khung cảnh bất thường hôm ấy làm cho thêm bi tráng, thêm buốt nhói ruột gan.

(1) Chúng tôi nhấn mạnh (N.N.L.)

Các anh có ở đây không lúc họ đóng đinh Chúa của tôi ?

Các anh có ở đây không lúc họ đóng chặt Ngài vào thập giá ?

Ồ, rất nhiều khi, điều đó làm cho tôi run rẩy, run rẩy, run rẩy...

Các anh có ở đây không lúc họ đóng đinh Chúa của tôi ?

Những lời ca ấy, mang theo bao nhiêu thể kỷ đau buồn chịu đựng, đi vào tâm tư thánh Gandhi như một luồng gió lạnh. Ngài như được sống lại thân phận da đen, sống đầy đủ từng thể kỷ và từng thể kỷ tủi đau và tranh đấu, tất cả những nỗ lực của một dân tộc xấu số để dành giật với cuộc đời một chút phẩm cách. Sau cùng khi tiếng hát không còn vang lên nữa, ngài yên lặng một hồi lâu. Rồi ngài nói với đoàn lữ khách : « Có thể là chính một người Đen sẽ chuyển đạt cho thế giới sứ-diệp thuần túy nhất của bất-bạo-động. »

Hồi ấy Martin Luther KING mới lên sáu. Không ai đã dám ngờ rằng chỉ hai mươi hai năm sau, cậu bé sẽ trở thành hiện thân cho lời sấm hay là niềm hy vọng của Gandhi.

Cũng như vị thánh Ấn-độ này, King ra đời không kèn trống, tại Atlanta, trong một hoàn cảnh xã-hội rất bình thường. Bình thường cả ở chỗ tổ tiên cũng đã là nô lệ như tổ tiên những người da đen khác. Hết nô lệ kiểu cũ rồi đến nô lệ kiểu mới. Kề ra thì từ 1865, sau cuộc chiến tranh Nam Bắc, phía Bắc chủ trương giải phóng nô lệ toàn thắng đã khiến cả phía Nam phải nhận nhượng : ông cố của King đã có quyền bầu cử, có quyền tham dự đời sống quốc-gia với tư cách công-dân, có cả quyền làm công chức. Nhưng những quyền ấy đã sớm biến

thành bánh vẽ : một cách tinh vi hơn, người da trắng đã dồn người da đen trở lại một chế độ nô lệ mới. Vì thế khoảng 1880, James Albert King, nội tổ phụ của Martin Luther như bỗng nhiên lại thấy mình vướng vít trong cạm bẫy tôi đòi không làm sao thoát ra được. James Albert lãnh canh một đồn điền ở Stock-bridge, cách Atlanta ba chục cây số. Chủ đồn điền người da trắng cung cấp đất, nhà, hạt giống, phân bón và đôi khi cả lương thực nữa. Khi đến mùa và bán xong đậu đây thì trên lý thuyết lợi tức được chia đôi đồng đều giữa người lãnh canh da đen và ông chủ đồn điền da trắng. Nhưng James Albert không biết đọc biết viết, càng không biết tính, còn người da trắng thì không rõ đọc như thế nào, viết như thế nào, cộng trừ nhân chia như thế nào, tóm lại không rõ giữ sổ sách như thế nào mà ông nội của King năm này qua năm khác chỉ thêm đồ nợ và món nợ chỉ càng trở thành một cơn ác mộng dữ dằn. Thế là tiêu tan cái mộng ban đầu mong dành dụm tậu riêng cho mình làm chủ một nông trại nho nhỏ, và chiều thứ bảy, ngày chủ nhật, người tá điền da đen chỉ còn biết nuốt tủi sầu và thất vọng qua hết ly rượu này đến ly rượu khác, rượu dở nhiều hơn rượu ngon. Chẳng qua vẫn thân phận da đen trên một miền đất buồn : bị cột cổ vào đất cày, tìm khuấy khoả trong cốc rượu cô đơn hay trong tiếng hát, lời kinh tập thể, cảm thấy mình hèn nhất rồi cũng chỉ biết tự nguyện rửa sự hèn nhất của mình, sống bằng cả thể xác lẫn tâm hồn trong bụi bặm, sợ hãi, nhục nhã và những vết tích như vết sắt nung, làm trò chơi trong tay các quan toà, các tòa án, các ông phú lít, là người đen giữa thế - giới người trắng mãi cũng đến phải tin mình không

đáng gì hơn nữa ; sống không sách vở, không hình ảnh đẹp, không báo chí, máy truyền thanh, phải nghiêng mình, phải cúi lên cúi xuống đều đều, phải tươi cười lễ phép, tự chán ghét mình vì mình tội đời và hèn yếu, tất cả những thứ đó làm thành cơn ác mộng hãi hùng bám sát lấy James Albert King bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, năm này qua năm khác...

Một trong mười người con của ông, sau này là thân phụ của King, sẵn tham vọng hơn mà lại được may mắn hơn. Còn trẻ, "Mike" đã sớm có dịp biết thế nào là tủi nhục và phẫn nộ. Một ngày kia đi thăm mẹ đang giặt ủi cho một bà da trắng sống trong một căn nhà gạch đỏ. Mike phải đứng đầu ngay với cái vấn đề sau này sẽ chiếm cả cuộc đời cậu như cuộc đời người trưởng-nam của cậu. Bọn trẻ da trắng trong nhà bà chủ mời cậu ở lại ăn trưa, nhưng cậu chưa kịp rục rịch thì bà mẹ da trắng đã đóng sập cánh cửa lại chặn họng và bắt Mike phải ra đằng sau nhà đón đợi một khúc bánh mì kẹp thịt người ta hé cửa bếp ném cho. Mike đứng lặng nhìn khúc bánh mì kẹp thịt, rồi nhìn người đàn bà da trắng. Cũng qua cánh cửa hé, cậu thoáng thấy bóng mẹ mình đang đẩy bàn là trên những nếp áo của người da trắng. Một cái gì như bỗng nhiên đã được giặt nõ trong thâm tâm cậu. Cậu vắt khúc bánh mì kẹp thịt xuống đất và chạy thẳng một mạch về nhà, trong bụng tự nhủ thầm : « Một ngày kia mình sẽ có một ngôi nhà ngói cũng phải đẹp như các ngôi nhà khác ».

Một sự kiện thứ hai còn xảy đến để làm cho Mike thêm cương quyết. Mười hai tuổi, cậu đi theo cha đến tỉnh sở cuối mùa với ông chủ điền da trắng. Ông này xem xét sổ sách rồi tuyên bố là vụ

mùa bông vài năm ấy vừa vận đủ để trừ nợ cho người lãnh-canh da đen. Nhưng Mike, vốn giỏi toán ở ngôi trường siêu vẹo gần đồn điền, mới lên tiếng can thiệp ngay : « Thừa bố, sao ông chủ không tính đến cái phần hạt giống còn để dành ? ». Mike đã hiểu là cái phần ấy đáng lý còn phải đem lại cho thân phụ mình thêm ngót một nghìn Mỹ-kim. — « Thằng bé này lão hủ, ai cho phép mày nói leo ? ». Ông chủ còn đưa mũi giày lên sẵn sàng yểm trợ câu nói bằng một cú đá đít kinh thiên động địa, nhưng ông bố đã van xin hộ con, hứa sẽ dạy dỗ nó kỹ hơn. Nghĩa là Mike có giỏi toán cũng vẫn vô dụng.

Sau cái vụ suýt ăn đòn ấy, Mike quyết đoạn tuyệt với đồn - điền. Một đôi giày móc vôi lên vai, chàng lên đường đi bộ đến Atlanta, trong đầu luôn mơ thấy cái ngôi nhà gạch đỏ mà một ngày kia mình phải có. Tại thành-phố, chàng làm việc ban ngày, có tiền dành dụm, chiều tối lại học. Và may mắn hơn ông bố, chàng đã thực hiện được dần dần cái mộng tiến thân. Chàng học xong Trung - học, vào được cả Đại-học Morehouse rồi trở thành mục-sư đảm-nhiệm hai nhà thờ nho nhỏ ở Atlanta, làm rề của mục-sư A.D. Williams có địa-vị hơn trong thành-phố, đến làm phụ-tá cho Williams tại ngôi nhà thờ báp-tít Ebenezer, rồi năm 1931, khi ông nhạc-phụ mất đi, Mike lên thay thế làm lãnh-đạo tinh-thần của ngôi nhà thờ quan-trọng từ đó đã trở nên một thứ di-sản của gia-đình.

Ngôi nhà gạch đỏ, thân-phụ của Martin Luther King đã có. Cũng như một số người Đen khác, bước tiến của ông một lần nữa minh chứng rằng nếu đen không thể thành trắng thì người Đen cũng như người Trắng vẫn có thể làm nên vận đỏ,

vẫn có thể thành công nếu chăm học, chăm làm và... tránh sinh chuyện, những chuyện khó tránh khi chính sự có mặt của họ đủ làm vướng mắt đại đa số da trắng. Cũng như mục-sư Williams, thân-phụ của King không đánh tâm yên thân thăng-tiến một mình. Ông không tách rời khỏi đám dân đen, hai lần đen của mình. Williams và ông thuộc vào số các lãnh-tụ trong phong-trào chống-đối của người da đen lúc ấy. Williams từng dẫn đầu một số công dân hết đường nhịn nhục đề đòi thành phố phải xây cho bằng được một trường Trung-học cho người Đen. Khi tờ báo *Georgian* ở Atlanta gọi họ là bọn người « ở bần và ngu-dốt » thì Williams lại khởi xướng một phong-trào tẩy chay tờ báo. Chỉ ngày hôm trước ngày hôm sau, ngót sáu nghìn độc-giả da đen thôi mua báo ấy. Và cuối cùng *Georgian* phải đóng cửa. Thân-phụ của King tiếp tục cái truyền-thống gia-đình ấy vào khoảng giữa những năm 1930 và 1940 : ông làm chủ-tích một ủy-ban công-dân Atlanta đã kiện thành-phố đề đòi trả lương đồng đều cho các giáo-chức đen cũng như trắng.

Thần thử Martin Luther King đã chào đời không phải nguyên trong một ngôi nhà gạch đỏ xinh xắn mà còn là giữa bầu không khí chung kia. Một quá khứ nô-lệ hay tội-đòi ở đồn-diện, một truyền-thống chăm chỉ làm ăn, tiết-kiệm, phục-vụ cộng-đồng, tranh-đấu cho quyền lợi chung, một hiện tại sung túc khá giả nhưng phải né tránh người da trắng đề khỏi sinh chuyện.

Thuở bé, King là một đứa trẻ lành mạnh, dồi dào sức sống, ham chơi đùa với chúng bạn và đã được kể vào hạng đàn anh nhờ có ý-chí hơn và một thứ tài hùng-biến tự nhiên. Sau nhà King là một sân rộng và một bãi đất hoang tha hồ cho lũ trẻ thử sức với nhau. Vị sứ-đồ tương lai của bất bạo động đã có một

lối chơi hùng hổ, nặng tay nặng chân ngay cả khi đá bóng hay lừa bóng rổ. Cũng bạn đã phải ngán như một người bạn thời niên thiếu của King về sau còn kể lại : « Chơi với hắn, đầu chỉ là đá bóng hay bóng rổ, là phải liều u trán sưng chân không khỏi được ! »

Đồng thời King đã sớm thấy sức thu hút của ngôn-ngữ, của biểu-tượng. Cậu thích thú khi chứng kiến cha mình hay những mục-sư khác lay động cử-tọa bằng những chữ, những hình ảnh, những âm thanh khéo chọn, và cái nhu cầu nói, diễn tả, rung chuyển một cử tọa đã ăn sâu vào con người cậu đề sẽ không bao giờ lia bỏ được. Sáu tuổi, cậu đã thưa với mẹ : « Mẹ chờ mà xem, coc sẽ tìm ra được những chữ thật kêu. ». Sau này King còn tâm sự với Lawrence D. Reddick, một người bạn, : « Tài năng chính yếu, cũng như sở thích sâu xa và bền bỉ nhất của mình » chưa phải là hành động, mà là « việc diễn-tả hùng hồn các ý-tưởng ».

King, cùng với chị, Christine và em, Alfred Daniel, khôn lớn trong một cảnh gia đình kẻ là trường giả. Thế-giới đang vào thời kinh tế khủng hoảng trầm trọng, sáu mươi lăm phần trăm người Đen quanh King lâm cảnh thất nghiệp, nhưng ở nhà King vẫn sẵn bánh, sẵn thịt, và thân phụ King từng bảo : « Chúng tôi chưa bao giờ phải ở nhà thuê và không hề phải xài lâu một chiếc xe hơi chưa trả hết tiền mua. »

Bầu khí yên ổn, trật tự và đầu vào đó ấy không khiến cho tính khí King chỉ là một khối loàn toàn bình tĩnh, ôn hòa một cách giản dị như người ta hay lầm tưởng. Tính khí King phức tạp hơn vì, như vừa thừa hưởng tính tình ôn hòa, thận trọng của mẹ mình, vừa mang

theo khí chất không chừng, dễ xúc cảm, nóng nảy của cha. Trước tuổi mười ba, King đã hai lần liều tự tử. Lần đầu xảy ra khi bà ngoại của King bị một tai nạn làm bất tỉnh. King vốn đặc biệt thương bà ngoại, lại tưởng bà đã chết, liền ba chân bốn cẳng chạy xuống thang gác nhảy ào ra cửa sổ tầng thứ nhì. Đến lượt người ta tưởng cậu đã chết : cậu nằm dài, bất động, mặc gia đình tha hồ kêu la, chẳng phản-ứng gì. Rồi, như không có chuyện gì xảy ra cả, King lồm cồm bò dậy, và chẳng nói chẳng rằng, bỏ đi chỗ khác. Năm 1941, khi bà cụ ngoại chết thật, King lại nhảy từ cửa sổ tầng thứ nhì xuống và lần này cũng vẫn cứ bình an vô sự !

Đối với con người nào cũng thế, tuổi thơ vốn là một giai đoạn gồm những sợ hãi và lo âu mơ hồ. Riêng đối với một đứa trẻ da đen, vì không phải chỉ cần tìm hòa hợp với bản ngã của mình mà còn phải làm quen với điều hiển nhiên mà đáng lo ngại là thiên hạ sẵn có một ý-niệm cố định về mình và quá khứ của mình, một ý niệm đè bẹp mình dưới tải nhục và những hạn-chế khắt khe, tuổi thơ lại bằng bạc đủ thứ hình hài và bóng đen quái dị. Tuổi thơ của King xem ra đã không thoát khỏi công lệ ấy. Cảnh sống của cậu đã hẳn là yên ổn hơn cảnh sống của phần đông da đen, tuy vậy cũng một bóng đen vẫn đe dọa anh em đồng chủng đã che khuất phần nào mặt trời trước mặt cậu. Cũng như tất cả các đứa trẻ da đen khác, cậu đã mơ hồ cảm thấy bóng đen kia trước khi phải thấy rõ như thế nào. Có những chỗ phải tránh đừng bén mảng đến. Có những điều tối kỵ, chớ có làm. Có những phương tiện, những vật, những người phải né kỹ. Đàng xa kia, trong thế giới, có cái gì đó

phải thật là quái gở, phải thật là rùng rợn, và có lẽ là càng dễ sợ bởi lẽ không người lớn nào có thể giải thích cách nào cho vừa tầm óc của một đứa trẻ. Nhờ chỗ đứng được ưu đãi trong một gia đình tương đối được ưu đãi, King chưa đến mỗi lúc mỗi phải đụng đầu với bóng đen. Nhưng bóng đen vẫn chực sẵn đâu đó, vẫn lảng vảng quanh giới hạn tầm mắt và chỉ đợi dịp một ngày nào đó là đổ nhào đến án ngữ ngay trước mặt.

Nhưng trong số chúng bạn gần gũi hơn cả của King, có hai thằng bé con của người bán thực phẩm trong khu phố. King sau này nhớ kỹ : « Không đứa nào trong bọn chúng tôi đã có thể có ý nghĩ là hai đứa da trắng có gì khác mình, và chúng tôi cứ chơi mãi với nhau cho đến tuổi chúng tôi phải đi học. Hai đứa ấy đi học trường trắng, còn tôi đi học một trường khác, nhưng ban đầu tôi chẳng để ý gì đến chuyện đó. Rồi bỗng nhiên, khi tôi vội vã chạy lại nhà bọn chúng để so-sánh bút vở của nhau thì bà mẹ bảo với bọn chúng là từ nay không còn được phép chơi với tôi nữa. Bà bảo là chúng nó trắng còn tôi thì đen. Lúc đầu bà còn bày đủ cớ để nói quanh với tôi nhưng rồi cuối cùng bà cũng nói thẳng toạc điều ấy với tôi nữa. Tôi tưởng rằng lúc đó tôi đã khóc ; dầu sao tôi đã chạy về nhà xin mẹ tôi giải thích ».

Bà mẹ của King lau nước mắt cho con và ngồi xuống, có lẽ với tiếng thở dài, để nói chuyện với cậu về người da đen và người da trắng trong đời sống Hoa-kỳ. Ngược dòng lịch-sử, bằng những chữ thích đáng, hay đúng hơn, những chữ mà một đứa bé sáu tuổi có thể hiểu chút gì, bà gọi lại những thế-kỷ nô-lệ và tách biệt, giải thích những sợ hãi và yếu-đuối của con người. Rồi bà kết luận : « Không việc gì phải hoảng lên, con ạ.

Con đừng vì những điều đó mà tưởng rằng mình không có giá-trị bằng người da trắng. Con có giá-trị như bất cứ ai, con đừng quên ».

Thì ra thế. Bóng đen là thế. Đầy đặn, to tát, no tròn, trắng trẻo! Đứa bé sáu tuổi nhìn sừng-sừng sự thật trước mặt mình, và dẫu không muốn cũng phải hoảng. Thế ra, nó chỉ là một đứa bé da màu. Nhưng cho đứng ra như thế nghĩa là gì? Nó không thể không nghi ngại. Nó cố nhìn kỹ mình, nhìn kỹ thế - giới vây quanh nó.

Hai năm sau, khi King lên tám, một kinh-nghiệm khác còn đến làm tăng nỗi lo âu. Hôm ấy, cậu bé đi với cha vào một hiệu bán giày ở trung - tâm thành-phố. Hai cha con ngồi xuống trên mấy cái ghế đặt sâu phía cửa vào. Một anh làm công da trắng lại gần nói với họ:

« Tôi rất sẵn sàng thử giày cho Ông và cậu bé, nhưng xin mời Ông và cậu bé vào ngồi mấy ghế phía trong kia cho.

— Tôi có phản nản gì về các cái ghế này đâu, ông bố lắm bầm.

— Tôi rất ân hận, nhưng ông phải đi vào tuốt bên trong kia cơ.

Ông bố nổi giận, không nhượng bộ:

— Hoặc là chúng tôi ngồi nguyên trên các ghế này mà mua giày, hoặc là chúng tôi không mua gì cả.

Rồi ông kéo con đứng dậy nện gót giày

bước nhanh ra khỏi cửa hiệu, nét mặt hăm hăm.

Sau này, khi gọi lại trận đùng độ ấy, King kể: « Có lẽ là lần đầu tiên tôi thấy cha tôi nổi giận đến mức ấy, và tôi tưởng cũng là lần đầu tiên tôi cảm thấy bị xúc phạm. Cha tôi vốn sẵn tình đa cảm và tôi luôn nhớ như in vào óc giọng người gầm lên hôm ấy: « Bất kể tao còn sống bao lâu nữa trong cái chế-độ xã-hội này, tao sẽ không bao giờ chấp nhận nó. Tao sẽ chống lại nó cho đến chết. »

Điều khiến cho chuyện xảy ra càng đau xót cho cả hai cha con là ở chỗ con người nói lên được câu nói ấy lại *đành phải chịu đựng* chuyện kia và có khi còn phải chịu đựng nhiều hơn nữa. Kinh nghiệm lần này càng làm cho King suy nghĩ và thêm ý-thức về cảnh ngộ của mình. Cái trật-tự sẵn có mà cậu cứ tưởng là yên ổn và đầy bảo-đảm, một khi nhìn kỹ hơn thì ra chỉ là một lớp vỏ che đậy cả một hỗn-loạn đáng ghê tởm. Một hố thẳm như mở rộng dưới bước chân cậu. Cậu bắt buộc phải xét lại các tương-quan giữa mình với mình và với thế-giới. Mình là ai? hay là gì? Có ai, có gì quanh mình? Thời gian giáo dục Martin Luther King đã thực sự bắt đầu. . .

(còn tiếp)

L.M. NGUYỄN-NGỌC-LAN

Đầu tháng 5 / 68 phát hành:

Đời tranh đấu của Martin Luther King

Ca dao xuất bản

Sống Mới tổng phát hành

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Hiện thời dư-luận thế-giới chú trọng đặc biệt tới sâu khấu chính-trị tại Hoa-thịnh-đốn. Bằng một bài diễn-văn quan trọng, Tổng-thống Mỹ đã bắt đầu phát động chiến dịch tấn công hòa bình, nhưng vụ ám sát Mục-sư Martin Luther King, xảy ra mấy ngày sau đó đã làm cho tình-hình chính-trị Mỹ mới sáng sửa không được bao lâu lại u ám trở lại.

Tại Âu-Châu phong-trào tự-do-hóa vẫn tiếp tục và sự rạn nứt của khối cộng-sản càng vì vậy mà tăng thêm.

Tổng - thống Mỹ tấn-công hòa-bình

Như chúng tôi đã dự đoán trong số trước, tình hình chính-trị Hoa-kỳ đang bị cuộc bầu-cử Tổng-thống chi phối, khiến Tổng-thống Johnson chỉ có một cách giải quyết những khó khăn nội bộ là chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam.

Đêm hôm 31 tháng 3 vừa qua, trong một bài diễn-văn truyền-hình, Tổng-thống Johnson đã công bố hai quyết-định quan-trọng làm toàn thể thế-giới xúc động. Ông quyết-định ngưng oanh-tạc Bắc-Việt vô điều-kiện để xuống thang chiến-tranh. Theo lịnh của ông, không-lực Mỹ giờ đây chỉ oanh tạc một vùng rất nhỏ tại Bắc-Việt về phía bắc vĩ-tuyến 17 mà thôi. Ông hy vọng rằng chính quyền Bắc - việt sẽ đáp-ứng thiện-chí hòa-bình của ông bằng cách gửi đại diện tới thương-thuyết. Sau đó ông cũng còn quyết-định sẽ không ra tái ứng-cử Tổng-thống vào tháng 11 này nữa.

Đây là một đòn chính trị vô cùng lợi hại mà ngoài Johnson ra ít người có thể sử dụng được. Thật vậy, hai quyết định của ông đã làm cho các đối thủ của ông, ở cả trong lẫn ngoài nước, ngỡ ngàng bàng hoàng.

Trước hết hai ông Mac Carthy và Robert Kennedy không còn có thể trách Tổng-thống Johnson là hiếu chiến được nữa. Trước đó, hai ông này luôn luôn dùng chiêu bài ngưng oanh tạc và xuống thang chiến-ranh để cò-động bầu-cử. Nay Tổng-thống Johnson đã làm đúng với đòi hỏi của hai ông thì người ta không hiểu Mac Carthy và Kennedy còn nêu thêm lý do gì để tranh cử nữa. Vì vậy ngay hôm sau, thượng nghị sĩ Kennedy đã đánh điện yêu cầu được hội kiến với Tổng-thống Johnson để thảo luận về những phương-thức phục vụ tình đoàn kết dân tộc trong các tháng tới. Diễn văn và quyết định của Tổng-thống Johnson đã đưa ông Kennedy, từ cương vị một đối thủ tới cương vị một người muốn tiếp kế sự nghiệp.

Đối với Bắc-Việt, thái độ mới của Tổng-thống Johnson cũng không kém hiệu quả. Từ trước tới nay, chính quyền Hà - nội cố kéo dài cuộc chiến tranh để chờ một vị Tổng-thống Hoa-kỳ mới. ôn hòa hơn. Họ cho rằng Tổng - thống Johnson muốn được tái cử tất phải sớm giải quyết chiến tranh. Vì vậy họ muốn bắt bí ông, để ông phải chấm dứt chiến tranh với những điều kiện có lợi cho họ. Nhưng hai quyết định của ông Johnson đã phá vỡ kế hoạch

của Bắc - Việt. Bắc - Việt đòi ngưng oanh tạc và xuống thang chiến tranh. Tổng - thống Johnson đã làm đúng như lời yêu cầu của họ. Làm như vậy ông buộc Bắc - Việt phải chấp nhận thương thuyết. Nếu từ chối không thương - thuyết, toàn thế giới sẽ lên án Bắc-Việt là ngoan cố và hiếu chiến. Hơn nữa việc Bắc - Việt không chịu thương thuyết sau khi Hoa-kỳ ngừng bộ tới mức tối đa sẽ chứng minh rằng đường lối của tổng thống Johnson từ nhiều năm qua là hoàn toàn đúng. Việc Bắc-Việt không chịu hòa-dàm sẽ cho Tổng-thống Johnson lý do để đánh mạnh hơn trong tương lai. Và lúc đó dư-luận Mỹ sẽ không còn trách ông là hiếu chiến, nhất là lúc đó người ta sẽ có một Johnson bất vụ-lợi, tuy không ra tái ứng-cử mà vẫn hành-động mạnh-mẽ để giữ uy-tín cho Hoa - Kỳ. Sau hết, bài diễn - văn của ông Johnson còn ngầm cảnh-cáo Bắc-Việt là nếu chính-sách tương đối ôn hòa của ông thất bại, đến tháng 11 tới dân chúng Mỹ sẽ bầu lên một vị Tổng - thống cứng rắn như ông Nixon, thì khi đó Bắc - Việt phải đối phó còn gay go hơn nữa. Vì vậy người ta không ngạc nhiên khi Bắc-Việt, sau nhiều ngày lưỡng lự, đã bằng lòng cử đại-diện để hội đàm với Mỹ. Có lẽ cũng để tỏ thiện chí hòa-bình, Bắc-Việt đã giải tỏa Khu - Sanh sau 77 ngày bao vây.

Bài diễn-văn ngày 31-3 của Tổng thống Johnson còn là một đòn tình cảm làm cho dân Hoa - Kỳ xúc động. Ông muốn tỏ cho dân chúng biết rằng: chiến cuộc Việt-Nam đã làm phân - hóa xã - hội Hoa - kỳ và để gây dựng lại sự đoàn - kết dân - tộc ông nhất định hy-sinh cả chức-vụ Tổng-thống. Nhiều người lại cho rằng đây chỉ là một thủ-đoạn của một tay cáo già chính trị

nhằm mua chuộc thiện-cảm của cử-tri. Tuy ông Johnson tuyên bố không ra ứng cử nữa, nhưng rất có thể, nếu ông chấm dứt được cuộc chiến-tranh tàn hại này, thì khi đó ông sẽ được dân-chúng coi là « người của hòa-bình », và nếu lúc ấy Đại-hội Đảng Cộng-hòa nhất định đưa ông ra tranh cử có lẽ ông sẽ « miễn cưỡng » chiều theo đề rồi sẽ đắc cử về vang vì Nixon, Kennedy cũng như Mac Carthy, tất không ai lấn át nổi thành-tích của, Johnson lúc đó.

Có người cho rằng vấn-đề chính của ông Johnson không phải là cuộc bầu-cử sắp tới mà là vấn-đề Việt-Nam. Muốn có tự do hành-động, ông quyết-định không ra ứng-cử để tách rời hai vấn-đề. Ông không muốn người ta tưởng rằng ông khó nhọc về vấn-đề Việt-Nam chỉ là để được tái-cử Tổng-Thống. Cử chỉ của ông dù là một thủ đoạn chính-trị hay là một gương hy sinh cao cả, cũng đã cứu vãn được uy-tín của ông Johnson rất nhiều. Tòa Bạch-ốc đã nhận được hàng ngàn lá thư của dân chúng yêu cầu Tổng-thống Johnson ra ứng cử. Cuộc thăm dò dư-luận mới nhất cho ta hay rằng hiện thời 57% dân chúng Mỹ đã ủng-hộ chính-sách tổng-quát của Tổng-Thống Johnson, và 43% ủng-hộ chính-sách Việt-Nam của ông. Trước ngày 31-3, số người ủng hộ chính-sách tổng quát của ông chỉ có 38% và 30% tán-thành chính-sách Việt-Nam mà thôi. Trong cuộc bầu cử sơ-khởi ở tiểu-bang Wisconsin, tuy ông không chính-thức ghi tên ứng cử nhưng cũng lược được 37% số phiếu của cử tri Dân chủ, trong khi ông Mac Carthy chính thức ghi tên ứng cử lược được 57% và ông Kennedy phần còn lại.

Trong khi chính - sách Việt - Nam của ông Johnson đang được tiến triển khả quan thì ông lại gặp một khó khăn bất ngờ. Bốn ngày sau bài diễn-văn của ông, Mục-sư Martin Luther King lãnh tụ Mỹ da đen bị một người da

trắng hạ sát tại Memphis. (Tennessee). Mục-sư King chủ-trương đòi quyền bình đẳng cho người da đen bằng phương pháp bất-bạo-động. Ông King đã từng được tặng giải-thưởng Nobel về Hòa-bình. Thái-độ ôn-hòa của ông đã bị lu mờ dần trước khuynh-hướng bạo-động cuồng-tín do Stokely Michael hướng-dẫn. Sợ rằng nếu không hành động mau lẹ để đạt được mục đích thì dân da đen sẽ đi theo con đường bạo-động của Michael, ông đã tới Memphis để tổ-chức một cuộc biểu-tình bất-bạo-động. Tại đây, những người da đen nghèo khổ đương vô cùng bất mãn, họ định công không đồ rác, họ đòi chính phủ phải cho họ bình-đẳng với người da trắng. Ông King đã không kiểm soát nổi phong-trào biểu-tình của ông. Dân da đen đã không theo lời ông, họ lợi dụng cuộc biểu-tình để cướp phá. Cảnh sát phải can thiệp và kết quả là có hai người da đen bị thiệt mạng và một số lớn bị thương. Nhiều người da trắng cho là ông King chịu trách-nhiệm về những vụ lộn xộn này và có lẽ vì vậy mà ông bị một người da trắng cuồng tín hạ sát.

Cái chết của Mục-sư King đã làm cho 20 triệu người Mỹ đen phẫn nộ. Họ nổi loạn cướp phá trên toàn lãnh thổ Hoa-kỳ. Ngay tại Thủ-đô Hoa-Thịch-Đốn, chính-phủ đã phải ban hành lệnh giới-ng nghiêm từ 4 giờ chiều đến 7 giờ sáng. Hiệp thời các vụ lộn-xộn vẫn chưa được giải-quyết ổn-thỏa, nhưng chắc chắn rằng những cuộc nội-loạn da đen cũng không có ảnh hưởng bao nhiêu tới chiều-hướng chính-trị tại Việt-Nam.

Các quốc-gia cộng-sản lo lắng trước phong-trào tự-do-hóa.

Những biến-chuyển chính-trị tại Hoa-kỳ làm dư-luận quốc-tế quên lãng những

hiện-tượng chính-trị không kém quan trọng tại Trung và Đông-Âu Cộng-sản..

Như ta đã biết hiệp-thời Tiệp-Khắc đang tự-do-hóa chính-thể của họ. Công cuộc tự-do-hóa này gần như đã được hoàn tất. Ông Novotny sau khi phải nhường chức-vụ Chủ-tịch đảng Cộng-sản cho ông Dubcek đã phải nhường cả chức Tổng-thống cho tướng Ludvik Svoboda. Những biến-chuyển chính-trị tại Tiệp-khắc khiến các nước cộng-sản lân cận lo âu. Nhà cầm-quyền của các nước này ngại rằng phong-trào tự-do-hóa sẽ như vết dầu, loang dần sang nước họ. Người lo ngại nhất là ông Gomulka, Chủ-tịch đảng cộng-sản Ba-Lan. Sinh-viên Ba-Lan đang biểu-tình rầm rộ đòi tự-do. Thật ra ông Gomulka không phải là một nhà độc-tài. Người ta còn nhớ năm 1956 ông là lãnh-tụ của phe tự-do, và chính phe này đã đưa ông trở lại chính-quyền sau vụ nổi loạn của dân Ba-Lan ở Poznan. Nhưng ông không dám đi quá mau trên đường tự-do-hóa, vì hiệp thời Ba-Lan hãy còn thiếu những thành-phần trí-thức ưu-tú khả-di có thể hướng-dẫn được quần-chúng. Thật vậy, những nhà trí-thức Ba-Lan đã dần mòn bị tiêu-diệt từ năm 1939 dưới bàn tay sắt của Đức-quốc-xã, của Nga-sô và của cộng-sản Ba-Lan.

Tại Nam-tư, tuy Tổng-thống Tito là người đầu tiên chống-đối Nga và có khuynh-hướng tự-do, nhưng chính-quyền Belgrade e rằng nếu phe dân-chủ tự-do ở Tiệp-khắc thắng mau quá thì Nam-Tư mất vai trò tiên-phong cố-hữu của mình.

Hung-gia-lợi, Bào-gia-lợi và nhất là Lỗ-ma-ni, tuy trong những năm gần đây đã có một chính-sách tương-đối tự-do, nhưng vẫn e rằng nếu phong-trào tự-do..

hóa trong nước đi quá mạnh thì ba nước này sẽ bị Nga gây khó khăn.

Riêng có Nga là lo âu nhất. Không những Nga sợ phong-trào đòi tự-do ở quốc-nội mà Nga còn muốn phá phong-trào này tại Tiệp-khắc và các nước cộng-sản Đông-Âu. Tự-do-hóa tại các nước này tức là tỏ ra độc-lập đối với Nga. Nga lại có rất ít phương-tiện để ngăn chặn phong-trào này. Nga có thể làm áp-lực chính-trị để Tiệp-khắc phải từ bỏ khuynh-hướng mới, nhưng áp-lực chính

trị chỉ có kết quả giới-hạn. Chính-phủ Nga đã gọi ông Dubcek tới Dresden để giải-thích nhưng Tiệp-khắc vẫn tiếp tục chính-sách mới. Nga có thể dùng áp-lực kinh-tế, tuy hữu-hiệu nhưng phương-pháp này sẽ có kết quả là đẩy Tiệp-khắc vào tay các quốc-gia tự-do Tây-phương. Như vậy không có phương-pháp nào hoàn-toàn hữu-hiệu và Nga đang lo ngại trước sự rạn nứt của khối cộng-sản mỗi ngày một lớn lao hơn.

TỪ-TRÍ

● trong tháng tới có sở xuất bản NHÂN-CHỨNG sẽ ấn hành :

- * MÙA GẶT QUÊ HƯƠNG thơ BÍCH-HOÀI
- * NẮNG LỬA truyện dài HÀ-THỦY
- * THAO-THỨC thơ LƯƠNG-TRỌNG-MINH

ASPRO



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Do SIFAPP bào chế nhượng quyền tại V. N. KN. 192 BYT. QCAP ngày 23-3-1969

Giải-thưởng Phê-bình và Kỉ-niệm 10 năm của Bút-Việt

Sau các giải thưởng về truyện ngắn và truyện dài, hội Bút - Việt vừa phát giải thưởng phê bình, ngày 5-4-1967, tại phòng Triển lãm Đô thành, dưới sự chủ tọa của ông Tổng Trưởng Bộ Văn Hóa Giáo-Dục, đại diện Thủ-Tướng.

Người được giải — giải khuyến khích — là ông Nguyễn -Anh, bút hiệu *Hoàng-Diệp*, với bản thảo *Phê-bình Hàn-Mặc-Tử*. Và ba giám-khảo gồm có: Võ-Phiến, Thanh-Lãng, Phạm-việt.-Tuyền, Nguyễn-thành-Vinh và Nghiêm-xuân-Việt.

Buổi lễ phát giải được lồng trong cuộc Triển-lãm Hội-họa và Điều-khắc của Nguyễn-văn-Phương đề kỉ-niệm mười năm của Hội (1957-1967). Phần nửa số tiền bán tranh và tượng sẽ bỏ vào quỹ cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc vừa qua; đặc biệt một điều là người đầu tiên nào cúng cho việc cứu trợ một triệu đồng sẽ được họa-sĩ kiêm điêu-khắc-gia Nguyễn-văn-Phương hoặc họa chân dung, hoặc nặn tượng bán thân cho vị ấy.

Kỉ-niệm 10 năm của mình mà Bút-Việt —hội của những người cầm bút, rõ ràng hơn là hội của những nhà văn, nhà báo, nhà... dịch — lại triển-lãm « thành tích hoạt động » của một người cầm... cọ, người dự buổi lễ nói trên có người đã thắc mắc. Phải chăng sự danh bất chánh, ngôn bất thuận này mà có là vì « gấp thời (1) thế, thế thời phải thế ? »

MỘT NGƯỜI CẦM BÚT

(1) Thời một tháng lạc quyền toàn quốc để cứu trợ đồng bào...

THỜI SỰ KHOA-HỌC

Lại kiểm chứng Einstein

Các thuyết của Einstein về không-gian, thời-gian và trọng-lực đã trải qua nửa thế-kỷ thử thách của khoa-học và không gian-học. Trong năm vừa qua các nhà khoa-học Hoa-kỳ lại thực hiện hai thí nghiệm nữa để kiểm chứng lại lý-thuyết của Einstein.

Thí-nghiệm thứ nhất kiểm-chứng

định-luật của Einstein về sự chi-phối của trọng-lực-trường trên tốc-độ của ánh sáng. Theo Einstein, một tia-sáng hay một tín hiệu ra-đa, khi qua trọng-lực-trường của mặt trời sẽ bị chậm lại. Dựa theo lý thuyết đó các nhà khoa-học tại viện Kỹ-thuật Massachusetts đã phóng một tín-hiệu ra-đa lên Thủy-tinh vào lúc

hành-tinh này sắp sửa đi qua phía sau mặt trời, và đo thời-gian tín-hiệu đó trở về trái đất. Kết quả thí-nghiệm cho biết thời-gian tín-hiệu di-chuyển qua trọng-lực-trường mặt trời bị chậm đi một phần năm triệu giây ($1/5.000.000$). Đúng như là Einstein đã tiên đoán.

Các nhà khoa học đã nghĩ tới thí nghiệm này từ năm 1962 nhưng lúc đó chưa có một ra-đa đủ sức mạnh để phóng tín-hiệu đi hết khoảng cách trên 210 triệu cây-số từ trái đất tới Thủy-tinh. Trong thí-nghiệm vừa rồi các nhà khoa-học đã phải dùng đến đài ra-đa khổng-lồ đường kính rộng 40m tại Haystack, tiểu-bang Massachusetts, bên Mỹ. Tuy thế, tín-hiệu trở về yếu đến nỗi năng-lượng của nó còn ít hơn một ngàn lần năng lượng cần cho một con ruồi bò trên tường với tốc-độ là một milimét trong một thế-kỷ !

Sau thí-nghiệm này, các nhà khoa-học hy vọng sẽ thí nghiệm một lần nữa bằng cách phóng tín-hiệu lên Kim-tinh vào tháng 6 sắp tới, khi hành-tinh này đi vào phía sau mặt trời.

Trong một thí-nghiệm khác, ông Gerald Feinberg tại Đại-học Columbia đang tìm cách kiểm-chứng một định-luật của thuyết tương-đối nói là không có tốc-độ nào nhanh hơn tốc-độ ánh-sáng. Gerald Feinberg cho rằng định-luật đó chỉ áp-dụng cho các vi-thể bắt đầu di-chuyển từ vận-tốc nhỏ. Nhưng nếu một vi-thể luôn luôn di-chuyển với vận-tốc lớn hơn vận-tốc ánh-sáng thì vi-thể đó có thể tăng gia vận-tốc vô-hạn-định. Gerald Feinberg gọi vi-thể đó là « tachyon » (do chữ Hy-lạp *tachys* có nghĩa là nhanh). Dùng những dụng-cụ điện-tử tinh-vi các nhà vật-lý tại Đại-học Princeton đã cố gắng tìm vi-thể đó nhưng không thành

công. Giới-hạn vận-tốc do Einstein đặt ra vẫn chưa vật nào vượt khỏi.

Sau Quasars đến Pulsars.

Quái-tượng *quasars* vẫn hãy còn ám ảnh giới thiên-văn-học thì bây giờ lại đến *pulsars*. Pulsars được khám phá vào mùa hạ năm 1967. Một nữ sinh-viên tại Đại-học Cambridge, trong khi đang đo kích-thước của một quasar, tình-cờ bắt được một nguồn sóng vô-tuyến rất yếu nhưng lại có đặc tính rất lạ là thay đổi tần-số luôn luôn và rất đều, tựa như một ngôi sao lấp lánh. Sự thay đổi tần-số xảy ra theo một nhịp rất chính xác là 1,337 giây một lần. Chú ý quan-sát, các nhà thiên-văn thấy nguồn vô-tuyến đó phát-xuất từ một thiên-thể đường kính độ 6.500 km — bằng nửa trái đất — và ở cách xa ta không quá 200 năm ánh sáng. Chu-kỳ thay đổi tần-số đều đặn của nguồn vô-tuyến đã khiến các nhà thiên-văn nghi-ngờ là một thế-giới có người khác đang tìm cách liên-lạc với trái đất. Nhưng sau khi quan-sát kỹ lưỡng còn tìm thấy ba nguồn vô-tuyến tương tự như vậy ở ba miền khác trong không-gian. Vì vậy, các nhà khoa-học cho đó là một hiện-tượng thiên-nhiên chứ không phải nhân-tạo.

Hiện-tượng đó có thể phát-sinh ra hoặc từ một hành-tinh hoặc từ một chùm hai sao di-động quanh nhau. Nhưng cho đến nay các nhà thiên-văn vẫn chưa tìm được nguyên-nhân. Họ cho rằng nguồn vô-tuyến đã phát sinh từ một ngôi sao đang tàn lụi vì đã mất dần trọng-lực. Tuy nhiên giả-thuyết này vẫn chưa đứng vững vì nếu quả như vậy thì theo lý-thuyết, chu-kỳ thay đổi tần-số phải chậm hơn (vào khoảng tám giây một lần). Các giả-thuyết đó đã đưa ra nhiều

câu hỏi mới hơn là giải đáp câu hỏi hiện tại.

Ngày tận thế.

Từ trước đến nay đã bao lần các nhà tiên-tri tiên-đoán ngày tận-thế, mà ngày tận-thế vẫn chưa tới. Bây giờ đến lượt các nhà khoa-học. Hai vật-lý-gia Mỹ là Keith Mc. Donald và Robert Gunst vừa tiên-đoán là ngày tận-thế sẽ tới vào năm 3991. Trong khi các nhà tiên-tri dùng trực giác mà chiêm-nghiệm thì hai vật-lý-gia dùng tài-lệu khoa-học. Căn cứ vào các tài-liệu về sự biến-chuyển của từ-trường trái đất từ năm 1670 đến nay, các nhà khoa-học thấy là cường-độ từ-trường đã giảm đi khoảng 15 0/0 trong ba trăm năm qua. Cứ theo cái đà đó thì sau 2023 năm nữa từ trường sẽ biến mất (tức là năm 3991).

Trong khoảng thời gian 500 năm trước năm 3991 và cho tới 2000 năm về sau, từ-trường trái đất sẽ yếu đến nỗi không đủ sức chặn lại những electron và proton do mặt trời phóng ra. Các electron và proton do đó sẽ lao thẳng xuống bầu - khí quyển và mặt đất, khiến cho các sinh vật và thực-vật biến loại

hoặc diệt vong như khi bị phóng xạ.

Thời-tiết và khí-hậu cũng sẽ thay đổi rất nhiều. Áp lực không khí sẽ xáo trộn làm chuyển-hướng các luồng không-khí trên Bắc và Nam-cực. Nhiệt độ trái đất sẽ thay đổi khiến cho những vùng tươi tốt trở nên khô cằn, những sa mạc biến thành vùng băng giá. Băng ở hai cực sẽ tan khiến cho mực nước đại-dương lên cao làm tràn ngập cả các thành-phố ven biển.

Đây không phải là lần đầu tiên từ-trường trái đất sẽ thay đổi. Trong 4 triệu năm qua, các di tích địa-chất chứng tỏ từ trường trái đất đã thay đổi chín lần. Mỗi lần như vậy là từ-trường lại giảm tới một mức thấp nhất, sau đó lại từ từ tăng lên, làm cho Nam-cực biến thành Bắc cực và Bắc cực biến thành Nam cực. Lần thay đổi cuối cùng xảy ra trước đây 700.000 ngàn năm nhưng những hậu quả sinh-lý và vật-lý của sự thay đổi đã bị thời-gian làm mai một. Nếu lời tiên-đoán của hai vật-lý-gia đúng, ta sẽ phải đợi hơn hai ngàn năm nữa mới chứng kiến được những cảnh động đất chuyển trời của ngày tận thế.

NGỌC VÂN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Người Hoa-kỳ dạy con

Một nữ ký giả Mỹ, Alice Payne Hackett thử liệt kê các tác phẩm bán chạy nhất trong 70 năm qua : từ 1895 đến 1965. Đứng đầu danh sách là cuốn : *Nuôi con và dạy con cách nào ?* của bác sĩ Benjamin Spock. Tại Hoa-kỳ, tác-phẩm này đã bán ra 19 triệu 76.822 cuốn. Tại Pháp, bản dịch ra Pháp văn cũng đã bán hơn số triệu.

Simone de Beauvoir dạy đời

Cuốn *La femme rompue* gồm ba truyện ngắn. Tác-giả bảo người đọc : đừng tìm ở đây những bài học luân lý, nhưng khỏi tìm vẫn gặp những bài học lộ liễu. Và lành mạnh hết sức.

Monologue là lời độc thoại của một người đàn bà điên loạn, cô đơn. *La femme rompue* là nỗi đau đớn của một bà bốn mươi bị chồng phụ bạc, bỏ rơi.

L'âge de discrétion là một bà trí thức lấy một ông chồng trí thức, hai người cùng một khuynh hướng: cùng có « quả tim nằm phía tả », xứng đôi lắm. Ít ra cũng xứng như tác giả với Sartre, như *L'âge de discrétion* với *L'âge de raison*. Để chứng minh một óc tưởng tượng phong phú, tác giả cho nhân vật đẻ ra một đứa con trai. Tuổi rồi nhân-vật trí-thức nhận thức ra tuổi già của mình, đâm khó tính, chua chát, bi-quan. Nhưng kết cục vẫn có hậu, bà quyết định nhả-nại, cố gắng. Hai vợ chồng sẽ nương tựa nhau, giúp nhau vượt qua tuổi già, cuộc phiêu-lưu cuối cùng trong đời. Cuộc phiêu-lưu dầu sao cũng không tránh khỏi. Khi không còn lối chọn lựa nào khác, tốt hơn là hãy can đảm tiến lên...

Can đảm thế nhưng ba cuốn truyện sau cùng gần đây của Simone de Beauvoir toàn giọng ảm-đạm: già, tình phụ, chết chóc, sự sụp đổ của thể xác, cảnh bắn loạn về tinh thần v.v... Con người của « phái thứ hai » không mấy tươi tắn, kiêu hãnh nữa.

Và giới-thiệu tác-phẩm của bà, năm ba nhà phê-bình đã dùng giọng giễu cợt.

La femme rompue tha hồ nhớ tiếc « *La jeune fille rangée* ».

Nhà văn lớn

Lê-tất-Điều hứa hẹn với độc giả một tác phẩm mãi chưa ra đời được, nhan-đề là *Nhà văn*. Họ Lê bị qua mặt cái vù. Jean-Ederm Hallier xuất bản tại Pháp cuốn tiểu thuyết: *Nhà văn lớn* (*Le grand écrivain*).

Giới phê bình ở Pháp quả quyết rằng nhà văn lớn ấy không phải là Jean-Ederm Hallier. J. E. Hallier chỉ đáng là một nhà văn... ly kỳ. Ấy là một chàng tuổi trẻ rất hăng. Điều khiến nhà xuất

bản Julliard mất độ rồi bỏ. Cộng tác với Philippe Sollers, ra tạp chí *Tel Quel* ít lâu lại bỏ, làm chủ bút tạp chí *L'Herne* ít lâu rồi lại bỏ v.v... Cứ thế nhà văn Hallier ngang dọc khắp đô-thành văn nghệ, ai nấy biết mặt biết tên cả, trước khi viết về « Nhà văn lớn ».

Coi chừng các ông Salinger

Jérôme David Salinger là một nhà văn rất nổi tiếng hiện nay ở Hoa-kỳ. Một số truyện của ông đã được dịch ra tiếng Việt. Trước đây, mỗi lần giới thiệu J.D. Salinger các dịch - giả cần thận thường có lời dặn dò độc giả đừng lẫn lộn nhà văn này với Pierre Salinger, đặc trách về báo chí của cố Tổng-thống John F. Kennedy.

Gần đây, độc giả cần phải cần thận hơn nữa đối với các ông Salinger. Bởi vì Pierre Salinger bây giờ cũng quay ra viết sách. Viết hồi-ký xong ông đang xây dựng một cuốn tiểu thuyết đấy. Coi chừng.

Tổng thống La Croix

Leon Uris, tác giả cuốn *Exodus* lừng danh khắp thế giới, vừa cho xuất bản cuốn tiểu thuyết đặt tên là *Topaz*, nhằm vào De Gaulle.

Tổng thống Pháp được trình bày dưới biệt danh Pierre La Croix. Pierre La Croix cũng là một ông tướng, cũng lánh nạn sang Londres, cũng chống chính phủ Vichy, rồi cũng cai trị nước Pháp. Nhưng Pierre La Croix cai trị « yếu » lắm. Ông ta mắc lõm cộng sản, bị cộng sản xỏ mũi.

Di nhiên người Pháp chê *Topaz*.

Vua Marie I

Có một ký giả lần đầu tính thử những giọng chữ mà André Malraux đã dành

Cho các danh nhân trong cuốn *Antimémoires*.

Churchill được 10 hàng, Hitler 26 hàng, De Gaulle 542 hàng, Mao trạch Đông 616 hàng, Nehru được 974 hàng.

Nehru như vậy được nhà văn-hóa Pháp khâm phục nhất : ông chiếm được 1 phần 3 số chữ dành cho một kẻ vô danh. Thực vậy, một người tên là David Mayrena được nói đến suốt 2.744 giòng chữ.

David Mayrena ? Ai vậy ? — Người dân Việt-nam phải nhớ đến anh chàng này. Bởi vì đó là ông vua người thượng Sédang !

Thật ra anh ta là con của một thủy-thủ Pháp. Đang lính qua Nam Việt ít lâu, trở về Pháp, chơi bời. Rồi lại sang Việt Nam, được giao phó đi chinh phục người thượng Sédang ở Cao-nuỳên. Anh ta bị người Sédang tóm được, sắp giết, nhờ lấu cá, anh ta lừa được kẻ thù và được người thượng tôn làm vua, đặt đế-hiệu là Marie I.

Sau, vua Marie I chán cảnh ngai vàng, bỏ trốn về Paris chơi. Lêu lổng, túng thiếu, vua lại toan qua Việt-nam tìm về ngôi cũ lần nữa, nhưng nhà cầm quyền Pháp ngăn cản. Vua bị rắn cắn chết ở Mã-lai cuối năm 1890.

Tiểu thuyết cũ kỹ

Henri Troyat là một nhà văn già. Già và cũ kỹ. Trong khi nhóm tiểu-thuyết-mới của Alain Robbe-Grillet ra đời rầm rộ, Troyat cứ viết tiểu thuyết cũ. Tới khi nhóm Robbe-Grillet hết rầm rộ, bị Pierre de Boisdeffre nổi nóng xỉ vả thậm tệ, Troyat vẫn cứ viết tiểu thuyết cũ, như không có việc gì xảy ra.

Kỳ thật, có một việc lý thú đã xảy ra. Đó là sách của H. Troyat bán rất chạy. Bộ tiểu thuyết trường giang về gia-đình

Eygletière, trong vòng ba năm qua, bán được 800 000 cuốn.

Chấm dứt câu chuyện nhóm Eygletière, bây giờ ông già Troyat lại cứ đều đều tiến tới một bộ truyện ba cuốn nữa, bộ *Những kẻ thừa tự tương lai* (*Les héritiers de l'avenir*). Tập thứ nhất in 100.000 cuốn, bán sạch trong vòng năm ngày.

Tiểu thuyết kỳ quái

Trường hợp cuốn *Le défi Américain* là một trường hợp hi hữu hiện nay ở Pháp. Suốt nửa năm trời, tác phẩm của Jean Jacques Servan. Schreiber luôn luôn đứng đầu bảng xếp hạng các sách bán chạy nhất nước.

Nhân dịp *Le défi Américain* được dịch sang tiếng Tây-ban-nha tác giả được mời sang đây tiếp xúc với giới trí thức và sinh viên. Nghe nói những cuộc tiếp xúc ấy cũng hi hữu : dưới chính thể của Franco, trước đó, chưa bao giờ có những cuộc họp mặt đông đảo, tự do, cởi mở như vậy.

Vậy mà khi mới ra đời *Le défi Américain* sự bị chìm, nó xuất làm chuyện lố bịch : đòi tranh giải Goncourt là giải thưởng dành cho tiểu thuyết !

Vở kịch tai ác.

Cuộc xung-đột giữa một bên là trí-thức, văn-sĩ, sinh-viên, một bên là giới cầm-quyền ở Ba-Lan bùng nổ nhân vụ cấm một vở kịch của Mickiewicz. Kịch bị cấm, các nhà văn phản-đối, đòi bỏ kiểm duyệt, sinh-viên xuống đường đòi mở rộng tự-do. Chính-quyền lắc đầu nguây-nguây. « Ai có thể quan-niệm nổi một xứ xã-hội chủ-nghĩa không có chỉ-đạo văn-ngệ mà lại có sinh-viên xuống đường ! »

Đầu thế kỷ các cuộc nổi dậy là đề đòi bánh mì, giữa thế-kỷ người ta lại nổi dậy vì sách báo. Hãy mừng cho các cuộc

nổi dậy. Mừng cho bước tiến của loài người.

Nhật báo lạ lùng.

Tờ nhật báo *Mạc - tư - khoa - Chiều* (Vetchernaya Moskva) số ra ngày thứ tư đầu tháng 3-1968 có đăng trong mục rao vặt tên một người mất chiếc va-li, chen lẫn với một số quảng-cáo hàng-hóa.

Đó là chuyện động trời, mở đầu một kỷ-nguyên mới của báo chí Nga-xô. Nước xô-viết rao hàng trên báo, ôi mới lạ.

Sáng kiến này làm cho tờ *Mạc-tư-khoa - Chiều* bỗng nhiên ăn khách, tăng số độc-giả. Cao húng, tòa-soạn hứa hẹn rằng từ đây cứ mỗi tuần đến ngày thứ tư, lại sẽ ra một số đặc-biệt như thế, mãi mãi.

Khuynh-hướng hội-họa.

Ngày Trung - tâm Bút-Việt trao giải thưởng Phê-bình cho ông Anh-Đào (tức thi - sĩ Hoàng - Diệp), tác-giả một tập nghiên-cứu về nhà Thơ Hàn-Mặc-Tử,

cũng là ngày khai - mạc cuộc triển - lãm hội-họa và điêu-khắc của Nguyễn-văn-Phương.

Theo bản liệt-kê danh-sách tác-phẩm trưng bày của hội-sĩ thì về điêu-khắc chỉ có một khuynh-hướng Hiện-thực cổ-điển, về hội-họa khuynh-hướng có những năm :

Hiện-thực lý-tưởng (được phiên dịch: realism - idealism)

Hiện-thực lãng-mạn (được phiên dịch: realism - romanticism)

Siêu-thề thi - ca (được phiên dịch: metaphysi: - poetry)

Siêu thề luân-sinh (được phiên dịch: metaphysic - histolycism)

Siêu thề hóa - sinh (được phiên dịch: metaphysic - odyssism).

Có một bản tập riêng đủ hết mọi thứ: luân sinh, hóa sinh, siêu thề, hiện thực v. v... được định giá nhượng lại là hai triệu đồng.

TRÀNG THIÊN

HỘP THƯ

Tập chí *Bách-khoa* đã nhận được những bài sau đây: Phương ý; Xuân; Xuân gieo hạnh phúc (Hoài-Mai). Biển tình yêu; Lời nước mắt; Ru; Hoang; Thơ anh bây giờ; Mùa xuân ở Huế (Lữ Quỳnh). 6 chân dung tình yêu (Hàn-Thế-Phong). Tình khúc cuối (Phạm-Hoàng-Thanh). Dấu xưa (Nguyễn-sinh Duy). Cô tịch; An nhàn; Tàn cuộc; Tôi, tình nhân; Trong nắng đầu xuân; Xuân ở vườn; Đêm (Đình-xuân-Phương). Lời rao thứ nhất; Lời rao thứ nhì. Nói thầm; Nhìn xuống (Trương Quang). Ba bài thơ (Hoàng). Nước mắt mờ côi (Lê-Huy-Kha). Nói với cha má; Đêm Mồng Hai (Nguyễn-thị Sông - Hồng). Phận mình Việt-Nam (Mạc-Ly-Châu). Hấp hối; Tiếp tục; Tôi... (Đỗ-văn-Tịch). Những bài thơ viết từ trại nhập ngũ số 2 (Cao Du Ca). Chạy giặc; Nhớ

người; Về khuya; Dắt áo (Đình-xuân-Phương). Làm thí-nghiệm (Thái-Huy-Long). 6 đoản khúc trong vùng lửa (Hứa-Đình-Anh). Tương Lai (Kinh Dơng-Vương). Nhìn về thành phố; Tôi bây giờ (Tâm Dương). Ngại ngừng (Tài Chung). Bất hạnh; Một ngày hoàn toàn (Hoài hương Tích). Lời khuyên con; Sahara (Trần tích Thủy). Tay nửa mộng đời; Khoảng không còn lại; Kỷ-niệm gửi em (Tô Hưng Bha). Kể chuyện mùa xuân (Tâm Dương). Giữa bốn phương trời; Tượng-tượng khi mình đi trên sông (Nhật-Huyền-Thanh). Trường ca Nhứt-Tảo (Việt Huy Nguyễn Tuấn Quốc)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ *Bách-Khoa* mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

Kiểm duyệt số 173 T. B. T. T. ngày 16-4-1968.